**GIÁO ÁN DẠY THÊM NGỮ VĂN 7HK1-KNTT**

Ngày soạn:

Ngày dạy.

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**BUỔI 1 (TIẾT 1+2+3) ÔN TẬP VĂN BẢN**

**BẦY CHIM CHÌA VÔI (**Nguyễn Quang Thiều)

**ĐI LẤY MẬT (**Đoàn Giỏi)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập truyện, truyện ngắn, tiểu thuyết qua hai văn bản đã học

- ôn tập củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật của văn bản: *Bầy chim chìa vôi và Đi lấy mật*.

**2. Năng lực:**

* HS nhớ được đề tài và người kể chuyện ngôi thứ; phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật
* HS biết phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật và cảm nhận về chủ đề của truyện.
* HS biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập củng cố
* HS biết kết nối VB với trải nghiệm cá nhân

**3. Phẩm chất:** HS được bổi đắp cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu thiên nhiên, lòng trân trọng sự sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV cho HS ôn tập về đặc điểm truyện.**  ?Khái niệm về truyện? truyện ngắn? tiểu thuyết?  ?Truyện có đặc trưng gì so với các thể loại em đã học?  ?Em đã học các kiểu truyện nào?  ?Yêu cầu khi đọc truyện ntn? | **A. Kiến thức cần nhớ**  **I. Đặc điểm thể loại truyện và tiểu thuyết:**  **1. Khái niệm:**Truyện là phần lớn các tác phẩm truyện đều sử dụng nhiều trí tưởng tượng, óc sáng tạo của tác giả trên cơ sở quan sát, tìm hiểu cuộc sống và thiên nhiên (nội dung trong truyện không hoàn toàn giống hệt như trong thực tế); có nhân vật, cốt truyện và lời kể.  **\***Truyện ngắn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, thường được viết bằng văn xuôi, để người đọc tiếp thu liền một mạch, đọc một hơi không nghỉ.  **2. Tiểu thuyết:** Là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.  3. **Đặc trưng của truyện**   -Truyện phản ánh hiện thực trong tính khách quan của nó  - Truyện có cốt truyện, nhân vật, tình huống, mâu thuẫn diễn ra trong hoàn cảnh không gian và thời gian  - Truyện sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ngôn ngữ người kể chuyện còn có ngôn ngữ nhân vật. Bên cạnh lời đối đáp còn có lời độc thoiaj nội tâm. Lời kể khi thì ở bên ngoài khi thì nhập tâm vào nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện gần với ngôn ngữ đời sống.  **4. Các kiểu loại truyện**  Thể loại: sáng tác dân gian (ngụ ngôn, truyện cười, truyền thuyết, cổ tích..), truyện trung đại, truyện hiện đại (truyện ngắn, tiểu thuyết và truyện thơ…)  **5.Yêu cầu về đọc truyện và tiểu thuyết**  **a. Đọc hiểu nội dung:**  - Hiểu cốt truyện, diễn biến của tình tiết chính  - Nhận biết được đề tài, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Nhận biết được tính cách của các nhân vật qua hành động, lời thoại,…của nhân vật và lời của người kể chuyện.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nắm được tính cách của nhân vật từ đó hiểu tư tưởng, đặc điểm nghệ thuật của truyện  **b. Đọc hiểu hình thức:**  - Nhận biết được các yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền…)  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học. |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  **Phiếu 1: Bầy chim chìa vôi**   1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm. 2. Nội dung và nghệ thuật. | **II. Bầy chim chìa vôi**  **1. Tác giả: Nguyễn Quang Thiều**  **a. Tiểu sử**  - Nguyễn Quang Thiều (1957)  - Quê quán: thôn Hoàng Dương (Làng Chùa), xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội)  **b. Sự nghiệp**  - Là một nhà thơ, nhà văn  - Làm việc tại báo Văn nghệ từ năm 1992 và rời khỏi năm 2007  - Ông sáng tác thơ, viết truyện, vẽ tranh,... và từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế  - Các tác phẩm chính: Ngôi nhà tuổi 17 (1990), Thơ Nguyễn Quang Thiều (1996), Mùa hoa cải bên sông (1989),  Người, chân dung văn học (2008)...  **c. Phong cách sáng tác**  - Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều rất chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường, thể hiện được vẻ đẹp của tâm hồng trẻ thơ nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.  - Không chỉ là nhà thơ tiên phong với trào lưu hiện đại mà còn là cây viết văn xuôi giàu cảm xúc. Trong ông không chỉ có con người bay bổng, ưu tư với những phiền muộn thi ca, mà còn có một nhà báo linh hoạt và nhạy bén.  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**: trích “Mùa hoa cải bên sông”  **b. Thể loại**: truyện ngắn.  **c. Phương thức biểu đạt**: tự sự.  **d.Nhân vật:** Hai anh em Mên và Mon.  **e.Đề tài:** Tuổi thơ và thiên nhiên (Hai đứa trẻ và bầy chim chìa vôi)  g**.Tóm tắt:** Văn bản *Bầy chim chìa vôi* nói về cuộc phiêu lưu của hai anh em Mên và Mon, với tấm lòng nhân hậu, hai cậu bé quyết tâm đi cứu tổ chim chìa vôi vì mưa bão có thể bị nước sông nhấn chìm. Đến khi rạng sáng, khi nhìn thấy bầy chim non cất cánh bay lên từ bãi cát giữa sông, hai anh em Mên và Mon cảm thấy xúc động, vui vẻ khó tả.  **3. Giá trị nội dung, nghệ thuật**  **a. Nội dung:** Câu chuyện về hai cậu bé giàu lòng nhân hậu, tình yêu thương bầy chim nhỏ bé nhưng kiên cường, dũng cảm  **b. Nghệ thuật:**  - Cách kể chuyện hấp dẫn, tình tiết bất ngờ, xen lẫn miêu tả, biểu cảm  - Phép nhân hóa, so sánh |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  **Phiếu 1: Đi lấy mật**   1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm. 2. Nội dung và nghệ thuật. | **III. Đi lấy mật**  **1.Tác giả:**  - Đoàn Giỏi (1925 – 1989) quê ở Tiền Giang.  - Ông là nhà văn của miền đất phương Nam với những sáng tác về vẻ đẹp thiên nhiên trù phú, con người chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình và cuộc sống nơi đây.  - Ông có lối miêu tả vừa hiện thực vừa trữ tình và ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương.  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Đường về gia hương (1948), Cá bống mú (1956), Đất rừng phương Nam (1957)  **2. Tác phẩm Đi lấy mật**  **a.Thể loại:** Tiểu thuyết.  **b.Nhân vật:** Tía An, má nuôi An, An là con nuôi trong gia đình Cò và Cò. Họ sinh sống ở vùng rừng tràm U Minh  **c. Xuất xứ.**  - Đất rừng phương Nam là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi.  - Đoạn trích “Đi lấy mật” là tên chương 9, kể lại một lần An theo tia nuôi (cha nuôi) và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh.  **d. Phương thức biểu đạt:** tự sự.  **e.** Ngôi thứ nhất (là nhân vật “tôi” – An)  **g. Tóm tắt văn bản Đi lấy mật:**  Đoạn trích *“Đi lấy mật”* kể về một lần An cùng Cò và cha nuôi cùng nhau vào rừng U Minh đi lấy mật ong. Xuyên suốt đoạn trích là cảnh sắc đất rừng phương Nam được tác giả miêu tả hiện lên vô cùng sinh động, vừa bí ẩn, hùng vĩ, lại vừa thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân nơi đây qua những suy nghĩ của cậu bé An.  **h. Đề tài:**  - Tuổi thơ và thiên nhiên (Đi lấy mật trong rừng U Minh).  **3. Giá trị nội dung, nghệ thuật:**  **a. ND:** Đoạn trích “Đi lấy mật” kể về trải nghiệm đi lấy mật ong rừng của An cùng Cò và cha nuôi. Trong hành trình này, phong cảnh rừng núi phương Nam được tác giả tái hiện vô cùng sinh động, huyền bí, hùng vĩ nhưng cũng rất thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân vùng U Minh.  **b. Nghệ thuật:**   - Ngôi thứ nhất xưng “tôi” giúp cho lời kể tự nhiên, chân thực.  – Tác giả sử dụng mọi giác quan để cảm nhận vẻ đẹp của vùng sông nước Cà Mau.  – Vận dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật như liệt kê, so sánh… nhằm làm tăng giá trị biểu đạt, biểu cảm.  - Vốn hiểu biết phong phú của tác giả  - Cảm nhận bằng nhiều giác quan… |
| **IV. Luyện tập.**  **ĐỀ ĐỌC HIỂU TRONG CHƯƠNG TRÌNH**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 1**  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông. [...] Hai anh em thằng Mên tìm đến cái ổ chim chìa vôi. Thấy động, những con chim chìa vôi non kêu líu ríu. Hai đứa bé ý tứ quỳ xuống bên cạnh.*  *- Anh bảo bao giờ thì chúng nó bay được? - Thằng Mon hỏi.*  *- Mấy ngày nữa.*  *- Thế mẹ chúng đi kiếm ăn à?*  *- Ừ.*  *- Chim chìa vôi có ăn được hến không?*  *- Tao không biết, nhưng bố mẹ nó vẫn lội kiếm ăn ở ven sông.*  *- Mình bắt hến bỏ vào tổ cho chúng ăn anh nhé?*  *- Ừ thì đi.*  *Hai đứa bé đi ra mép nước. Chúng tìm những cái lỗ hang nhỏ. Trong những cái hang nhỏ ấy luôn luôn có một con hến hoặc một con trùng trục. Chỉ một loáng hai đứa đã bắt được một nắm hến. Chúng xếp những con hến dính đầy đất cát bên tổ chim. Trước khi rời dải cát, Mên nói với em nó:*  *- Mày không được nói cho đứa nào biết cái tổ chim này nhé. Mày mà nói tao* *không cho mày ra đây nữa.*  (Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi*, in trong *Mùa hoa cải bên sông*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012, tr. 138 - 139)  [Câu 1: Đoạn trích trên nằm ở vị trí trước hay sau đoạn kể về sự việc hai anh em Mên và Mon chèo đò ra bãi cát giữa sông để cứu bầy chim chìa vôi trong SGK? Nhờ đâu em nhận biết được vị trí của đoạn trích?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Trong đoạn trích trên, tính cách của hai nhân vật Mên và Mon chủ yếu được nhà văn khắc hoạ qua những chi tiết nào?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3 trang 5 SBT Ngữ Văn lớp 7 Tập 1: Tìm trong đoạn trích trên một câu có thành phần trạng ngữ là một cụm từ.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Xác định trạng ngữ trong các câu sau:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông.*  *b. Chỉ một loáng hai đứa đã bắt được một nắm hến.* |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 2**  **Đọc lại văn bản *Bầy chim chìa vôi*** *(*từ *Mùa mưa năm nay đến cứ lấy đò của ông Hảo mà đi)* trong SGK (tr. 13 - 14) và trả lời câu hỏi:  [Câu 1: Chỉ ra những câu văn không phải là lời của nhân vật. Em dựa vào đặc điểm nào để xác định như vậy?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2: Hai anh em Mên và Mon trò chuyện với nhau về những gì? Điều gì khiến hai bạn nhỏ đặc biệt quan tâm?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Qua những lời đối thoại của hai anh em Mên và Mon, em có cảm nhận như thế nào về từng nhân vật?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: Em có thích những lời đối thoại của hai nhân vật Mên và Mon không? Vì sao?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Tìm trong đoạn trích trên một câu có thành phần trạng ngữ và cho biết chức năng của trạng ngữ trong câu đó.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 6: Tìm từ láy và giải thích nghĩa của mỗi từ trong các câu sau:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-4-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.*  *b. Mày có nhìn thấy cái chấm đen to to ở vây nó không?*  Thử thay các từ láy em đã tìm được bằng những từ ngữ đồng nghĩa. |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 3:**  **Đọc lại văn bản *Đi lấy mật* (từ *Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng* đến *trông cái miệng thấy ghét quá*) trong SGK (tr. 21 - 22) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Nhân vật An có những cảm xúc gì khi quan sát cảnh rừng U Minh?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2: Điều gì khiến nhân vật An cảm thấy “bực mình” với người bạn đồng hành của mình?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Vì sao nhân vật Cò có thái độ “lơ là” không hưởng ứng những cảm xúc của nhân vật An?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: Nêu nhận xét về cách nhà văn miêu tả lời nói và cảm xúc, suy nghĩ của hai nhân vật An và Cò.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Chủ ngữ (in đậm) trong câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  *Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao*, ***một bầy chim hàng nghìn con****vọt cất cánh bay lên.*  [Câu 6: Vị ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn vị ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng.*  *b. Tôi nhìn theo ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp.* |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 4.**  **Chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật trong đoạn văn sau:**  *Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:*  *- Anh Mên ơi, anh Mên!*  *- Gì đấy? Mày không ngủ à? - Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.* |   **ĐỀ ĐỌC HIỂU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:**  ***Quà của bà***  *Bà tôi bận lắm, cặm cụi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tấm bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mớ táo. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.*  *Gần đây, bà tôi không được khỏe như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà bị đau chân. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi: khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na, hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra. Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà. Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!*  *Bà ơi bà! Ô mai sấu bà cho, cháu sẽ chia cho bố cháu, mẹ cháu và anh cháu… Cháu biết rồi, bà ơi… Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lần ra sân, nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái. Rồi bà rửa, bà ngâm muối, bà phơi. Bà gói thành từng gói nhỏ, bà đợi các cháu đến bà cho…*  (Theo Vũ Tú Nam)  **Câu 1**: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?.  **Câu 2**:Xác định trạng ngữ trong câu sau: “*Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lần ra sân, nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái.”*  **Câu 3**:Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!”*  **Câu 4**: Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua văn bản trên?  **Câu 5**: Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ), nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà và tình cảm của nhân vật “tôi” đối với bà. | | |
| |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuồng buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có tiếng người nói chuyện rì rầm bên bờ. “A! Thế thì đến nhà chú Võ Tòng rồi!”. Tôi ngồi dậy, dụi mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến. Tôi bước theo ra khỏi xuồng, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu” Ché… ét, ché… ét” trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói “Thằng bé của anh nó lên đấy!”.*  *- Vào đây, An! - Tía nuôi tôi gọi.*  *Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột và dừng lại chỗ cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây. Trước mặt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít. Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*  *- Ngồi xuống đây chú em.*  *- Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa. Chú cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi). Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả. Lạu còn thắt cái xanh- tuya- rông nữa chứ!*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và nội dung đoạn trích.  **Câu 2**. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện? Kể theo ngôi kể đó có tác dụng gì?  **Câu 3.** Tìm những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách của chú Võ Tòng. Qua đó gợi lên trong em ấn tượng gì về chú Võ Tòng?  **Câu 4.** Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh không gian như thế nào?  **Câu 5.** Chỉ ra đặc sắc về ngôn ngữ phong cách, lối sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ thể hiện trong đoạn trích. |   **GỢI Ý PHIẾU SỐ 1:**  **C1:**- Đoạn trích trên nằm ở vị trí trước đoạn kể về sự việc hai anh em Mên và Mon chèo đò ra bãi cát giữa sông để cứu bầy chim chìa vôi trong SGK  - Dấu hiệu:  + Thời gian: *Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông...*  + Hình ảnh bầy chim chìa vôi: *những con chim chìa vôi non kêu líu ríu và nằm yên trong tổ đợi chim bố mẹ về mớm mồi...*  **C 2:**  - Em có thể chọn phân tích một vài chi tiết miêu tả lời nói hoặc cử chỉ, hành động để nhận biết đặc điểm tính cách của một trong hai nhân vật. Ví dụ:  + Các chi tiết miêu tả lời nói: Mon hỏi anh những con chim chìa vôi non bao giờ bay được và bố mẹ chúng đi đâu, chúng có ăn được hến không, rủ anh tìm thức ăn cho chúng; Mên giải thích cho em và đồng tình với em;...  + Các chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động: ý tứ quỳ xuống bên cạnh tổ chim để bầy chìa vôi non không sợ hãi; đi tìm những con hến và xếp cẩn thận bên tổ chim;...  - Căn cứ vào các chi tiết đã phân tích, em có thể khái quát đặc điểm tính cách của từng nhân vật.  + Nhân vật Mon: tò mò, ham hiểu biết, vô tư, hồn nhiên.  + Nhân vật Mên: giải thích cho em hiểu và đồng tình với em.  **C3:**  - Một câu có thành phần trạng ngữ là một cụm từ: *Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông.*  - Trang ngữ “Mươi ngày trước” có cấu tạo là 1 cụm danh từ.  [**Câu 4.**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-5-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp) Trạng ngữ trong các câu trên là:  *a. Mươi ngày trước.*  *b. Chỉ một loáng.*  **GỢI Ý PHIẾU SỐ 2:**  **Câu 1:**  - Những câu văn không phải là lời của nhân vật là:  + Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa lên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.  + Thằng Mên nằm im lặng không trả lời em nó. Lâu sau nó hỏi:  + Hai đứa bé lại nằm im lặng. Mưa vẫn đổ xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phiên cửa liếp cành cạch.  + Thằng Mên quay sang phía em nó hỏi.  + Thằng Mên bật cười khoái chí.  + Thằng Mên hỏi sau một phút im lặng.  → Đây là những câu văn thể hiện lời của người kể chuyện.  Dấu hiệu nhận biết: dựa vào nội dung câu văn và các câu này không có dấu gạch ngang đánh dấu lời thoại trực tiếp của nhân vật.  [Câu 2](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-4-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)**:**  - Mon nói với Mên về những con chim chìa vôi; về chuyện bố đi kéo chũm hôm qua; việc Mon cứu con cá bống; về ý định cứu những con chim chìa non ở ngoài dải cát giữa sông.  - Qua nội dung cuộc trò chuyện, em cảm nhận Mon là cậu bé hồn nhiên, sống tình cảm, yêu thương và giúp đỡ các con vật bé nhỏ.  **Câu 3**  - Nhân vật Mon: lễ phép, khẩn khoản, tính trẻ con, hồn nhiên, …  - Nhân vật Mên: tỏ vẻ người lớn, chững chạc, …  **Câu 4**  - Em thích những lời đối thoại của hai nhân vật Mên và Mon không.  - Vì những lời đối thoại đó chân thực, sinh động, phù hợp với đặc điểm từng nhân vật.  **Câu 5**  - Câu có thành phần trạng ngữ: *Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.*  - Trong câu này*, bây giờ* là thành phần trạng ngữ chỉ thời gian.  **Câu 6**  Từ láy và nghĩa của từ láy trong câu:  a. *Liên miên*: mưa kéo dài, không ngừng, không dứt. Có thể thay bằng từ ngữ đồng nghĩa: liên tục, không ngừng,...  b*. To to*: có kích thước lớn hơn một chút so với bình thường. Có thể thay bằng từ ngữ đồng nghĩa: khá to, to,...  **GỢI Ý PHIẾU SỐ 3:**  **Câu 1:** Nhân vật An được nhà văn miêu tả qua những chi tiết:  - Hành động:  + Chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng đi mượn. + Đảo mắt khắp nơi để tìm bầy ong mật.  + Reo lên khi nhìn thấy bầy chim đẹp.  + Ngước nhìn tổ ong như cái thúng.  - Suy nghĩ:  + Về những lời má nuôi đã dạy mà không có trong sách giáo khoa.  + Về thằng Cò: An nghĩ Cò chưa thấm mệt vì cặp chân như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chẳng thấy mùi.  + Lặng im vì nghĩ rằng nếu hỏi gì thì bị khinh vì cái gì cũng không biết.  + Nghĩ lại những lời má kể  - Trạng thái, cảm xúc:  + Mệt mỏi sau một quãng đường đi.  + Vui vẻ reo lên và đúc kết ra những điều quý giá để có thể nhìn thấy được bầy ong mật.  - An có những quan sát và miêu tả rất tinh tế về khu rừng U Minh.  - An có mối quan hệ rất tốt với bá nuôi và tía nuôi, cậu bé luôn lăng nghe những lời chỉ bảo của mọi người. Tuy An với Cò rất hay cãi nhau, nghịch ngợm nhưng cũng đều là những người thân thiết, gắn bó.  An là một cậu bé nghịch ngợm nhưng lại ham học hỏi và khám phá. Cậu bé có những suy nghĩ, quan sát và rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc.  [**Câu 2:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Điều khiến nhân vật An cảm thấy “bực mình” với người bạn đồng hành của mình là những lời đáp và thái độ “lơ là” của Cò, cảm giác “tự ái” của nhân vật An.  [**Câu 3:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Nhân vật Cò có thái độ “lơ là” không hưởng ứng những cảm xúc của nhân vật An vì Cò sinh ra và lớn lên ở vùng rừng U Minh nên rất am hiểu nơi đây. Những điều khiến An ngạc nhiên, thích thú đều không hề mới lạ đối với Cò.  [**Câu 4:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)- Ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật chân thực, sinh động.  - Các chi tiết miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của hai nhân vật phù hợp với đặc điểm của từng nhân vật. Ví dụ: Chi tiết miêu tả cảm giác “bực mình” và tự ái của An; thái độ “lơ là” và sự hồn nhiên, vô tư của Cò.  [**Câu 5:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành ***một bầy chim***. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn có thông tin về số lượng (hàng nghìn con) của bầy chìm mà chỉ có thông tin “một bầy chim” chung chung.  [**Câu 6:**](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-6-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Vị ngữ: *tiếp tục đi tới một cái trảng rộng*. Có thể rút gọn vị ngữ thành *tiếp tục đi*. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ điểm đến của hoạt động đi (*tới một cái trảng rộng*).  b. Vị ngữ: *nhìn theo ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp*. Có thể rút gọn vị ngữ thành *nhìn theo*. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ điểm nhìn của nhân vật tôi (*ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp)*  **GỢI Ý PHIẾU 4.**   |  |  | | --- | --- | | Lời người kể chuyện | - "Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:".  - "Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.". | | Lời nhân vật | - "Anh Mên ơi, anh Mên!"  - "Gì đấy? Mày không ngủ à?" |   **GỢI Ý PHIẾU SỐ 5:**   |  |  | | --- | --- | | 1 | Thể loại: Truyện | | 2 | Trạng ngữ: *Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió* | | 3 | Biện pháp tu từ: Liệt kê.  Liệt kê cử chỉ, hoạt động của bà: ngồi dậy, cười cười, mở, đưa | | Tác dụng: Thể hiện hình ảnh người bà hiền hậu với tình thương yêu trìu mến của bà dành cho người cháu; luôn quan tâm và dành cho cháu những món quà “đặc biệt” mà cháu thích. | | 4 | Đây là câu hỏi mở, tùy học sinh lựa chọn bức thông điệp miễn là lí giải hợp lí. Dưới đây là một số nội dung gợi ý:  - Tình cảm của bà cháu là tình cảm gia đình thiêng liêng quý giá vì đây là tình cảm làm cơ sở cội nguồn cho tình yêu quê hương đất nước.  - Chúng ta cần yêu thương và có hiếu với bà vì tình yêu thương của bà dành cho cháu là sâu nặng vô bờ bến.  - Cần kính yêu, tự hào và giữ gìn trân trọng tình cảm bà cháu. Vì đó là tình cảm thiêng liêng, là điểm tựa cho cuộc đời của mỗi chúng ta...  - Người cháu thấu hiểu và cảm nhận được tình cảm của bà dành cho mình và rất mực yêu thương, kính trọng bà nên đã viết về bà với thái độ trân trọng ngợi ca bà…  (HS cần nêu ít nhất 2 nội dung) | | 5 | a. Đảm bảo thể thức đoạn văn, số chữ qui định. | | b. Xác định đúng nội dung đoạn văn: Hình ảnh người bà | | c. Nội dung:  - Hình ảnh người bà: nhân hậu, yêu thương các cháu hết lòng, dù tuổi cao sức yếu nhưng vẫn đến thăm cháu và khi chân đau không thể tiếp tục đến thăm cháu được, bà vẫn luôn có quà cho cháu, làm ô mai sấu cho cháu…  - Tình cảm của nhân vật “tôi”: gần gũi, thấu hiểu những tình cảm bà dành cho mình, từ đó rất mực yêu thương, kính trọng, tự hào ngợi ca bà. | | |
| **PHIẾU SỐ 6:**  **Câu 1.** Phương thức: Tự sự**.** Nội dung: bối cảnh gặp gỡ của cha con tía nuôi An với chú Võ Tòng.  **Câu 2**. Ngôi kể: thứ nhất. Người kể chuyện: Cậu bé An. Tác dụng: Truyện kể trở nên chân thực.  **Câu 3.**  **- Nhà cửa:** *ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến.*  **- Cách ăn mặc:**  *+ Chú cởi trần mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi).*  *+ Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả.*  *+ Thắt cái xanh- tuya- rông.*  **- Tiếp khách:**  *+ Chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít.*  *+ Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*  **- Ý nghĩa:** Những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách,... gợi lên ấn tượng về chú Võ Tòng là một người có lối sống dân dã, phóng khoáng, gần gũi với thiên nhiên.  **Câu 4.** Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh, không gian hoang sơ.  **Câu 5.** Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:  + Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (tía, má, khô nai, xuồng...)  + Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ.  + Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, tình cảm.  + Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng.  **BÀI TẬP VẬN DỤNG:** [**Viết đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích ‘Đi lấy mật’.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-7-kn/trinh-bay-cam-nhan-cua-em-ve-mot-chi-tiet-thu-vi-trong-doan-trich.jsp)  **Đoạn văn tham khảo:**  Đoạn trích***Đi lấy mật*** kể về câu chuyện 3 cha con Cò An đi vào rừng lấy mật, qua đó tác giả bật mí cho chúng ta về cách làm tổ cho loài ong mật. Trong đoạn trích em ấn tượng nhất với “sân chim” trong khu rừng U Minh. Giữa rừng U Minh rậm rạp, những tia nắng len lỏi vào các tán lá để soi xuống mặt đất còn hơi sương; ánh nắng xen lẫn hương tràm ngây ngất phang phảng khắp rừng khiến con người cảm thấy dễ chịu. Trong không gian đó, một đàn chim hàng ngàn con cất cánh như vỡ trận, không gian im ắng bỗng ồn ào và náo nhiệt như nhà có hội với đủ sắc màu: chim già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ, chim nhỏ bay vù vù… Tất cả làm nên một không gian U Minh tuyệt vời khiến ai đọc cũng khao khát một lần được ghé thăm. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 2 (Tiết 4+5+6):**

**- THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**- Ôn tập văn bản: *Ngàn sao làm việc*** *(Võ Quảng)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức về: Trạng ngữ, mở rộng thành phần trạng ngữ của cầu bằng cụm từ. Mở rộng thành phần chính của cầu bằng cụm từ.

- Ôn tập văn bản: *Ngàn sao làm việc.*

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được trạng ngữ, hiểu được tác dụng của việc mờ rộng thành phẩn trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

- Năng lực nhận diện mở rộng thành phần chính bằng cụm từ

- Năng lực biết mở rộng thành phần chính cúa cầu bằng cụm từ.

- biết vân dụng kiến thức vào làm bài tập

**3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**?Nhắc lại nội dung bài học phần THTV trong chủ đề 1?**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV cho HS nhắc lại kiến thức đã học:**  ?Thế nào là trạng ngữ?  ?Tác dụng của việcmở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ ?  ?Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ nào? | **A. Kiến thức cần nhớ**  **I. MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**  **1. Khái niệm:** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu để chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc và hành động…  **2. Cấu tạo**  - Trạng ngữ có thể là một từ hoặc cụm từ.  + Trạng ngữ có cấu tạo là một từ.  VD: ***Bây giờ****, mưa to lắm.*  + Trạng ngữ có cấu tạo là một cụm từ.  VD: ***Khoảng hai giờ sáng*** *Mon tỉnh giấc.*  **3.** Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.  4. Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ chính phụ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. |
| ?Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng cách nào? Hiệu quả của việc mở rộng ấy là gì?  ?Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ? | **II. MỞ RỘNG THÀNH PHẨN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**  - Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng các cụm từ. Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cho nghĩa của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.  **\*Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  + Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.  VD: Gà/ gáy -> Con gà trống của nhà tôi/ gáy rất to.  + Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể chi tiết hơn.  VD: Chim sơn ca/ đang hót  -> Những chú chim sơn ca xinh xắn/ đang hót véo von trên cành.  + Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả nhủ ngữ lẫn vị ngữ của câu. |
| Phiếu học tập:  1.Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  2.Nội dung và nghệ thuật. | **III. Ôn tập Văn bản: Ngàn sao làm việc**  **1. Tác giả:** Võ Quảng  **2.Thể loại:** thơ năm chữ  **3. Xuất xứ:** trích trong *Tuyển tập Võ Quảng*, tập II, xuất bản năm 1998.  **4. Phương thức biểu đạt:**biểu cảm  **5. Nội dung:**  ***Ngàn sao làm việc*** vẽ nên bầu trời đẹp lộng lẫy về đêm là do sông Ngân Hà biết cháy giữa trời lồng lộng, sao thần nông biết tỏa rộng chiếc vó lọng vàng, sao hôm như một ngọn đuốc soi cá, nhóm đại hùng tinh biết buông gầu tát nước. Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương đã làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu.  **6.Nghệ thuật:**  - Thơ 5 chữ  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ so sánh, liệt kê, nhân hóa,…  - Ngôn ngữ thơ gần gũi, sinh động |
| Bài 1: Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu  **Bài 2: Ghép các trạng ngữ với những câu phù hợp:**  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0531/screenshot-2022-05-31-100326.png  Bài 3: **Gạch chân dưới trạng ngữ trong câu và cho biết trạng ngữ đó chỉ gì?**  a. Dưới dòng sông, đàn cá đang tung tăng bơi lội  b. Những ngày đẹp trời, buổi sáng, bồ câu bay ra từng đàn.  c. Để đạt được thành tích cao trong kì thi sắp tới, Lâm đã không ngừng cố gắng.  d. Vì bị ốm, Mai đã phải nghỉ buổi học thêm Toán.  Bài 4: **Thêm trạng ngữ thích hợp để hoàn thành các câu sau:**  a. …….., đàn trâu đang ung dung gặm cỏ.  b. ………, những chú chim đang thi nhau cất tiếng hót líu lo.  c. ……, chúng tôi được nghỉ học.  d. …….., Nam đã luyện viết mỗi ngày. | **IV. Luyện tập.**  **1. Bài tập về Trạng ngữ**  Bài 1: Đặt câu: Sáng, bà ngoại đưa em đi chợ huyện.  => Mở rộng trạng ngữ thành cụm từ: Sáng hôm nay trời trong và xanh, bà ngoại đưa em đi chợ huyện.  - Tác dụng: bổ sung, nhấn mạnh và làm rõ thời gian cho cụm chủ vị trong câu đồng thời làm rõ đặc điểm của sự việc được nhắc đến.  Bài 2:  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0531/1.png  Bài 3:  a. **Dưới dòng sông**, đàn cá đang tung tăng bơi lội  Trạng ngữ chỉ nơi chốn.  b. **Những ngày đẹp trời, buổi sáng**, bồ câu bay ra từng đàn.  Trạng ngữ chỉ thời gian.  c. **Để đạt được thành tích cao trong kì thi sắp tới**, Lâm đã không ngừng cố gắng.  Trạng ngữ chỉ mục đích  d. **Vì bị ốm**, Mai đã phải nghỉ buổi học thêm Toán.  Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  Bài 4: **Thêm trạng ngữ thích hợp để hoàn thành các câu sau:**  a. …….., đàn trâu đang ung dung gặm cỏ.  b. ………, những chú chim đang thi nhau cất tiếng hót líu lo.  c. ……, chúng tôi được nghỉ học.  d. …….., Nam đã luyện viết mỗi ngày. |
| Bài 1: Mở rộng các câu sau và cho biết cách thức mở rộng:  a. Trời mưa  b. Gió thổi  c. Nó đang đọc sách | **2. Bài tập mở rộng câu**  a. Trời mưa tầm tã (mở rộng vị ngữ bằng cụm động từ)  b. Những đợt gió mùa đông bắc thổi rất mạnh. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ)  c. Nó đang đọc sách viết về thế giới loài chim (biến vị ngữ có cụm từ thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn)  d. Mùa xuân ấm áp về. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ) |
| **Bài tập đọc hiểu:**  **Bài số 1: Đọc đoạn thơ sau rồi trả lời câu hỏi.**  Bóng chiều toả ra nhanh Trên các bờ bụi rậm Đồng quê đang xanh thẫm Bỗng chốc trở tối mò  Trâu tôi đã ăn no Bước giữa trời yên tĩnh Trâu tôi đi đủng đỉnh Như bước giữa ngàn sao (Ngữ văn 7, tập 1)  Câu hỏi:  Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  Câu 2: Bài thơ viết theo thể thơ nào?  Câu 3: Cảnh vật ở hai khổ thơ đầu được miêu tả trong khoảng thời gian, không gian nào?  Câu 4: Theo em, nhân vật “tôi" trong bài thơ là ai?  Câu 5: Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật “tôi” trong hai khổ thơ đầu?  **GỢI Ý:**  Câu 1: Bài thơ: *Ngàn sao làm việc, Tác giả: Võ Quảng*  câu 2: Thể thơ 5 chữ  Câu 3:  - Thời gian: buổi chiều thanh bình và yên tĩnh  - Không gian: đồng quê xanh thẫm nơi có những bụi rậm  Câu 4: Nhà thơ đã mượn góc nhìn của cậu bé chăn trâu để thể hiện cái nhìn bao quát của mình.  Câu 5: Tâm trạng của nhân vật "tôi" trong hai khổ thơ đầu được thể hiện qua các từ như "bỗng chốc", "đủng đỉnh", "giữa ngàn sao". Ở khổ thơ đầu, nhân vật "tôi" như phát hiện ra sự thay đổi của thời gian: "bỗng chốc". Nhưng sự phát hiện này không làm cho nhân vật "tôi" hối hả, vội vã, mà trái lại là rất thư thái. Hình ảnh "trâu tôi đi đủng đỉnh/ Như bước giữa ngàn sao" cũng là hình ảnh nhân vật "tôi" ngồi trên lưng trâu đủng đỉnh, thong dong nhìn ngắm sao trời. Cảnh tượng đó thật thanh bình, cho thấy con người không lo nghĩ, ưu phiền mà nhàn nhã, tự tại.  **Bài số 2:** **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi :**  *“Hạt gạo làng ta Có vị phù sa Của sông Kinh Thầy Có hương sen thơm Trong hồ nước đầy Có lời mẹ hát Ngọt bùi đắng cay...*  *Hạt gạo làng ta Có bão tháng bảy Có mưa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cờ Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy..”.*  (*Góc sân và khoảng trời –* Trần Đăng Khoa)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ ?  **Câu 2**. Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp tu từ nào? Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ trong đoạn thơ? Phân tích tác dụng nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  **Câu 3.**Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?  **Câu 4**.Đoạn thơ trên cóý nghĩa gì ?  **Câu 5.** Đoạn thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo?  **GỢI Ý:**   |  | | --- | | **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: *Biểu cảm* | | **Câu 2:** So sánh *Nước như ai nấu*:  - biện pháp điệp ngữ: *hạt gạo làng ta; có*  - Phân tích tác dụng nghệ thuật của biện pháp so sánh, điệp ngữ :  *Tác dụng:*  *-* Phép so sánh: Tăng sức gợi hình gợi cảm cho đonaj thơ, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước – mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân trong quá trình tạo ra hạt gạo.  - Phép điệp ngữ, so sánh làm nổi bật hình ảnh hạt gạo làng quê và nguồn gốc của hạt gạo,  + Nhấn mạnh cảm xúc trân trọng giá trị hạt gạo, biết ơn công sức của người làm ra hạt gạo,  + Đoạn thơ thêm sinh động, giàu chất nhạc. | | **Câu 3:** thể thơ 4 chữ | | Câu 4: Ý nghĩa đoạn thơ:  Nhắc nhở người đọc, những người hưởng thành quả "hạt gạo", trân trọng và biết ơn những người lao động | | **Câu 5:** Đoạn thơ trên đã sư dụng những hình ảnh rất đặc sắc để chỉ nỗi vất vả của những người làm ra hạt gạo. Họ đã phải đới mặt với rất nhiều những thiên tai, khó khăn về thời tiết để làm ra những hạt lúa vàng và những hạt gạo trắng gần. Từ việc hiểu được nỗi vất vả của những người nông dân ta càng thêm trân trọng sản phẩm lao động của họ đã tạo nên. | | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:** Viết đoạn văn từ 5-7 câu về mùa xuân trong đó có sử dụng trạng ngữ (gạch chân trạng ngữ mà em sử dụng**).** | |
| **Đoạn văn tham khảo:**  Xuân đến thật rồi! **Trong vườn,** cây cối bỏ đi cái áo khoác mà đã mang suốt mùa đông lạnh lẽo để thay vào đó là bộ quần áo mới mang màu xanh, màu êm dịu. Hoa khoe sắc, lộng lẫy.**Trong các vòm cây, kẽ lá,** những chú chim sơn ca cất vang lên bản nhạc chào xuân,rộn rã. Xuân nhẹ nhàng gói mưa vào trong nắng, chập chờn những cơn mưa vội vã ban chiều, không mỏng manh. Xuân ôm từng hạt nắng trong từng bông cúc vàng, nhuộm sắc những cơn mưa phùn nhỏ còn đọng sương. Cơn mưa phùn vô tình đã làm mùa xuân rét ngọt, một cái rét tượng trưng. Những luồng gió nồm cứ thổi, thổi mãi thành cái đẹp của mùa xuân. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 3:**

**(Tiết 7+8+9): VIẾT**

**Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài**

**NÓI VÀ NGHE:**

**Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Ôn tập củng cố kiến thức về tóm tắt một VB theo những yêu cấu khác nhau về độ dài, đảm bảo được nội dung chính của VB.
* HS trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

**2.Năng lực**: Năng lực tóm tắt một VB theo những yêu cấu khác nhau về độ dài

**3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**GV cho HS xem video:** [**https://youtu.be/19\_vMJ-SvHk**](https://youtu.be/19_vMJ-SvHk)

- Đưa ra các câu hỏi;

1. Em có nhận xét gì về vấn đề trong video đề cập đến?

2. Theo em vấn đề này được phản ánh trong phạm vi rộng hay hẹp? làm cách nào để truyền tải hết vấn đề đó?

2. Ngoài vấn đề trên em có quan tâm đến vấn đề tương tự nào khác không?

3. Em có sẵn sàng kể cho các bạn nghe về mối quan tâm của mình không?

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về: Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài  ?Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài là gì?  ?Muốn tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài, cần chú ý những gì? | **I. Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.**  1) Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài là chuyển nội dung văn bản gốc thành các bản tóm tắt có độ dài khác nhau.  2) Muốn tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài, cần chú ý:  - Đọc kĩ văn bản gốc cần tóm tắt  - Ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn (thường nêu khái quát ở phần mở đầu hoặc tên các tiểu mục), ý nhỏ (triển khai làm cho rõ ý hơn), các bằng chứng, ví dụ minh họa…  - Tùy theo yêu cầu tóm tắt (dài, ngắn bao nhiêu) để lựa chọn, sắp xếp các ý và lời văn của văn bản tóm tắt.  3. Các bước tóm tắt  *a. Trước khi tóm tắt*  - Đọc kĩ văn bản gốc  - Xác định nội dung chính cần tóm tắt.  + Xác định nội dung khái quát, cốt lõi của toàn văn bản.  + Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn và xác đinh quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn.  + Tìm các từ ngữ quan trọng.  + Xác định ý chính của văn bản.  + Xác định đúng nội dung khái quát, cốt lõi.  + Xác định các phần trong văn bản.  - Tìm ý chính của từng phần.  - Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  + Xác định ý lớn và ý nhỏ của văn bản gốc.  + Tùy theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ từ văn bản gốc.  *b. Viết văn bản tóm tắt*  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.  - Chú ý bảo đảm yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  *c. Chỉnh sửa*  Rà soát, tự chỉnh sửa văn bản tóm tắt của em. |
| GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về: Trình bày được ý kiến về mộtvấn đề đời sống mà mình quan tâm  ?Bài văn Trình bày được ý kiến về mộtvấn đề đời sống mà mình quan tâm cần thực hiện những bước nào? | **II. Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.**  **1. Lựa chọn đề tài**  Đề tài có thể được ấn định (đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết lựa chọn. Nếu được tự chọn đề tài, em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hàng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn trình bày ý kiến.  Tham khảo một số đề tài sau:  - Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.  - Thái độ đối với người khuyết tật.  - Noi gương những người thành công.  - Đánh giá khả năng của bản thân.  Ngoài những đề tài nêu trên, em cũng có thể tự tìm một đề tài mà mình am hiểu và cảm thấy thú vị để thực hiện bài viết.  **2) Tìm ý**  - Cần hiểu như thế nào về hiện tượng (vấn đề) này?  - Những khía cạnh cần bàn bạc.  - Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.  **3) Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý  - Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Thân bài: Đưa ra ý kiến bàn luận.  + Nêu ý 1 (lí lẽ, bằng chứng).  + Nêu ý 2 (lí lẽ, bằng chứng).  + Nêu ý 3 (lí lẽ, bằng chứng).  +...  - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập sau:**  **Bài 1:** Viết đoạn văn tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi”  Bài 2: Tóm tắt văn bản: Đi lấy mật  Bài 3: Từ vấn đề phần mở đầu em đã xem video hãy trình bày vấn đề được nhiều người quan tâm đó là hiện tượng vứt rác bừa bãi ra nơi công cộng. | **III. Luyện tập.** |
| **Bài 1:**  - Mở đoạn: Giới thiệu chung về bối cảnh mở đầu văn bản.  - Thân đoạn: Tóm tắt dựa trên nội dung khái quát, cốt lõi của văn bản.  + Hai anh em Mon và Mên trằn trọc giữa đêm mưa vì lo cho tổ chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông.  + Quyết định đi cứu bầy chim chìa vôi của Mon và Mên.  + Cảm xúc của hai anh em khi chứng  kiến cảnh bầy chim chìa vôi đập cánh bay lên.  - Kết đoạn: Chi tiết kết thúc văn bản.  **Đoạn văn mẫu:** 2 giờ sáng, trong một đêm mưa to, hai anh em Mon và Mên trò chuyện cùng nhau mà không ngủ được. Mon và Mên lo lắng nước sông sẽ dâng cao khiến tổ chim chìa vôi ở dải cát giữa sông sẽ bị nhấn chìm. Hai anh em quyết định sẽ đến tận nơi để giúp bầy chim chìa vôi, đưa chúng vào bờ trước con nước mạnh mẽ. Khi trời vừa sáng, cũng là lúc dải cát giữa sông bị nhấn chìm, những con chim chìa vôi nhỏ đã kịp cất cánh bay lên trong khoảnh khắc cuối cùng trước mắt hai đứa trẻ. Khung cảnh bình minh cùng bầy chim chìa vôi đẹp đẽ khiến hai anh em Mon và Mên vừa vui mừng, vừa cảm động.  **Bài 2:** Truyện kể về một lần An cùng với Cò theo tía nuôi đi lấy mật. Trên đường đi, An cảm thấy núi rừng thật đẹp. Tía nuôi đi trước dẫn đường, An và Cò theo sau. Khi An thấm mệt, tía nuôi đề nghị sẽ nghỉ ngơi, chờ An hết mệt rồi mới đi tiếp. Cò đã chỉ cho An cách xem đàn ong mật. Sau đó, họ tiếp tục đi lấy mật và thu hoạch được rất nhiều. Họ đi tới một cái trảng rộng, nhìn thấy biết bao là chim. An vô cùng thích thú, nhưng khi nghe Cò nói đến “sân chim”, cậu lại im lặng vì từ ái nghĩ nếu cái gì cũng hỏi thì Cò sẽ khinh mình dốt. Khi bắt gặp một kèo ong, An nhớ lại lời má dạy về cách xây kèo. Người dân vùng đất U Minh có một cách “thuần hóa” ong rất đặc biệt.  **Bài 3:**  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Hiện tượng vứt rác thải ra nơi công cộng.  Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình.  **2. Thân bài**  *a. Thực trạng*  Ở những nơi công cộng: bệnh viện, nhà trường, các danh lam thắng cảnh không khó để bắt gặp những rác thải được vứt ngổn ngang bao gồm các loại rác thải từ mềm đến cứng bốc mùi hôi thối và gây ảnh hưởng đến cảnh quan của nơi công cộng đó.  *b. Nguyên nhân*  Chủ quan: do ý thức của người dân chưa tốt, tiện tay là vứt rác vì nghĩ nơi công cộng không phải là trách nhiệm của bản thân mình.  Khách quan: do lượng thùng rác ở nơi công cộng Việt Nam chưa đủ để đáp ứng được nhu cầu xả rác vô cùng lớn của người dân khiến cho rác thải vứt bừa bãi.  *c. Hậu quả*  Lượng rác thải xả ra nhiều gây ảnh hưởng đến môi trường khi ngày nay ô nhiễm môi trường ngày càng tăng.  Gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người; gây mất mĩ quan.  Việc rác thải xả bừa bãi ở nơi công cộng gây khó khăn cho nhân viên vệ sinh trong việc thu gom và xử lí.  *d. Giải pháp*  Mỗi con người cần tự giác ý thức phân loại rác thải, bỏ rác vào đúng nơi quy định ở những nơi công cộng.  Mỗi nơi công cộng cần có những biển báo đổ rác thải, bố trí thùng rác hợp lí cũng như có những hình phạt thích đáng với những trường hợp xả rác bừa bãi.  Nhà nước, các cấp quản lí cần tuyên truyền mạnh mẽ hơn nữa những tác hại của rác thải đồng thời có hình thức xử lí nghiêm khắc đối với những trường hợp vi phạm.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề nghị luận: hiện tượng vứt rác thải bừa bãi ra nơi công cộng đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. | |
| **Gv yêu cầu HS viết bài văn hoàn chỉnh theo dàn ý trên** | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BÀI 2**

**KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**Buổi 4 (Tiết 10+11+12)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐỒNG GIAO MÙA XUÂN (Nguyễn Khoa Điềm)**

**GẶP LÁ CƠM NẾP (Thanh Thảo)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn tập củng cố đặc điểm thể thơ 4 chứ, 5 chữ

- Ôn tập củng cố văn bản: *Đồng dao mùa xuân, Gặp lá cơm nếp.*

**2. Năng lực:**

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.

- Mở rộng kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ cùng thể loại ngoài sách giáo khoa.

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất**

**-** Biết trân trọng tình cảm, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương đất nước; hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

- GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những nội dung bài học 02. Thời gian: 04 phút.

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | Văn bản 1:……………………………………………………… |
| Văn bản 2: ……………………………………………………… |
| Văn bản 3: ……………………………………………………… |
| Thực hành tiếng Việt:……………………………………………………….. |
| Viết | ………………………………………………………………….. |
| Nói và nghe | ………………………………………………………………………………. |

- HS làm việc cá nhân, hoàn thành Phiếu học tập 01.

**-** GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

- GV nhận xét, biểu dương HS phát biểu tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 2:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \*GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết:  *1) Một số yếu tố về hình thức thể thơ bốn chữ và năm chữ.*  *2) Cách đọc hiểu một bài thơ bốn chữ và năm chữ.*  \*HS ôn lại kiến thức, lên bảng thực hiện các yêu cầu. GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | **A. THỂ THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ** |
| 1. **Một số yếu tố hình thức của thể thơ 4 chữ**  |  |  | | --- | --- | | 1. Số chữ | Mỗi dòng bốn chữ. | | 2. Cách gieo vần: | - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: Đặt cách quãng.  *\*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..* | | 3. Cách ngắt nhịp: | - 2/2 hoặc 3/1.  (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ). | | 4. Hình ảnh thơ: | - Dung dị, gần gũi *(Gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).* |   **2.Một số yếu tố hình thức của thể thơ năm chữ**   |  |  | | --- | --- | | 1. Số chữ | Mỗi dòng năm chữ. | | 2. Cách gieo vần: | - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: đặt cách quãng.  *\*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..* | | 3. Cách ngắt nhịp: | - 2/3 hoặc 3/2. *(nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).* | | 4. Hình ảnh thơ: | - Dung dị, gần gũi *(gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).* |   **3. Cách đọc hiểu văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.**  - Xác định và nhận diện các đặc điểm của thể thơ như: *số chữ, cách gieo vần, ngắt nhịp;*  - Đánh giá tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả;  - Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh có trong bài thơ;  - Tìm hiểu tâm trạng cảm xúc của tác giả. Qua đó, lí giải đánh giá và liên hệ với những kinh nghiệm sống thực tiễn của bản thân. | |
| **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: *ĐỒNG DAO MÙA XUÂN***  **(Nguyễn Khoa Điềm)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả: Nguyễn Khoa Điềm**  - Sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên-Huế.  - Ông là nhà thơ chiến sĩ, một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mĩ.  - Thơ ông tập trung thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc.  **2. Văn bản “*Đồng dao mùa xuân”***  **\*Thể loại:** Thơ bốn chữ.  **\*Giọng điệu:** nhẹ nhàng, xúc động, sâu lắng.  **\*Bố cục:** 3 phần - Khổ 1,2: Giới thiệu khái quát về người lính;  - Khổ 3,4,5,6: Hình ảnh người lính nằm lại nơi chiến trường;  - Khổ 7,8,9: Tình cảm, cảm xúc đối với người lính.  **\*Đề tài:** Người lính.  **3. Đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ**  **a. Cách chia khổ và ý nghĩa:**  - Bài thơ được chia thènh chín khổ. Hầu hết các khổ đều có bốn dòng. Tuy nhiên có hai khổ đầu khác biệt với các khổ còn lại.  + Khổ một kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trường, gồm ba dòng thơ, tạo nên một sự lửng lơ, khiến người đọc có tâm trạng chờ đợi được đọc câu chuyện tiếp theo về anh...  + Khổ hai kể về sự ra đi của người lính chỉ vỏn vẹn trong hai dòng, diễn tả sự hi sinh bất ngờ, đột ngột giữa lúc tuổi xanh, thể hiện tâm trạng đau thương của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong người đọc niềm tiếc thương sâu sắc.  **b. Đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ:**  **Số tiếng trong mỗi dòng:**  - Mỗi dòng có bốn tiếng.  - Ngắn gọn, dứt khoát, sắc nét; ghi vào kí ức người đọc hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.  **Cách gieo vần:**  - Sử dụng vần chân ở dầu hết các dòng thơ. VD: lính-bình; lửa-nữa;…  - Nhẹ nhàng, âm vang.  **Ngắt nhịp:**  - Nhịp chẵn (2/2);  - Nhịp 1/3.  - Biến tấu tự nhiên, linh hoạt, nhịp nhàng, mang âm hưởng đồng dao;  - Tách riêng động từ “có”, chỉ sự tồn tại, nhấn mạnh, khắc sâu ấn tượng về sự hiện diện của người lính; đối lập với dòng thơ thứ năm cũng có nhịp 1/3 nhấn mạnh sự không về của anh. Thế tương phản có - không nói lên sự mất mát, gợi cám xúc tiếc thương, bùi ngùi.  **4. Hình ảnh người lính**  **a. Câu chuyện về cuộc đời người lính**  - Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.  - Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đỗi khiêm nhường, dung dị của anh còn mãi trong tâm trí của “nhân gian”.  **b. Vẻ đẹp hình ảnh người lính:** Tuổi đời còn rất trẻ; dũng cảm kiên cường; yêu nước; giản dị, khiêm nhường, hiền hậu.  **\*Biểu hiện:**  - Tư thế: *Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng; Anh ngồi rực rỡ/ màu hoa đại ngàn;*  - Trang phục: *Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh.*  - Diện mạo, dáng vẻ: *Làn da sốt rét; Mắt như suối biếc/Vai đầy núi non…; Cái cười hiền lành.*  **5. Tình cảm, cảm xúc đối với người lính:** *niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.*  *+ Bạn bè mang theo:* Dòng thơ này nói lên tình cảm của đồng đội dành cho người lính trẻ đã hi sinh. Hình ảnh *anh* sẽ được bạn bè thương nhớ, lưu giữ, mang theo suốt cuộc đời. Sự hi sinh của *anh* đã tiếp thêm cho đồng đội sức mạnh, niềm tin trong những trận chiến đấu tiếp theo.  *+ Dài bao thương nhớ/ Mùa xuân nhân gian:* Hai dòng thơ này có thể hiểu theo nhiều cách. Thứ nhất, có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh. Thứ hai, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.  **6. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ bốn chữ, gần gũi với đồng dao;  - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;  - Giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, xúc động.  **b. Nội dung – Ý nghĩa**  - Ca ngợi sự hi sinh anh dũng của những người lính trẻ và tình cảm tự hào, nhớ thương sâu nặng của đồng đội, đồng bào.  - Thể hiện lòng biết ơn những người lính đã dâng hiến tuổi trẻ của mình để cho những mùa xuân đất nước mãi trường tồn. |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: GẶP LÁ CƠM NẾP (Thanh Thảo)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả**  - Thanh Thảo sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi.  - Ông là nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và các vấn đề của cuộc sống thời hậu chiến.  ***2. Tác phẩm:***  **\*Nhân vật trữ tình và đối tượng cảm xúc:**  *- Người bày tỏ cảm xúc là một người con, cũng là một anh bộ đội.*  *- Đối tượng để anh thể hiện cảm xúc là người mẹ nơi quê nhà.*  **\*Thể loại:** Thơ năm chữ  **\*Giọng điệu:** tâmtình, trong trẻo, tha thiết.  **\*Bố cục:** - Khổ 1: Hoàn cảnh xa nhà khơi nguồn cảm xúc;  - Khổ 2: Hình ảnh mẹ trong kí ức của con;  - Khổ 3,4: Tình cảm, cảm xúc người con khi gặp lá cơm nếp.  **\*Đề tài:** Người lính và quê hương.  **1. Đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp, khổ, thể thơ**   |  |  | | --- | --- | | *Đặc điểm hình thức* | *Gặp lá cơm nếp* | | **Số tiếng trong mỗi dòng thơ** | *5 tiếng/dòng* | | **Cách gieo vần** | *chân* | | **Ngắt nhịp** | *linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2* | | **Chia khổ** | *4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt* |   **2. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính**  **a. Hoàn cảnh gợi nhắc người lính nhớ về mẹ**  - Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá cơm nếp. Chính hương vị của lá cơm nếp đã gợi cho anh nhớ đến hình ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa đang nấu xôi.  **b. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính**  - Mẹ tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình.  - Mẹ yêu thương các con.  - Mẹ giản dị, mộc mạc, chất phác.  **3. Hình ảnh người lính: Yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước, có tâm hồn nhạy cảm.**  - Khổ ba: Tình yêu thương gia đình hoà với tình yêu quê hương, đất nước trào dâng trong lòng người lính vì anh đang trên đường hành quân, xa quê hương, gia đình, hương vị lá cơm nếp khiến người con nhớ đến món cơm nếp mà người mẹ đã nấu. Hương vị của món ăn dân dã, bình dị đó được anh xem như là biểu tượng của quê hương - *mùi vị quê hương..*  **4. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ năm chữ, gần gũi với đồng dao;  - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;  - Giọng điệu tâm tình, trong trẻo, tha thiết;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, mang nhiều ý nghĩa.  **b. Nội dung - Ý nghĩa**  - Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương mẹ da diết và tình yêu quê hương đất nước của người lính xa nhà đi chiến đấu.  - Những hình ảnh thân thiết, gắn bó của quê hương là nguồn sức mạnh nâng |
| **PHIẾU SỐ 1:**  **Đọc lại bài thơ Đồng dao mùa xuân (từ Ba lô con cóc đến hết) trong SGK (tr. 40 - 41) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1 : Nhận xét về đặc điểm hình thức của đoạn thơ trên các phương diện như số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Qua miêu tả của nhà thơ, hình ảnh người lính hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm như thế nào?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Em cảm nhận như thế nào về tình cảm nhà thơ dành cho người lính?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Trong hai dòng thơ sau, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Mắt như suối biếc  Vai đầy núi non...  **GỢI Ý:**  [Câu 1 :](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nhận xét về đặc điểm hình thức của đoạn thơ xét trên các phương diện như số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp:  - Về số tiếng trong mỗi dòng thơ: mỗi dòng thơ có bốn tiếng, ngắn gọn như một nhát chạm khắc sắc nét, góp phần tạc vào kí ức độc giả hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh vì Tổ quốc giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.  - Về cách gieo vần: vần chân được gieo ở hầu hết các dòng thơ. Ví dụ: xanh - lành,  vàng - gian, ngàn - non, lành - xanh,...  - Về cách ngắt nhịp: nhịp chẵn (2/2) đan xen các biến tấu linh hoạt. Ví dụ:  Ba lô /con cóc  Tấm áo /màu xanh  Làn da / sốt rét  Cái cười /hiền lành  Anh ngồi / lặng lẽ  Dưới cội / mai vàng  Dài /bao thương nhớ  Mùa xuân “nhân gian  Anh ngồi / rực rỡ  Màu hoa / đại ngàn  Mắt / như suối biếc  Vai / đầy núi non...  Nhịp nền 2/2 được hình thành một cách tự nhiên (do tính bình ổn của cảm xúc và thói quen ưa sự nhịp nhàng khi làm thơ của người Việt chi phối) khiến bài thơ có một tiết tấu uyển chuyển. Đồng thời, những biến tấu rất tự nhiên ghi lại chân thực cảm xúc riêng của nhà thơ và truyền được đến độc giả cảm xúc đó. Tính từ dài được ngắt nhịp riêng tạo thành nhịp 1/3 ở dòng thơ Dài/ bao thương nhớ làm nổi bật tình cảm, nỗi nhớ thương da diết, khôn nguôi.  Hai dòng thơ:  Mắt / như suối biếc  Vai / đầy núi non  cũng được ngắt nhịp 1/3. Biến tấu ở hai dòng này tạo cho người đọc ấn tượng về hình ảnh người lính với vẻ đẹp của tâm hồn trong sáng và sự hi sinh cao cả. Hình ảnh người lính đã vĩnh viễn hoà vào núi non, sông suối, làm nên hồn thiêng đất nước.  [Câu 2:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Qua miêu tả của nhà thơ, hình ảnh người lính hiện lên trong đoạn thơ giản dị, khiêm nhường nhưng cũng rất đỗi cao đẹp, thiêng liêng:  - Hành trang của anh chẳng có gì ngoài một chiếc ba lô con cóc, một tấm áo mang màu xanh tươi dung dị của cỏ cây.  - Ngoại hình: Làn da sốt rét gợi về cuộc sống gian nan, cực nhọc trên chiến trường và trong những chặng đường hành quân. Đây cũng là đặc điểm chung của hình ảnh người lính trong thơ ca kháng chiến:  Giọt giọt mồ hôi rơi  Trên má anh vàng nghệ.  (Tố Hữu, Cá nước)  Quân xanh màu lá, dữ oai hùm.  (Quang Dũng, Tây Tiến)  Nhưng trên môi người lính luôn nở nụ cười lạc quan và rất đỗi hiền hoà. Dường như mọi gian khổ, hi sinh đối với anh chỉ nhẹ tựa lông hồng.  Dáng ngồi lặng lẽ của anh thể hiện đức khiêm nhường, âm thầm cống hiến, âm thầm hi sinh. Anh ra đi để lại mùa hoa rực rỡ. Dáng hình anh hoà với dáng hình xứ sở, làm nên mùa xuân cho đất nước.  - Tình cảm của người lính: Hai dòng thơ Dài bao thương nhớ / Mùa xuân nhân gian có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.  [Câu 3:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Cảm nhận về tình cảm nhà thơ dành cho người lính:  - Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong toàn bộ bài thơ. Đó là niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.  - Riêng trong đoạn thơ này, tình cảm của nhà thơ thể hiện ở nỗi nhớ thương tha thiết, thái độ ngợi ca vẻ đẹp bình dị mà cao cả, thiêng liêng, lòng biết ơn những hi sinh thầm lặng của người lính.  [Câu 4:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Trong hai dòng thơ, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh và ẩn dụ:  - Mắt như suối biếc: so sánh mắt với suối biếc.  - Vai đầy núi non: ẩn dụ (dùng hình ảnh núi non để chỉ trọng trách bảo vệ, giữ gìn núi sông đang đặt trên vai người lính).  Những so sánh, ẩn dụ sử dụng hình ảnh thiên nhiên vĩnh cửu làm sự vật đối chiếu có tác dụng nhấn mạnh niềm tin của nhà thơ rằng dáng hình người lính đã vĩnh viễn hoà vào núi non, sông suối. Mỗi ngọn núi, dòng sông, con suối đều thấp thoáng hình bóng của anh. Anh đã “hoá thân cho dáng hình xứ sở/ Làm nên Đất Nước muôn đời” (Nguyễn Khoa Điềm).  **PHIẾU 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  Ba lô con cóc Tấm áo màu xanh Làn da sốt rét Cái cười hiền lành  Anh ngồi lặng lẽ Dưới cội mai vàng Dài bao thương nhớ Mùa xuân nhân gian  Anh ngồi rực rỡ Màu hoa đại ngàn Mắt như suối biếc Vai đầy núi non...  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...  (Ngữ văn 7, tập 1)  Câu 1: Xác định thể thơ trong đoạn thơ trên?  Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng :  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...  Câu 3: Những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  [Câu 4: Tìm các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của chúng.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 5: Giải thích nghĩa của từ *ngọt lành* trong dòng thơ *Ngày xuân ngọt lành*.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  GỢI Ý:  Câu 1: Thể thơ: thơ bốn chữ  Câu 2: - Từ đồng âm: ***xuân***  + Tuổi ***xuân***: Tuổi trẻ, thanh xuân  + Ngày ***xuân***: Những ngày đầu năm, mùa xuân.   * NT: ẩn dụ   → Tuổi xuân của người lính trẻ như đang hòa cùng mùa xuân của đất nước  Câu 3:  \***nội dung**  Bài thơ viết về người lính, dưới góc nhìn chiêm nghiệm của một con người thời bình. Đó là những người lính hồn nhiên, tinh nghịch, chưa một lần yêu, còn mê thả diền nhưng chính họ đã hi sinh tuổi xuân, máu xương của mình cho đất nước.  **\* nghệ thuật**  - Ngôn ngữ thơ giàu tính tạo hình  - Gieo vần cách đặc sắc (chữ cuối của dòng chẵn vần với nhau).  - Nhịp thơ 2/2; 1/3 linh hoạt tùy theo từng câu  - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trữ tình và chính luận  [Câu 4:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và tác dụng của chúng:  - *Lặng l*ẽ: nghĩa trong từ điển là “không lên tiếng, không có tiếng động, tiếng ồn” Trong dòng thơ này, từ lặng lẽ thể hiện sự khiêm nhường và những cống hiến, hi sinh âm thầm của người lính.  *- Rực rỡ:* nghĩa trong từ điển là “có màu sắc tươi sáng, đẹp đẽ và nổi bật hẳn lên, làm cho ai cũng phải chú ý“. Trong dòng thơ *Anh ngồi rực rỡ*, từ *rực rỡ* còn có nghĩa là vẻ đẹp của người lính toả chiếu vào thiên nhiên.  [Câu 5:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-10-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nghĩa của từ ngọt lành trong dòng thơ *Ngày xuân ngọt lành*:  - Từ ngọt có một số nghĩa cơ bản như sau:  1) có vị như đường, mật;  2) dịu dàng, êm ái.  - Từ lành có một số nghĩa:  1) hiền từ;  2) tốt;  3) không độc;  4) không rách;  5) hết bệnh.  - Nghĩa chung của từ ngọt lành trong dòng thơ *Ngày xuân ngọt lành* là tốt đẹp, ngọt ngào, hạnh phúc.  **PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  Xa nhà đã mấy năm Thèm bát xôi mùa gặt Khói bay ngang tầm mắt Mùi xôi sao lạ lùng.  Mẹ ở đâu chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi cơm nếp Mà thơm suốt đường con.  (Ngữ văn 7, tập 1) Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản? Em đã học bài thơ nào cùng thể loại với văn bản em vừa xác định?  Câu 2: Món ăn mà người con khi xa nhà nhớ nhất đó là món ăn gì? Chia sẻ cảm nhận của em về hương vị của món ăn đó.  Câu 3: Viết đoạn văn (khoảng 5 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ *Gặp là cơm nếp.*  **GỢI Ý:**  **Câu 1:** Thể thơ: thơ 5 chữ   * BT cùng thể loại: *Ngàn sao làm việc, Đồng dao mùa xuân*   Câu 2: Món ăn người con nhớ nhất khi xa nhà là món xôi (cơm nếp)  – Người Việt mình khá quen thuộc với món xôi. Xôi được nấu từ gạo nếp, mềm dẻo và có hương thơm rất đặc trưng. Món xôi thường dùng trong các buổi lễ chạp, cúng theo truyền thống của người Việt. Xôi còn được biến tấu thêm nhiều gia vị kèm như dừa, lá nếp, đậu, bắp, gấc… tăng thêm vị ngon hấp dẫn, khó quên.  Câu 3:  – HS viết đoạn văn dựa trên các ý:  + Hoàn cảnh người con thổ lộ tâm tư về mẹ (xa quê, trên đường hành quân).  + Hình ảnh mẹ trong kí ức của người con.  + Tình yêu thương người con dành cho mẹ.  Đi hết cuộc đời dài rộng này, chúng ta cũng không thể hiểu được hết công lao của mẹ cha. Bởi vậy, đã có biết bao sáng tác ra đời để ca ngợi công ơn trời bể ấy. Tác giả Thanh Thảo cũng viết về đề tài ấy, ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc trong bài thơ Gặp lá cơm nếp. Bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thèm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn các anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Với người lính, mẹ là suối nguồn của yêu thương, là ánh sáng diệu kì dõi theo con suốt cuộc đời. Câu thơ "Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương" như cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà vời vợi nỗi nhớ thương. Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả | |
| **PHIẾU SỐ 4: NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH**  **Bài 1: ÔNG ĐỒ (Vũ Đình Liên)**   |  |  | | --- | --- | | Mỗi năm hoa đào nở Lại thấy ông đồ già Bày mực Tàu, giấy đỏ Bên phố đông người qua  Bao nhiêu người thuê viết Tấm tắc ngợi khen tài: “Hoa tay thảo những nét Như phượng múa, rồng bay”  Nhưng mỗi năm mỗi vắng Người thuê viết nay đâu? Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sầu...  Ông đồ vẫn ngồi đấy Qua đường không ai hay Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay | Năm nay đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ?  1936   (Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, 2007) |   **Đọc bài thơ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) và trả lời câu hỏi**  **Câu 1.** Xác định thể thơ (chỉ ra các dấu hiệu nhận biết thể thơ), đề tài và chủ đề của bài thơ.  **Câu 2.** Điền các thông tin vào ***Phiếu học tập*** sau để tìm hiểu hình ảnh ông đồ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu những từ ngữ, chi tiết miêu tả:** | **Khổ 1,2** | **Khổ 3,4** | | *1. Khung cảnh, thời gian:* | ...... | ...... | | *2. Hình ảnh ông đồ* |  |  | | *3. Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả ông đồ:* | ...... | ...... | | *4. Thái độ, tình cảm của mọi người dành cho ông đồ.* | ...... | ...... | | *5. Tâm trạng của ông đồ trước thái độ tình cảm của mọi người* | ...... | ...... | | *6. Tình cảm của tác giả dành cho ông đồ* | ...... | ...... | | *7. Nhận xét tình cảm của tác giả với ông đồ ở khổ cuối.* | ...... | ...... |   **Câu 3.** Bài thơ gợi trong em tình cảm, cảm xúc gì?  **\*GỢI Ý**  **Câu 1.**  - **Thể thơ:** năm chữ. Dấu hiệu nhận biết: Có 5 chữ mỗi dòng, gồm 5 khổ, mỗi khổ 4 câu. Vần chân (gieo ở tiếng cuối câu, vần cách, vần liền, bằng trắc xen kẽ hoặc nối tiếp). Ngắt nhịp: 2/3 hoặc 3/2.  **- Đề tài:** Viết về ông đồ.  - **Chủ đề:** Thể hiện niềm thương cảm của nhà thơ với ông đồ và lớp người như ông, niềm nhớ tiếc quá khứ với những phong tục văn hóa đẹp đẽ.  **Câu 2.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu những từ ngữ, chi tiết miêu tả:** | **Khổ 1,2** | **Khổ 3,4** | | **1. Khung cảnh, thời gian:** | + Thời gian: “Mỗi năm”, thời điểm “hoa đào nở”;  + Không gian: “phố đông người ”;  + Công việc: “Bày mực tàu giấy đỏ”;  + Hình ảnh “hoa đào”- loài hoa mang tín hiệu của mùa xuân gợi ta nhớ đến không khí ngày Tết cổ truyền của dân tộc. | + Thời gian: “Mỗi năm mỗi vắng”;  + Không gian: “người thuê viết này đâu? không ai hay”; “giấy đỏ buồn, mực đọng, lá vàng rơi, mưa bụi bay…”  + Công việc: “ngồi đấy” | | **2. Hình ảnh ông đồ:** | + Cùng mực tàu, giấy đỏ góp phần vào sự đông vui náo nhiệt của phố phường.  + Ông trở thành trung tâm của bức tranh xuân, là đối tượng để mọi người ngưỡng mộ, ngợi ca.  + Trong niềm vui đông khách, ông như người nghệ sĩ được trổ tài trước công chúng - đưa tay viết những nét chữ thanh cao, bay bổng, phóng khoáng: “*Hoa tay thảo những nét/Như phượng múa rồng bay*” | + Ông đồ trở thành người nghệ sĩ mất công chúng, niềm vui viết chữ giúp ích cho mọi người không còn nên ngồi buồn trong nỗi sầu tủi.  + Nỗi buồn sầu của ông như thấm sâu vào cảnh vật phản chiếu lên giấy, nghiên mực: “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”  + Dù mọi người không còn mến mộ đến tìm mua chữ “*ông đồ vẫn ngồi đấy*”- bên hè phố đông người, vẫn bám trụ cuộc sống, vẫn muốn góp phần vào sự đông vui của phố phường, vẫn muốn giúp ích cho mọi người thế nhưng người đời quên hẳn ông, không ai chú ý đến sự có mặt của ông trên hè phố: “*Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài giời mưa bụi bay*” | | **3. Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả ông đồ:** | - Phụ từ *lại* cụm từ *mỗi năm* gợi sự lặp lại thời gian, lặp lại hình ảnh ông đồ xuất hiện bên phố vào mỗi dịp Tết đến, xuân về.  - Biện pháp nghệ thuật so sánh đã gợi tài năng viết chữ, niềm vui đông khách của ông đồ khi được giúp ích cho mọi người, cho cuộc đời. | + Từ ngữ: “nhưng” gợi sự ngạc nhiên bất thường đổi khác trong thái độ của mọi người với ông đồ, “mỗi năm” gợi sự lặp lại của thời gian.  + Câu hỏi tu từ “*Người thuê viết nay đâu?****”***thể hiện thái độ ngạc nhiên, ngậm ngùi chua xót về sự thay đổi thái độ của người đời với ông đồ.  + Nghệ thuật đối lập: Thể hiện sự cô đơn, lạc lõng của ông đồ, gợi niềm xót xa cho ông đồ lớp trí thức lỗi thời, niềm xót xa khi nét đẹp văn hóa cổ truyền, nét đẹp tâm hồn không còn nữa.  + Nhân hóa: “*Giấy đỏ buồn, nghiên sầu“* -> giúp lời thơ giàu sức gợi, gợi nỗi buồn sầu trĩu nặng trong lòng ông đồ thấm sâu, lan tỏa vào cảnh vật.  - Tả cảnh ngụ tình: gợi hình ảnh lá vàng rơi rụng, cùng mưa bụi đang phủ lên vai ông đồ, rơi trên giấy đỏ…  -> Gợi hình ảnh đáng thương của ông đồ đang chìm vào quên lãng, chìm vào không gian đầy mưa gió. | | **4. Thái độ, tình cảm của mọi người dành cho ông đồ.** | + Nô nức tìm đến ông đồ để mua chữ;  + Tấm tắc, ngợi ca tài viết chữ đẹp của ông.  -> Thể hiên thái độ mến mộ, quý trọng ông đồ - yêu mến chữ nho, mến mộ chữ nho- nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. | + Theo thời gian mọi người tìm đến ông đồ mua chữ ít dần, “*Mỗi năm, mỗi vắng*”, rồi vắng bóng “*Người thuê viết nay đâu?*”  + Không ai chú ý đến sự có mặt của ông đồ “*Qua đường không ai hay*”  -> Sự thay đổi thái độ của mọi người với ông đồ là biểu hiện của nền văn hóa bị lụi tàn, bị đổi thay giá trị, nét đẹp văn hóa một thời nay không còn nữa. | | **5. Tâm trạng của ông đồ trước thái độ tình cảm của mọi người** | Vui, phấn khởi, đắc ý,... | Buồn, cô lẻ, bơ vơ,… | | **6. Tình cảm của tác giả dành cho ông đồ:** | Yêu mến, kính trọng ông đồ - tấm lòng mến mộ nhà nho, chữ Nho nét đẹp văn hóa cổ truyền đáng trân trọng. | + Buồn, xót thương cho ông đồ, cho một nét đẹp văn hóa lụi tàn.  + Buồn thương cho ông đồ và lớp người như ông đã bị người đời lãng quên. | | **7. Niềm hoài cổ của tác giả với ông đồ ở khổ cuối** | - Hình ảnh: “Hoa đào”, “ông đồ” được lặp lại tạo nên kết cấu đầu - cuối tương ứng, tương phản “*Cảnh cũ người đâu?*”  + Hoa đào nở, cái đẹp bất biến >< Người biến mất, vắng bóng.  - Tác giả gọi “ông đồ xưa” thể hiện một cách tinh tế ông đồ không còn nữa “Đã chết theo một thời tàn”. Qua đó bộc lộ tâm trạng hẫng hụt, nuối tiếc của tác giả.  - Khi không thấy ông đồ tác giả thảng thốt: “*Những người muôn năm cũ/Hồn ở đâu bây giờ?*”  + “*Người muôn năm cũ*”: những người có tâm hồn cao đẹp. Đó là những nhà nho *vang bóng một thời*, là những người từng yêu mến nhà nho, chữ nho. Đó là cách gọi tôn vinh thể hiện tấm lòng quý trọng của tác giả.  + Lời thơ như tiếng gọi hồn, thể hiện niềm hoài cổ, nhớ tiếc của tác giả với ông đồ, với lớp trí thức lỗi thời, với những gì từng là giá trị nay rơi vào quên lãng. | | | **Câu 3.** | Bài thơ gợi trong em tình cảm, cảm xúc:  - Yêu mến, ngưỡng mộ, ngợi ca ông đồ;  - Ngậm ngùi, thương cảm khi ông đồ phải ra lề phố bán chữ. | | | **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  **Đề bài**. Viết đoạn văn cảm nhận cái hay của hai câu thơ:  a.  *Giấy đỏ buồn không thắm*  *Mực đọng trong nghiên sầu*  b.  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  **Đoạn văn tham khảo**  **a. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ**  *Giấy đỏ buồn không thắm*  *Mực đọng trong nghiên sầu*  Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn sầu tủi của ông đồ khi vắng bóng những người thuê viết. Trong hoàn cảnh Tết đến xuân về khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố mong giúp ích cho đời với niềm vui thảo chữ đầu năm, nhưng người đời đã thay đổi thái độ với ông. Phố vẫn đông nhưng khách đến mua chữ vắng dần, mỗi năm mỗi vắng. Bên phố đông người, ông ngồi buồn nhìn dòng đời qua lại như có ý đợi chờ khách tìm đến. Nhưng phố vẫn đông mà chẳng ai chú ý đến ông đến sự có mặt của ông bên lề phố để nỗi buồn của ông như thấm vào cánh vật “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”. Với nghệ thuật nhân hóa đặc sắc (các từ *buồn*, *sầu* vốn chỉ tâm trạng của con người được sử dụng trong lời thơ năm chữ Vũ Đình Liên đã tạo nên lời thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, khiến cho các sự vật vô tri như giấy và nghiên mực như có linh hồn, cũng cảm thấy như con người bơ vơ lạc lõng. Hình ảnh thơ gợi cho ta thấy từng tờ giấy đỏ cứ phơi ra mà chẳng được bút lông chạm đến trở nên bẽ bàng, màu đỏ của nó cũng không thắm lên được, không thể tươi màu son đỏ. Nghiên mực không được bút lông chấm vào nên không còn sóng sánh đen đặc mà như đọng nỗi sầu buồn tủi. Hình ảnh thơ phản chiếu tâm hồn ông đồ - một nỗi buồn u ám, trĩu nặng lên nghiên mực. Nỗi sầu tủi kết đọng hòa cùng mực, màu nước mắt, tạo thành nỗi sầu tủi của giấy mực, của nghiên, của chính ông đồ. Từ “đọng” như kéo nỗi buồn trĩu xuống, sầu kéo dài nỗi buồn thêm cùng đó. Dấu ba chấm lan tỏa trong không gian làm người đọc thêm nặng trĩu thương ông đồ và lớp người như ông. Và càng buồn hơn trước sự vô tình của người đời, khi nét đẹp văn hóa một thời không còn nữa.  **b. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ:**  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn trĩu nặng của ông đồ trước sự thờ ơ vô tình của người đời. Mỗi năm mỗi vắng, Tết đến xuân về, khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố vẫn mong được góp ích cho cuộc đời nhưng người đời đã quên hẳn ông, thờ ơ đến vô tình. Ông ngồi bên phố đông người với ánh mắt buồn nhìn dòng đời qua lại. Và nỗi buồn sầu của ông như thấm vào cảnh vật “Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài trời mưa bụi bay”. “Lá vàng” là lá cuối đông thả mình rơi trên giấy, đó là biểu hiện sự rơi rụng, tàn lụi. “Mưa bụi” là mưa nhỏ, nhè nhẹ. Hai câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc cho thấy trời đất cũng ảm đạm như chính lòng ông đồ. Tờ giấy đỏ lúc trước không thắm lên được, giờ lại được phủ lá vàng: gió mưa lá rụng phủ lên mặt giấy, lên vai ông đồ, mưa trên phố nhè nhẹ mà thấm đẫm nỗi buồn. Hình ảnh ông đồ như chìm dần, nhòe dần vào không gian đầy mưa gió. Mưa trên phố chính là mưa trong lòng người, để rồi từ đó vĩnh viễn không còn nhìn thấy ông đồ. Hình ảnh “lá vàng”, “mưa bụi” đã dệt nên tấm khăn liệm đưa ông đồ về cõi vĩnh hằng. Hai câu thơ gợi trong lòng ta niềm xót thương cho ông đồ, cho lớp người trở thành lỗi thời - thương cho những gì từng là giá trị, nay trở thành tàn tạ, rơi vào quên lãng. | | |   **Bài 2: Đọc bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh và trả lời các câu hỏi:**   |  |  | | --- | --- | | *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *Tiếng gà trưa*  *Ổ rơm hồng những trứng*  *Này con gà mái mơ*  *Khắp mình hoa đốm trắng*  *Này con gà mái vàng*  *Lông óng như màu nắng*  *[...] Tiếng gà trưa*  *Tay bà khum soi trứng*  *Dành từng quả chắt chịu*  ad  *Cho con gà mái ấp* | *Cứ hàng năm hàng năm,*  *Khi gió mùa đông tới*  *Bà lo đàn gà toi*  *Mong trời đừng sương muối*  *Để cuối năm bán gà*  *Cháu được quần áo mới.*  *Ôi cái quần chéo go*  *Ống rộng dài quét đất*  *Cái áo cánh chúc bâu*  *Đi qua nghe sột soạt.*  *Tiếng gà trưa*  *Mang bao nhiêu hạnh phúc*  *Đêm cháu về nằm mơ*  *Giấc ngủ hồng sắc trứng*  *Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi, cũng vì bà*  *Vì tiếng gà cục tác*  *Ổ trứng hồng tuổi thơ.*  2-7-1965 (Xuân Quỳnh, *Hoa dọc chiến hào*, NXB Văn học, Hà Nội, 1968, tr. 5 — 7) |   *Câu hỏi:*  [**Câu 1:**Nêu một số đặc điểm hình thức của bài thơ *Tiếng gà trưa* trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ, cách gieo vần, ngắt nhịp.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Một số đặc điểm hình thức của bài thơ:  - Bài thơ *Tiếng gà trưa* viết theo thể thơ năm chữ. Tuy nhiên, có ba khổ mà dòng đầu mỗi khổ chỉ có ba tiếng: *Tiếng gà trưa.* Việc lặp lại những dòng thơ ba tiếng đó nhấn mạnh ấn tượng của người cháu về âm thanh tiếng gà mỗi buổi trưa hè. Tiếng gà vang lên trong thực tại gợi nhớ về tiếng gà tuổi thơ - khi cháu được sống bên bà, được bà yêu thương, chăm sóc.  - Số dòng trong mỗi khổ không đều nhau: Khổ 1 dài nhất với 7 dòng. Các khổ còn lại chỉ gồm 4 hoặc 6 dòng.  - Cách gieo vần của bài thơ cũng khá linh hoạt:  *Tiếng gà trưa*  *Ổ rơm hồng những****trứng***  *Này con gà mái mơ*  *Khắp mình hoa đốm****trắng***  *Này con gà mái vàng*  *Lông óng như màu****nắng***  - Ngắt nhịp: đa phần các dòng trong bài thơ ngắt nhịp 3/2 và 2/3, luân phiên khá nhịp nhàng.  *Trên đường /hành quân xa*  *Dừng chân / bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai/ nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác / cục ta”*  *Nghe xao động / nắng trưa*  *Nghe bàn chân / đỡ mỏi*  *Nghe gọi về / tuổi thơ*  [**Câu 2 :**Tiếng gà trưa là một bài thơ có yếu tố tự sự. Em hãy cho biết ai là người kể chuyện và nội dung câu chuyện được kể là gì.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Vẽ sơ đồ theo mẫu sau vào vở và điền vào sơ đồ những sự việc chính trong câu chuyện:  SBT Ngữ văn 7 Bài tập 6 trang 15, 16, 17 Kết nối tri thức  **Trả lời:**  Tiếng gà trưa là một bài thơ có yếu tố tự sự. Người kể chuyện là người cháu đang trên đường hành quân đi chiến đấu.  Sơ đồ những sự việc chính trong câu chuyện:  SBT Ngữ văn 7 Bài tập 6 trang 15, 16, 17 Kết nối tri thức  [**Câu 3:**Hình ảnh đàn gà của bà trong kí ức của cháu được miêu tả như thế nào?](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Hình ảnh đàn gà của bà trong kí ức của cháu được miêu tả rất sinh động:  - Đó là một đàn gà mái nhiều màu sắc, con nào cũng đẹp và rất khoẻ mạnh. Có con gà mái mơ mình vàng với những đốm lông màu trắng như hoa mơ, có con gà lông màu vàng óng như màu nắng. Có ổ rơm hồng những trứng.  - Biện pháp tu từ điệp ngữ này con gà khiến hình ảnh những con gà mái trong kí ức tuổi thơ của người cháu lần lượt hiện lên rõ nét.  - Biện pháp tu từ so sánh lông óng như màu nắng làm nổi bật vẻ đẹp óng ả, mượt mà, đầy sức sống của những con gà.  Vẻ đẹp, sự khoẻ mạnh, đông đúc của đàn gà cho thấy bà chăm chút đàn gà rất cẩn thận, chu đáo; thể hiện tình yêu, sự quan tâm và mong ước của người bà rằng cháu sẽ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.  [**Câu 4:**Tiếng gà trưa gợi người cháu nhớ về tuổi thơ được bà yêu thương. Nêu cảm nhận của em về tình cảm của bà dành cho người cháu.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Tiếng gà trưa gợi người cháu nhớ về tuổi thơ được bà yêu thương. Tình cảm của bà dành cho người cháu thể hiện một cách hết sức giản dị: dành dụm, chắt chiu từng quả trứng để gà ấp nở ra gà con, lo lắng đàn gà toi, mong trời đừng sương muối để cuối năm bán gà sắm sửa quần áo mới cho cháu.  [**Câu 5:**Xác định biện pháp tu từ điệp ngữ trong khổ thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó:](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi, cũng vì bà*  ad  *Vì tiếng gà cục tác*  *Ổ trứng hồng tuổi thơ.*  **Trả lời:**  Trong khổ thơ cuối, từ được lặp lại là từ vì. Biện pháp tu từ điệp ngữ có tác dụng nhấn mạnh những ý nghĩa của hành động ra đi chiến đấu của người cháu. Người cháu xa bà, xa gia đình vì mục đích cao cả là giành độc lập cho đất nước, cũng là vì những điều bình dị, gần gũi, thân thương như bình yên cho xóm làng, gia đình và người bà đáng kính.  [**Câu 6:**Chỉ ra những nét tương đồng giữa hình ảnh người cháu trong bài thơ *Tiếng gà trưa* và hình ảnh người con trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*.](https://haylamdo.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-17-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **Trả lời:**  Những nét tương đồng giữa hình ảnh người cháu trong bài thơ *Tiếng gà trưa* và hình ảnh người con trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*:  - Đều là những người lính xa nhà đi chiến đấu để bảo vệ quê hương, đất nước.  - Tình cảm với gia đình, người thân rất sâu sắc. Một tiếng gà trưa bên xóm nhỏ, một mùi hương lá cây cơm nếp trên rừng Trường Sơn cũng gợi cho những người lính nhớ về bà, về mẹ, về những kỉ niệm tuổi thơ êm đềm bên bà, bên mẹ, được yêu thương, chăm sóc, che chở.  - Tình cảm yêu kính bà, yêu kính mẹ gắn liền với tình yêu làng xóm, yêu quê hương, đất nước. | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Buổi 5 (Tiết 13, 14, 15)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP BIỆN PHÁP TU TỪ: NÓI GIẢM NÓI TRÁNH, ĐIỆP NGỮ**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: TRỞ GIÓ**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**Giúp HS củng cố kiến thức:

- Nhận biết phép tu từ nói giảm nói tránh và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

- Ôn tập củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm văn bản: Trở gió

2. **Năng lực:**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, biện pháp tu từ điệp ngữ.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

**Phẩm chất:** cảm nhận được tình yêu, sự gắn bó của người viết đối với quê hương.

**-** Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị :** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Cách thức:** GV cho HS trả lời các ví dụ để từ đó nhớ lại khái niệm và tác dụng của phép nói giảm nói tránh; mở rộng thêm cách nói giảm nói tránh.  **Ví dụ 1:** Những từ ngữ in đậm trong các đoạn trích sau đây có nghĩa là gì? Tại sao người viết, người nói lại dùng cách diễn đạt đó?  - *Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ* ***đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác,*** *thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.* (Hồ Chí Minh, *Di chúc*)  - *Bác đã* ***đi*** *rồi sao, Bác ơi!*  *Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.* (Tố Hữu, *Bác ơi!)*  - *Lượng con ông Độ đây mà….Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ* ***chẳng còn****.* (Hồ Phương, *Thư nhà*)  \*GỢI Ý:  + "***đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê- nin và các vị cách mạng đàn anh khác***", "***đi***", "***chẳng còn***" : đều mang ý nghĩa chỉ cái chết, mất.  + Người viết, người nói muốn giảm nhẹ mức độ đau thương, nặng nề, ghê sợ của cái chết, sự mất mát.  **Ví dụ 2:** Vì sao trong câu văn sau đây, tác giả dùng từ ngữ ***bầu sữa*** mà không dùng một từ ngữ khác cùng nghĩa?  *Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào* ***bầu sữa*** *nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*. (Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)  \*GỢI Ý:  Tác giả trong đoạn văn sử dụng từ " bầu sữa" mà không dùng từ khác bởi từ bầu sữa là cách nói tế nhị, tránh thô tục mà vẫn gợi được sự ấm áp, thân thương của tình mẫu tử.  **Ví dụ 3:** So sánh hai cách nói sau đây, cho biết cách nói nào nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối với người nghe.  *- Con dạo này* ***lười lắm****.*  *- Con dạo này* ***không được chăm chỉ lắm.***  **\*GỢI Ý:**  Trong hai cách nói thì câu "*Con dạo này không được chăm chỉ lắm*" là cách nói nhẹ nhàng, tế nhị đối với người nghe. | 1. **Hệ thống kiến thức**   **1. Nói giảm nói tránh**  **a. Khái niệm:**  - Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển trong giao tiếp.  **- Ví dụ:** Chúng ta thường dùng từ tử thi thay cho từ xác chết hoặc muốn nói lịch sự chúng ta không dùng từ già mà dùng từ có tuổi,…  **b. Tác dụng:**  - Tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề;  - Tránh thô tục, thiếu lịch sự.  - Tôn trọng người đối thoại với mình.  - Giúp người nghe dễ tiếp thu ý kiến, góp ý.  **c. Những cách nói giảm nói tránh:**  – Có 4 cách mà chúng ta có thể áp dụng biện pháp tu từ này khi làm văn gồm:  + Dùng các từ đồng nghĩa đặc biệt là từ Hán – Việt: **Ví dụ:** *Bà cụ đã chết rồi => Bà cụ đã quy tiên rồi.*  + Dùng cách nói vòng: **Ví dụ:** *Anh còn kém lắm => Anh cần phải cố gắng hơn nữa.*  + Dùng cách nói phủ định bằng từ trái nghĩa: **Ví dụ:** *Bức tranh này anh vẽ xấu lắm => Bức tranh này anh vẽ chưa được đẹp lắm.*  + Dùng cách nói trống (tỉnh lược): **Ví dụ:** *Anh ấy bị thương nặng thế thì không còn sống được lâu nữa đâu chị à => Anh ấy (…) thế thì không ( …) được lâu nữa đâu chị à.*  **2. Điệp ngữ**  **1, Khái niệm:** là 1 từ, 1 ngữ đ­ược nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhằm mục đích nhấn mạnh ý, mở rộng ý, gây ấn tư­ợng mạnh hoặc gợi ra những cảm xúc trong lòng ngư­ời đọc, ngư­ời nghe.  Điệp ngữ là lặp có nghệ thuật.  **2 -Các loại điệp ngữ**  Có 3 loại  \*Điệp nối tiếp: là những từ đư­ợc lặp lại trực tiếp đứng bên nhau nhằm tạo nên ấn tư­ợng mới mẻ có tính chất tăng tiến.  Ví dụ  *Mai sau*  *Mai sau*  *Mai sau...*  *Đất xanh tre vẫn xanh màu tre xanh*  \*Điệp cách quãng: Những từ đư­ợc lặp lại đứng cách xa nhau nhằm gây ấn tư­ợng nổi bật và có tác dụng âm nhạc rất cao.  Ví dụ  *Anh đi anh nhớ quê nhà*  *Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm t­ương..*  \*Điệp vòng tròn  Là dạng điệp ngữ chữ cuối câu trư­ớc đư­ợc láy lại thành chữ đầu câu sau và cứ thế làm cho câu văn, câu thơ liền nhau như­ những đợt sóng.  Ví dụ:  *Thả mìn Mĩ đã thua to*  *Thua to mĩ lại không cho vớt mìn*  *Vớt mìn lại bảo không quen*  *Không quen nên Mĩ càng thêm cù nhầy*  *Cù nhầy định giở bài bây*  *Bài bây không sợ mặt mày Uy da*  *Uy da quen giết ng­ười ta*  *Ngư­ời ta quen đến giải hoà thật tâm*  *Thật tâm đi chớ lần khân*  *Lần khân lại bị xa gần ch­ửi thêm.*  **3. Các hình thức điệp ngữ**  **a) Lặp từ, cụm từ, câu nhằm tạo ra sự nhấn mạnh**  VD: Trong bài *Sắc màu em yêu* , cụm từ “**Em yêu”** được lặp đi lặp lại ở tất cả các dòng đầu của các khổ thơ. Việc lặp đi lặp lại đó có tác dụng nhấn mạnh tình yêu của bạn nhỏ đối với quê hương đất nước. Đó là những sự vật hiện tượng thân thiết xunh quanh bạn nhỏ  **b) Lặp từ, cụm từ, câu nhằm tạo ra sự liệt kê**  VD: Hạt gạo làng ta  **Có** vị phù sa  Của sông Kinh Thầy  **Có** hương sen thơm  Trong hồ nước đầy  **Có** lời mẹ hát....  Có bão tháng bẩy  Có mưa tháng ba  Việc lặp lại nhiều lần từ *có* trong bài là sự liệt kê những chất làm nên hạt gạo và giúp người đọc thấy được: Để làm ra hạt gạo trong thời chiến tranh thật là khó. Cây mạ được cấy xuống không chỉ có phù sa màu mỡ, có hương được chắt lợ cái tinh túy của đất trời, có sự tảo tần sớm hôm của người nông dân mà còn có cả những thiên tai lẫn đạn bom  **c) Lặp từ, cụm từ,cả câu nhằm tạo sự khẳng định**  VD: Phượng **không phải** là một đóa, **không phải** vài cành, phượng đây là **cả** một loạt, **cả** một vùng, **cả** một góc trời đỏ rực... |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: TRỞ GIÓ** | |
|  | **III. Kiến thức cơ bản**  **1.Tác giả:** Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, sáng tác thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết,  **2.Tác phẩm**  **a. Thể loại:** Tạp văn  **b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  Bài thơ được in trong tập Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư năm 2015.  **c. Phương thức biểu đạt :**  Văn bản Trở gió có phương thức biểu đạt là tự sự  **d. Tóm tắt văn bản Trở gió:**  Đoạn trích là những tâm tư, cảm nhận của tác giả khi mùa gió về. Những tâm trạng lộn xộn, ngổn ngang vừa bực vừa mừng, ngóng chờ, vội vã. Nhưng cũng chính những cơn gió chướng lại là một phần của cuộc sống của nhân vật “tôi”, nhắc đến nó sẽ khiến tác giả da diết nỗi nhớ cùng những hình ảnh về quê nhà.  **e. Bố cục bài Trở gió:**  Trở gió có bố cục gồm 2 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến *“bắt đầu rụng xuống”*: Tâm trạng ngổn ngang của tác giả khi mùa gió chướng về.  + Phần 2: Còn lại: Sự mong chờ và tình cảm của tác giả với những cơn gió chướng.  **3. Giá trị nội dung:**  Qua đoạn trích ***Trở gió***, tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã tạo nên một hình dung trọn vẹn về những cơn gió chướng. Mùa gió chướng về không chỉ là sự thay đổi thời tiết, báo hiệu một năm cũ sắp qua, mà còn gợi trong tâm trạng của con người những cảm xúc ngóng chờ, vội vã ngổn ngang. Dẫu vậy, hai từ “gió chướng” vẫn gắn liền với nỗi nhớ và những kỉ niệm về gia đình và quê hương vô cùng đẹp đẽ, không thể nào quên.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm  - Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hoá  - Nhiều từ ngữ địa phương, mang đậm phong cách Nam Bộ. |
|  | **LUYỆN TẬP**  **\*Cách thức chung:**  - GV cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi theo bàn, đọc và xác định các yêu cầu của đề, sau đó lần lượt thực hiện từng yêu cầu của bài tập.  - HS tiếp nhận và thực hiện yêu cầu, suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi, trình bày kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.   1. - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, rút kinh nghiệm. |
| **BÀI TẬP VỀ NÓI GIẢM, NÓI TRÁNH**  **PHIẾU SỐ 1:**  **Bài tập 1:** Điền các từ ngữ nói giảm nói tránh sau đây vào chỗ trống /…/ : *đi nghỉ, khiếm thị, chia tay nhau, có tuổi, đi bước nữa.*  *a) Khuya rồi, mời bà /…/*  *b) Cha mẹ em /…/ từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*  *c) Đây là lớp học cho trẻ em /…/*  *d) Mẹ đã /…/ rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*  *e) Cha nó mất, mẹ nó /…./, nên chú nó rất thương nó.*  *GỢI Ý:a) Khuya rồi, mời bà* ***đi nghỉ****.*  *b) Cha mẹ em* ***chia tay nhau*** *từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*  *c) Đây là lớp học cho trẻ em* ***khiếm thị****.*  *d) Mẹ đã* ***có tuổi*** *rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*  *e) Cha nó mất, mẹ nó* ***đi bước nữa****, nên chú nó rất thương nó.*  **Bài tập 2:** Trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có sử dụng cách nói giảm nói tránh?  *a1) Anh phải hoà nhã với bạn bè!*  *a2) Anh nên hoà nhã với bạn bè!*  *b1) Anh ra khỏi phòng tôi ngay!*  *b2) Anh không nên ở đây nữa!*  *c1) Xin đừng hút thuốc trong phòng!*  *c2) Cấm hút thuốc trong phòng!*  *d1) Nó nói như thế là thiếu thiện chí.*  *d2) Nó nói như thế là ác ý.*  *e1) Hôm qua em hỗn với anh, em xin anh thứ lỗi.*  *e2) Hôm qua em có lỗi với anh, em xin anh thứ lỗi.*  *GỢI Ý:* **Câu có sử dụng nói giảm nói tránh**  *a2) Anh* ***nên*** *hoà nhã với bạn bè!*  *b2) Anh* ***không nên*** *ở đây nữa!*  *c1)* ***Xin đừng*** *hút thuốc trong phòng!*  *d1) Nó nói như thế là* ***thiếu thiện chí.***  *e2) Hôm qua em* ***có lỗi*** *với anh, em xin anh thứ lỗi.*  **Bài tập 3.** Xác định biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm - nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.  a) *Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!*                                      (Thu Bồn)  b) *Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...*                                        (Tố Hữu)  c) *Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi*.                                                       (Tô Hoài)  **Gợi ý:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biện pháp nói giảm nói tránh** | **Biểu thị** | **Tác dụng** | | a. Người thợ dựng thành đồng | Biểu thị cái chết | Làm giảm sự đau thương mất mát đối với người nghe | | b. Ông mất | Biểu thị cái chết | | c. Khuất núi | Biểu thị cái chết |   **Câu 4:** Hãy sử dụng biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh để chuyển các câu sau đây thành những câu cùng nghĩa (hoặc gần nghĩa):   |  |  | | --- | --- | | a. Bạn ấy chậm lắm | Mẫu: Bạn ấy không được nhanh nhẹn. | | b. Cô ấy nấu ăn rất vụng |  | | c. Dạo này trông bác yếu quá |  | | d. Ông bà em đã già rồi |  |   **Gợi ý:**   |  |  | | --- | --- | | a. Bạn ấy chậm lắm | Mẫu: Bạn ấy không được nhanh nhẹn. | | b. Cô ấy nấu ăn rất vụng | Cô ấy nấu ăn không được ngon lắm. | | c. Dạo này trông bác yếu quá | Dạo này trông bác không được khỏe như trước. | | d. Ông bà em đã già rồi | Ông bà em đã có tuổi rồi. | | |
| **BÀI TẬP VỀ ĐIỆP NGỮ**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Bài 1: Cho câu thơ sau:**  “Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”  Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ trong 2 câu thơ trên?  **Bài 2:** Hãy chỉ ra những điệp ngữ trong đoạn thơ, đoạn văn sau và nêu tác dụng của những điệp ngữ đó. ( Nhằm nhấn mạnh ý gì, hoặc gợi cảm xúc gì cho người đọc?)  *a) Mình về với Bác đường xuôi*  *Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.*  *Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời*  *Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường.*  *Nhớ Người những sáng tinh sương*  *Ung dung yên ngựa trên đường suối reo*  *Nhớ chân Người bước lên đèo*  *Người đi, rừng núi trông theo bóng Người.....*  (Nhớ Việt Bắc – Tố Hữu)  *b) Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bôn hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.*  (Đường đi Sa Pa – Nguyễn Phan Hách)  *c) Người ta đi cấy lấy công*  *Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.*  *Trông trời, trông đất, trông mây*  *Trông mưa, rông nắng, trông ngày, trông đêm.*  *Trông cho chân cứng đá mềm*  *Trời êm bể lặng mới yên tầm lòng*  (Đi cấy – Ca dao)  **GỢI Ý:**  **Bài 1:** Điệp ngữ “chưa ngủ”: như 1 bản lề mở ra 2 cung bậc tâm trạng của nhân vật chữ tình: niềm say mê cảnh sắc thiên nhiên và nỗi lo nước nhà. Hai tâm trạng đó thống nhất trong con người Bác thể hiện sự hòa hợp giữa nhà thơ và người chiến sĩ trong vị lãnh tụ.  **Bài 2:** a) Trong đoạn thơ đó, tác giả đã sử dụng điệp ngữ: *Nhớ, Người*. Những điệp ngữ đó có tác dụng gây ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc về Bác Hồ kính yêu đồng thời gợi cảm xúc nhớ thương gắn bó da diết với Việt Bắc – Nơi căn cứ địa của Cách mạng, nơi có những người dân sống rất chân tình và hết lòng chở che cho Cách mạng  b) Tả cảnh đẹp của Sa Pa, nhà văn Nguyễn Phan Hách có viết: “Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu........hiếm quí.” “ Thoắt cái” là từ chỉ thời gian. Việc lặp lại từ này tới ba lần trong đoạn văn có tác dụng gợi cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng và nhấn mạnh sự thay đổi rất nhanh của thời gian. Du khách đến Sa Pa không những được tận hưởng cảnh đẹp nên thơ mà còn được chứng kiến sự biến đổi huyền ảo của thời tiết ở đó.  c) Trong bài ca dao đó, điệp ngữ *trông* có tác dụng nhấn mạnh được ý nghĩa sâu sắc: người đi cấy phải luôn tính toán, lo lắng, mong mỏi rất nhiều điều để công việc đạt kết quả tốt và bản thân được yên lòng.  **PHIẾU SỐ 3:**  **Bài 1:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng?  “Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai sấm được trai đừng thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân”( Minh Hương)  **Bài 2: Theo em, đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm hay không?**  Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trông rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày quốc tế phụ nữ, em hái hoa sau vừn nhà tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị.  **Bài 3: *Viết lại những câu văn sau có dùng điệp ngữ nhằm nhấn mạnh và gợi cảm xúc cho người đọc:***  a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.  b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!  c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.  **GỢI Ý:**  **Bài 1:** “ai bảo được, ai cấm được”, chữ “thương” được lặp lại 4 lần liên kết với chữ “yêu”, chữ “nhớ” đã tạo nên trường thương nhớ mênh mang tràn ngập khắp các câu văn, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc đọc lên ta cứ ngỡ như lời thơ, lời hát.  => Thể hiện rõ tình cảm, tấm lòng của tác giả đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước.  **Bài 2:** Việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ trong đoạn văn không có tác dụng biểu cảm, bởi vì sự lặp lại đó không phải do dụng ý nghệ thuật, mà do sự vụng về của người viết.  Sửa lại:  Mảnh vườn phía sau nhà em trông rất nhiều loài hoa: Cúc, thược dược, đồng tiền, hoa hồng và cả lay ơn nữa. Ngày Quốc tế phụ nữ em hái hoa tặng mẹ và t  ặng chị..  **Bài 3:**  a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.  *- >* Tôi *yêu* căn nhà đơn sơ, *yêu* khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và *yêu* cả lũy tre thân mật làng tôi.  b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!  - > Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi *đẹp* quá, *đẹp* đến mê hồn!  c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.  - > Tôi lớn lên bằng *tình thương* của bố, *tình thương* của mẹ, *tình thương* của bà con xóm giềng nơi tôi ở.  **PHIẾU SỐ 3:**  **Bài 1:** Chỉ ra điệp ngữ và phân tích tác dụng?  Trên đường hành quân xa  Dừng chân bên xóm nhỏ  Tiếng gà ai nhảy ổ:  " Cục... cục tác cục ta"  Nghe xao động nắng trưa  Nghe bàn chân đỡ mỏi  Nghe gọi về tuổi thơ( Xuân Quỳnh)  **Bài 2: Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nói rõ đây là những dạng điệp ngữ gì.**  Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải *xa nhau*. Có thể *xa nhau* mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một *giấc mơ*. Một *giấc mơ* thôi.  (Khánh Hòai)  **Bài 3: Hãy viết đoạn văn ngắn có sử dụng điệp ngữ.**  **GỢI Ý:**  **GỢI Ý:**  **Bài 1:** Điệp từ “nghe” lặp lại 3 lần -> để nhấn mạnh nỗi xúc động của người chiến sĩ khi nghe tiếng gà trưa. tiếng gà trưa làm xao động không gian và xao động lòng người.  **Bài 2:**  - Xa nhau... xa nhau... => điệp ngữ cách quãng.  - Một giấc mơ. Một giấc mơ => điệp ngữ vòng tròn  **Bài 3**. *Ngày mai*, ngày khai giảng năm học mới, em bồn chồn thao thức, nghĩ đến giây phút đứng ở sân trường nhìn lá cờ đỏ bay phấp phới và nghe tiếng trống giòn giã tưng bừng chào mừng năm học mới.. mà thấy háo hức vô cùng... *Ngày mai*... *Ngày mai* sẽ đến. | |
| **BÀI TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**  **PHIẾU SỐ 5: Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**  Gió chướng với tôi, một đứa bấp bỏm văn chương, nó "gợi" khủng khiếp. Tôi vẫn thường hình dung, một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc chỉ gọn lỏn hai từ "gió chướng", ngay lập tức tôi sẽ chết giấc trong nỗi nhớ quê nhà. Và những hình ảnh quen thuộc hàng hàng lũ lượt hiện ra, những nùi rơm vướng oằn nhánh me, giồng bạc hà cháy lá, con nước rong linh đinh lém bờ sông, má đứng giê lúa, trấu bay xà quần về cuối gió, vài buồng cau quá lứa thắp lửa trên cao, tiếng chày quết bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước... Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái lơi lơi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.              Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu dưa hành bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi?   (Ngữ văn 7, tập 1)  Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  Câu 2: Câu văn cuối cùng của văn bản gọi cho em suy nghĩ gì?  Câu 3: Nêu cảm nhận của em về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.  Câu 4: Trong hình dung của tác giả, nếu một mai đi xa, nhắc đến “gió chướng", những hình ảnh quen thuộc nào hiện ra trong tâm trí? Còn với bản thân em, nếu phải xa nhà, xa quê, em nhớ nhất diéu gi?  **GỢI Ý:**  Câu 1: Văn bản ***Trở gió***, tác giả Nguyễn Ngọc Tư.  C2. Gợi cho em suy nghĩ về tình yêu quê hương của tác giả. Mặc dù Sài Gòn phồn hoa đô hội nhưng trong lòng của tác giả cũng vẫn luôn nhớ về quê hương bình dị của mình. C3: Đó là tình yêu, sự gắn bó tha thiết với con người, cảnh sắc quê hương và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, có khả năng cảm nhận được những thay đổi rất nhỏ, rất khẽ khàng của tạo vật cũng như của tâm trạng con người mỗi khi gió chướng về C4.  Nếu một mai đi xa, nhắc đến “gió chướng, những hình ảnh quen thuộc nào hiện ra trong tâm trí” của tác giả là:  + những nùi rơm vướng oằn nhánh me  + giồng bạc hà cháy lá  + con nước rong linh đinh  + má đứng rê lúa, trấu bay xà quần  + vài buồng cau quá lứa thắp lửa trên cao  + tiếng chày quết bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước  + trời mát riu riu, nắng thức trễ nắng không ra vàng không ra trắng.  - Bản thân em, nếu phải xa nhà, xa quê, em nhớ nhất: bản thân mỗi người sẽ có những ấn tượng và thứ | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Buổi 6 (Tiết 116, 17, 18)**

**ÔN TẬP VIẾT**

**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố:

1. **Kiến thức:**

* Ôn tập và củng cố về dạng bài tập làm thơ bốn chữ, năm chữ
* HS vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Đúng đặc trưng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Nội dung phù hợp với lứa tuổi, thể hiện được những tình cảm hồn nhiên, chân thành.

**2.Năng lực:**- Nhận diện được thể thơ bốn chữ khi đọc và học thơ ca.

- Xác định được cách gieo vần trong bài thơ thuộc thể thơ bốn chữ.

- Vận dụng những kiến thức về thể thơ bốn chữ vào việc tập làm thơ bốn chữ, năm chữ.

**3.Phẩm chất:**Yêu thích và tập sáng tác thơ ca.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**TRÒ CHƠI “HỎI NHANH ĐÁP GỌN”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung câu hỏi** | **Yêu cầu trả lời** |
| **Câu 1** | Mỗi bài thơ bốn chữ, năm chữ có mấy dòng? | Bài thơ bốn chữ, năm chữ có nhiều dòng |
| **Câu 2** | Mỗi bài thơ bốn chữ thường ngắt nhịp như thế nào? | Bài thơ bốn chữ ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3 |
| **Câu 3** | Có thể ngắt nhịp dòng thơ năm chữ như thế nào? | Chủ yếu nhịp 2/3 hoặc 3/2, có khi ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1. |
| **Câu 4** | Các dòng trong khổ thơ bốn chữ, năm chữ phải ngắt nhịp giống nhau. Điều đó đúng hay sai? | - Sai  - Các dòng cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau. |
| **Câu 5** | Vần gieo trong thơ bốn chữ, năm chữ gồm những loại nào? | Gieo vần linh hoạt, đa dạng: Vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách, vần hỗn hợp. |
| **Câu 6** | Chỉ ra điểm khác biệt của vần chân và vần lưng. | - Vần chân: vần được gieo ở cuối dòng thơ  - Vần lưng: vần gieo ở giữa dòng thơ |
| **Câu 7** | Phân biệt vần liền, vần cách, vần hỗn hợp trong thơ. | - Vần liền: vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ.  - Vần cách: không gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ.  - Vần hỗn hợp: vần được gieo không theo trật tự nào. |
| **Câu 8** | Nêu quan điểm của bạn về ý kiến “*Cùng đọc một bài thơ mọi người phải có những cảm nhận như nhau*”. | - Không đồng ý  - Cùng đọc một bài thơ nhưng mỗi người đọc có những cách hiểu và cảm nhận khác nhau. |
| **Câu 9** | Việc hiểu tác phẩm thơ phụ thuộc vào các yếu tố nào? | Việc hiểu tác phẩm phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh, trải nghiệm cuộc sống. |
| **Câu 10** | Bạn hiểu thế nào là trải nghiệm cuộc sống? | Trải nghiệm là những gì mình đã trực tiếp chứng kiến, đã làm, đã trải qua. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ** | |
| \*GV cho HS ôn tập lại các kiến thức về thơ bốn chữ và thơ năm chữ bằng cách tổ chức trò chơi **“Hỏi xoáy đáp xoay”.**  \*HS tham gia trò chơi với gói mười câu hỏi khơi gợi kiến thức ngữ văn về thơ bốn chữ, năm chữ.  \*HS suy nghĩ, lần lượt bôc thăm trả lời.  \*GV nhận xét, khích lệ, tuyên dương, chốt kiến thức. | **a. Đặc điểm thơ bốn chữ và thơ năm chữ** |
| - Hướng dẫn cách chơi.  Luật chơi: Mỗi đội cử 5 hs đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng.  1. Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống?  1. *(Ngay, trong, đây)*  Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào …..  Mát ơi là mát!  2. *(băm, cày, lao)*  *(mịt, sương, mờ)*  Ngựa phăm phăm bốn vó  Như … xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù ….  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt …  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn … !  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé …  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi …  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng …  Nghiêng vào trong giấc ngủ.  *2) Từ VD trên, hãy rút ra đặc điểm về cách ngắt nhịp, gieo vần của thơ bốn chữ, năm chữ.* | **b. Thực hành làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ**  **1.Thi thả thơ (Điền từ thích hợp vào chỗ trống)**  1. Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào *trong*  Mát ơi là mát!  2. Ngựa phăm phăm bốn vó  Như *băm* xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù *sương*  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt *mưa*  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn *thương*!  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé *bé ời*  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi *nhẹ*  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng *vàng*  Nghiêng vào trong giấc ngủ  **- Nhận xét:**  **+** Thơ bốn chữ mỗi dòng có bốn chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3.  **+** Thơ năm chữ mỗi dòng có năm chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1.  **+** Thường gieo vần lưng hoặc vần chân.  **\*Định hướng chung:**  + Đọc lại đoạn thơ bốn chữ, năm chữ  + Nắm chắc kiến thức ngữ văn về cách gieo vần trong thơ bốn chữ, năm chữ. |
| - Chia lớp ra làm 4-6 nhóm (Mỗi dãy gồm 2-3 nhóm):  Viết tiếp để tạo thành bài thơ 4 chữ, 5 chữ (từ 4 đến 8 câu)  **Dãy A: Mùa xuân xinh tươi**  **Dãy B: Ngày đầu em đến lớp** | **2. Viết tiếp một số câu thơ theo dòng thơ mở đầu cho sẵn** |
| Hs tự làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ theo các chủ đề: Người thân, kỷ niệm, loài cây, con vật,…  *? Để có thể làm thơ bốn chữ, năm chữ đúng yêu cầu em cần làm gì?*  *? Em hãy báo cáo kết quả sản phẩm thơ đã làm:*  *+ Thơ bốn chữ về người thân trong gia đình.*  *+ Thơ bốn chữ về kỉ niệm với người thân, bạn bè.*  *+ Thơ năm chữ về một loài cây.*  *+ Thơ năm chữ về một loài vật.*  - HS lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV yêu cầu 2-3 HS trình bày, HS khác nghe, bày tỏ quan điểm và và bổ sung cho bạn (nếu cần).  - GV hướng dẫn HS đánh giá các bài thơ đoạn thơ hoàn chỉnh HS trình bày và kết luận.  - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức cho HS tham khảo một số đoạn thơ, bài thơ. | **3.Tập làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ.**  **\*Chuẩn bị:**  - Xác định đối tượng (*Về ai, kỉ niệm, loài vật, loài cây...*)  - Định hướng tình cảm, cảm xúc:  + Về người thân, bạn bè: Yêu mến, kính trọng, nhớ thương.  + Kỉ niệm: Nhớ, xúc động.  **\*Viết bài:**  - Kể hoặc miêu tả đối tượng để thể hiện tình cảm, cảm xúc dành cho đối tượng.  - Lựa chọn từ ngữ thích hợp để kể, tả đối tượng: Biện pháp tu từ so sánh, tương phản, điệp cấu trúc.  - Sắp xếp từ ngữ trong dòng, trong khổ thơ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ bốn chữ, năm chữ.  **- Kiểm tra và chỉnh sửa**:  + Đọc lại bài thơ  + Kiểm tra số tiếng, vần, nhịp.  + Sự thống nhất chủ đề: Thể hiện tập trung về đối tượng và tình cảm dành cho đối tượng.  + Có cần thay thế từ ngữ để bài thơ hay hơn không.  **\*Báo cáo sản phẩm hoàn chỉnh:** |
|  | |
| **2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ** | |
| **\*Bước 1:** GV chiếu cho HS đọc lại ba bài thơ bốn chữ, năm chữ yêu thích đã được học ở buổi ôn luyện đọc hiểu:  - Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh)  - “Ông đồ” (Vũ Đình Liên)  **\*Bước 2:** GV cho HS chia sẻ cặp đôi  *1) Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ là gì? (đặc điểm kiểu bài)*  *2) Để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ, em cần chú ý thực hiện những gì?*  **\*Bước 3:** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi:  - Từng cặp đôi trả lời câu hỏi theo hình thức chia sẻ kết quả thảo luận của mình:  + Một học sinh hỏi.  + Một học sinh trả lời.  + Cuối cùng người hỏi cùng thống nhất với người trả lời về nội dung.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi.  **\*Bước 4:** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý. | **1. Định hướng**  **a. Yêu cầu kiểu bài:**  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ là trả lời các câu hỏi:  *+ Bài thơ gợi cho em những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao?*  *+ Cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của câu thơ (khổ thơ, đoạn thơ) mà em có ấn tượng và yêu thích.*  **b. Nhiệm vụ cần thực hiện:**  - Đọc kĩ để hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Xác định yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc gây ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ.  - Viết đoạn văn:  + Có cảm xúc về vấn đề gì (nội dung hay hình thức nghệ thuật, một câu, khổ, đoạn hay cả bài thơ)?  + Cảm xúc như thế nào (Xúc động, vui thích, buồn, hân hoan...?  + Điều gì đã mang lại cảm xúc đó? Vì sao? |
| \*GV chiếu đề bài:  **Đề bài :** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh).  *1) Để thực hiện yêu cầu của bài tập em sẽ thực hiện những nhiệm vụ nào?*  *2) Nêu kết quả thực hiện các nhiệm vụ đó?*  **Gợi ý:**  *(1) Từ phần đọc hiểu bài thơ* “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) *em hãy chỉ ra những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ?*  *(2) Em làm gì để tìm ý cho bài viết? Nêu kết quả việc tìm ý đó của em.*  *(3) Với các ý đã tìm được em sẽ lập dàn ý cho bài viết như thế nào?*  *(4) Trên cơ sở dàn ý đã lập, em sẽ viết đoạn văn như thế nào?*  *(5) Sau khi viết, em đã chỉnh sửa như thế nào?*  *\**HS đọc lại bài thơ và hoàn thiện yêu cầu các bước; sau đó báo cáo thảo luận trên cơ sở phiếu học tập đã cho ở buổi học trước và thực hiện với bài thơ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai)  **\***GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những việc cần thực hiện cho các khâu chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài và kiểm tra, chỉnh sửa.  - Cho HS đánh giá bài viết của bạn và bản thân theo tiêu chí bảng kiểm.  - HS trên cơ sở góp ý đánh giá tự kiểm tra và chỉnh sửa lại bài viết.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **2. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ**  **Đề bài 1:** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh).  **a. Tìm ý và lập dàn ý**  **\*Tìm ý:**  **-** Chỉ ra các câu thơ, đoạn thơ mà mình yêu thích**;**  - Chi tiết nội dung, hay yếu tố nghệ thuật đặc sắc mình yêu thích trong bài.  - Cảm xúc mà câu thơ, khổ, đoạn thơ hoặc chi tiết nghệ thuật đó đã mang lại.  **\*Lập dàn ý:**  **- Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ, dẫn ra yếu tố nội dung nghệ thuật đặc sắc mà mình yêu thích.  **- Thân đoạn:**  Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **- Kết đoạn:** Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mạng lại cảm xúc ấy.  **b. Viết:** Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý sử dụng từ ngữ ghi lại một cách sinh động và chính xác cảm xúc của bản thân.  **c. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết  - Kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu)  + Lỗi chính tả.  - Về hình thức: Đảm bảo trình bày đúng quy cách đoạn văn như lùi đầu dòng, chữ đầu tiên viết hoa, chấm câu khi kết thúc đoạn. Số lượng câu phù hợp với yêu cầu của để.  Về nội dung: Nêu được cảm xúc về một số nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài *Tiếng gà trưa* (thể thơ năm chữ, đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp; yếu tố tự sự và miêu tả; hình ảnh nổi bật; biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ,.. .; cách sử dụng từ láy; tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước;...).  **\* Đoạn văn mẫu tham khảo:**  Xuân Quỳnh là cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam, thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ "Tiếng gà trưa" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của bà. Bài thơ viết về tình bà cháu thiêng liêng và cảm động. Trong một buổi hành quân, người cháu đã nghe được tiếng gà trưa và những kỉ niệm về bà ùa về trong kí ức. Cả một tuổi thơ gắn bó bên bà, được bà yêu thương chăm sóc. Bà dành dụm, chắt chiu từng quả trứng, chăm đàn gà từng con một kể cả khi trời gió rét mưa dầm. Những gì thu được từ đàn gà, bà đều dành cho cháu: nào là cái quần chéo go, ống rộng dài quét đất, nào là cái áo cánh trúc bâu... Tình yêu của bà thể hiện qua những điều giản dị, bình thường. Chính tình yêu thương của bà đã trở thành động lực để người cháu chiến đấu. Qua bài thơ, người đọc cảm nhận tình bà cháu thắm thiết, đồng thời đó cũng là tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc. Đúng như một nhà văn nước ngoài đã nói: Tình yêu Tổ quốc bắt đầu từ những tình cảm nhỏ bé, thiêng liêng, đó là yêu những gì gần gũi nhất với mình. |
|  | **Đề bài 2:** *Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên).*   1. Chuẩn bị. 2. Tìm ý và lập dàn ý   c) Lập dàn ý  - *Mở đoạn* giới thiệu tác giả, nêu ấn tượng cảm xúc chung về bài thơ .  - *Thân đoạn*: Trình bày cảm xúc về bài thơ.  + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ.  + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ.  + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, thông điệp của tác giả…..  - *Kết đoạn*: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ. |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Tiết**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. Mục tiêu: Giúp HS củng cố một số kĩ năng nói và nghe:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

- Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

- Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Ôn tập kiến thức** | |
| \*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức về kiểu bài nói và nghe: trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm như: Các bước chuẩn bị trước, trong và sau khi nói.  \*HS suy nghĩ, trả lời.  \*GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Trước khi nói**  **Chuẩn bị nội dung nói**  **- Bước 1:** Xác định đề tài/vấn đề, người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.30).  **- Bước 2:** Thu thập tư liệu. (SGK, tr.31)  **- Bước 3:** Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng. (SGK, tr.31)  *+Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*  *+ Nguyên nhân;*  *+Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*  *+ Bài học: Nhận thức và hành động.*  **- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.  **2. Trình bày bài nói**  - Tập trình bày, lắng nghe nhận xét góp ý và hoàn thiện bài nói  **3. Sau khi nói**  **- Người nghe:** Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng;  **- Người nói:** lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị. |
| **2. Thực hành nói và nghe** | |
| \*GV yêu cầu HS thực hiện theo gợi ý các đề bài đã cho, chuẩn bị bài nói và trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút).  - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV. Tự kiểm tra bài nói bằng BẢNG KIỂM.  - HS khác nghe, góp ý, nhận xét hoạt động nói vào Phiếu.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **Gợi ý đề tài trao đổi:**  **Đề 1. Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh hiện nay**  **Đề 2. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**  **ĐỀ 3. Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích** |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 3: CỘI NGUỔN YÊU THƯƠNG**

**BUỔI 7 (tiết 19+20+21)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ**

**NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

1. **MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- HS củng cố cách đọc hiểu một văn bản truyện:

+ Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể truyện trong một truyện kể.

+ Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

**2. Năng lực:** Giúp HS tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:**

**-** Biết bổi đắp, trần trọng tình yêu thương

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ** | |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  **?**Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  ?Nội dung và nghệ thuật | 1. **Hệ thống kiến thức**   **1. Tác giả:** Nguyễn Ngọc Thuần  - Sinh năm 1972, quê ở Tân Thiện- Hàm Tân – Bình Thuận.  - Là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.  *-*Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần được sáng tác bằng cái nhìn hồn nhiên và ngạc nhiên của trẻ thơ, bằng những nắm bắt tinh tế, những phát hiện ngộ nghĩnh nhưng có sức gợi lớn. Những trang viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần trong trẻo, thân thương, tươi sáng, ấm áp và đầy chất thơ. Qua ngòi bút của Nguyễn Ngọc Thuần, thế giới quen thuộc bỗng hiện lên mới mẻ, tinh khôi như mới sinh thành.  **2. Văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”**  **a. Xuất xứ**  **-** Được trích từ một truyện dài cùng tên dành cho thiếu nhi, xuất bản năm 2004.  - Tác phẩm được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới.  **b. Hình thức văn bản**  **\* Nhan đề** “*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*”: gợi ra cách nhìn nhận vạn vật xung quanh không chỉ bằng đôi mắt mà bằng cả tâm hồn. Khi đó, ta sẽ khám phá ra vô vàn những điều thú vị.  **\*Thể loại:** truyện vừa  **\*Nhân vật:** nhân vật “tôi” – người con; người bố; thằng Tí  **\*Tóm tắt văn bản:**  Hàng ngày, người cha dẫn con ra vườn hoa với nhiều loại hoa và hai cha con cùng nhau tưới hoa. Người cha đố con về tên các loài hoa, nhắm mắt ngửi hoa mà nói đúng tên hoa và cùng nhau chơi các trò trốn tìm. Người con dần quen và hiểu rõ từng loài hoa trong vườn đến mức nhắm mắt, đóng cửa sổ mà vẫn cảm nhận hương hoa đang lan tỏa như thế nào.  \***Ngôi kể:** ngôi thứ nhất  **\* Bố cục: 2 phần** Phần 1: Từ đầu… “*Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới*”: Những trò chơi và bài học mà người bố dạy con.  Phần 2: Còn lại: Trải nghiệm vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ - điều bí mật của nhân vật “tôi” .  **c. Giá trị nội dung**  - Thông qua những trải nghiệm của một cậu bé với người bố của mình, văn bản đã mở ra cho người đọc, đặc biệt là trẻ thơ một thế giới trong trẻo với những khám phá đầy bất ngờ.  - Qua đó, nhà văn gửi gắm những thông điệp có ý nghĩa chung với mọi người:  + Cần trân trọng, biết ơn những món quà người khác tặng cho mình, dù là món quà lớn hay nhỏ. Đó là tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.  + Hãy cảm nhận thế giới xung quanh ta bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.  **d. Giá trị nghệ thuật**  Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.  - Ngôi kể:ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành. 🡪 Dễ đi vào chiều sâu tâm hồn con người, đặc biệt là trẻ thơ.  - Xây dựng nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật khác,.. |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN** | |
| HS Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  ?Nội dung và nghệ thuật? | **1. Tác giả:** Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp (1928-2008)  - Là nhà văn Cư-rơ-gư-dơ-xtan, một nước cộng hòa ở vùng trung Á, thuộc Liên Xô trước đây.  - Ông bắt đầu hoạt động sáng tác văn học từ năm 1952, khi ông còn là sinh viên.  - Đề tài chủ yếu trong tác phẩm của ông: cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-dơ-xtan.  - Lỗi viết của Ai-tơ-ma-tốp cô đọng, hàm súc, có nhiều cách tân độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện.  **2. Văn bản “Người thầy đầu tiền”**  \* **Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm cùng tên kể về bức thư bà viện sĩ An-tư-nai gửi cho người hoạ sĩ đồng hương kể thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.  \***PTBĐ chính**: Tự sự ( kết hợp miêu tả, biểu cảm)  ***\** Cốt truyện:**  **- Nhân vật:** người hoạ sĩ, bà viện sĩ An-tư-nai, thầy giáo Đuy-sen.  *-***Những sự việc chính:**  + Người hoạ sĩ kể về hoàn cảnh bà viện sĩ An-tư-nai gửi bức thư đặc biệt cho anh.  + Trong bức thư, bà viện sĩ An-tư-nai kể lại những kỉ niệm trong quá khứ về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.  + Đọc xong bức thư, người hoạ sĩ bày tỏ nhhững băn khoăn, trăn trở về bức tranh dang dở dành tặng người thầy đầu tiên của làng.  ***\** Bố cục đoạn trích**: 4 phần   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần** | **Người kể chuyện – ngôi kể** | **Ý chính** | | Phần 1 | Người hoạ sĩ  (ngôi thứ nhất) | Giới thiệu hoàn cảnh bà An-tư-nai viết thư cho người hoạ sĩ | | Phần 2 | Bà viện sĩ An-tư-nai  (ngôi thứ nhất) | Nội dung bức thư: Kể về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học sinh và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:  + P2: Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa thầy giáo Đuy-sen và An-tư-nai cùng đám trẻ con.  + P2: Tình cảm thầy trò cảm động | | Phần 3 | Bà viện sĩ An-tư-nai  (ngôi thứ nhất) | | Phần 4 | Người hoạ sĩ  (ngôi thứ nhất) | Băn khoăn, trăn trở của người hoạ sĩ về bức tranh dành cho Người thầy đầu tiên của làng. |   🡺**Tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện ở các phần của đoạn trích**: khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn |
| 1. **LUYỆN TẬP** | |
| **PHIẾU SỐ 1: Đọc lại văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (từ *Bạn hãy tưởng tượng* đến *lối đi an toàn và thơm ngát*) trong SGK (tr. 62 - 63) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Theo nhân vật “tôi” điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2 : Bí mật mà nhân vật “tôi” muốn chia sẻ là gì?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Khi nào chúng ta có thể “nhìn” thấy bông hồng ngay trong đêm tối và không bao giờ lạc lối trong những khu vườn?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: Những cảm xúc, suy nghĩ về khu vườn và các loài hoa thể hiện nét tính cách nào ở nhân vật “tôi”?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: So sánh cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng vị ngữ của câu bằng cụm từ.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Đó chính là một điều bí mật.*  *b. Đó chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn*.  **GỢI Ý:**  [Câu 1:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)- Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” đã phát hiện được:  + Hiểu khu vườn nói gì  + Hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì  + Cảm nhận được tiếng bước chân trong vườn cách bạn bao xa, biết tiếng bước chân đó là của ai.  [Câu 2 :](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)- Bí mật mà nhân vật “tôi” muốn chia sẻ đó là “con mắt thần” nằm ở mũi.  → “bí mật” ấy mang lại rất nhiều điều cho cuộc sống của nhân vật: cách cảm nhận tinh tế, có thể cảm nhận mọi thứ khi nhắm mắt và không bao giờ lạc lối trong khu vườn.  [Câu 3:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Đó là khi chúng ta biết “nhìn” thế giới thiên nhiên không chỉ bằng mắt mà bằng cả những giác quan khác (ví dụ:“nhìn“ hoa hồng qua mùi hương). Từ đó, chúng ta sẽ nhận ra những “người đưa đường” giúp ta không bao giờ lạc lối trong mọi khu vườn.  [Câu 4:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Những cảm xúc, suy nghĩ về khu vườn và các loài hoa đã thể hiện tính cách của một bạn nhỏ có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, yêu thiên nhiên, ...  [Câu 5:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-21-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Vị ngữ *một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn* ở câu b nêu thông tin cụ thể hơn so với một điêu bí mật ở câu a. Đó là một điều bí mật mà người nói muốn người nghe được biết, chứ không phải là một điều bí mật chung chung. | |
| **PHIẾU SỐ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Tôi có một cái răng khểnh. Khi đến trường, tụi bạn bảo đó là cái răng bừa cào.*  *Mỗi lần tôi cười chúng cứ chỉ vào đó:*  *- Ha ha, bừa cào kìa! Mày cho tao mượn về chải chí đi!*  *Từ đó, tôi không đám cười nữa. Tôi rất đau khổ. Tôi ghét những đứa có hàm răng đều. Chúng còn chỉ vào mặt tôi nói: “Đó là vì mày không chịu đánh răng. Những người đánh răng, răng mòn đều”*  *Một hôm, bố tôi hỏi:*  *- Sao dạo này bố không thấy con cười?*  *Tôi nói:*  *- Tại sao con phải cười hả bố?*  *- Đơn giản thôi. Khi cười, khuôn mặt con sẽ rạng rỡ. Khuôn mặt đẹp nhất*  *là nụ cười.*  *- Nhưng khi con cười sẽ rất xấu xí.*  *- Tại sao vậy? Bố ngạc nhiên. Ai nói với con?*  *- Không ai cả, nhưng con biết nó rất xấu, xấu lắm bố ơi!*  *- Bố thấy nó đẹp. Bố nói nhỏ con nghe nhé! Nụ cười của con đẹp nhất!*  *- Nhưng làm sao đẹp được khi nó có cái răng khểnh?*  *- Ái chà! Bố bật cười. Thì ra là vậy. Bố thấy đẹp lắm! Nó làm nụ cười của con*  *khác với những đứa bạn. Đáng lí con phải tự hào vì nó. Mỗi đứa trẻ có một điều kì lạ riêng. Có người có một đôi mắt rất kì lạ. Có người có một cái mũi kì lạ. Có người lại là một ngón tay. Con hãy quan sát đi rồi con sẽ thấy. Con sẽ biết rất nhiều điều bí mật về những người xung quanh mình.*  *Tôi biết một điều bí mật về cô giáo: cô có cái mũi hồng hơn những người khác. Và tôi đã nói điều đó cho cô hay. Cô ngạc nhiên lắm.*  *- Thật không? Cô trợn mắt.*  *- Em nói thật! Mũi cô rất hồng. Em còn phát hiện một điều nữa, khi trợn mắt,*  *mắt cô thật to. Những người có con mắt nhỏ không làm được như vậy đâu. Bố em nói đó là một điều bí mật. Cô đừng nói cho ai biết nhé. Khi cô nói điều bí mật ra, cô sẽ quên cái mũi cô ngay.*  *- Vậy à! Em có nhiều điều bí mật không?*  *- Dạ có. Nhưng em sẽ không kể cho cô nghe đâu. Em sợ em sẽ quên nó.*  *- Không sao đâu. Khi em kể điều bí mật cho một người biết giữ bí mật thì bí*  *mật vẫn còn. Khi gặp cô, em sẽ nhớ là có hai người cùng giữ chung một bí mật*.  (Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr. 18 - 20)  [Câu 1: Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Tại sao nhân vật “tôi” rất đau khổ và không dám cười nữa?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Người bố đã giải thích cho nhân vật “tôi” như thế nào về nụ cười của em và nhiều điều bí mật ở những người xung quanh mình?](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Câu 4: Nhân vật “tôi” đã nói với cô giáo điều bí mật gì?  [Câu 5: Hãy nêu cảm nhận của em về nhân vật người bố trong đoạn trích.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 6: Nêu một bài học em rút ra được từ đoạn trích.](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 7: Tìm số từ trong các câu sau và giải thích ý nghĩa của chúng:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. *Tôi có một cái răng khểnh*.  b. *Khi gặp cô, em sẽ nhớ là có hai người cùng giữ chung một bí mật*.  [Câu 8: Tìm các phó từ bổ nghĩa cho danh từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. *Tôi ghét những đứa có hàm răng đều*.  b. *Mỗi đứa trẻ có một điều kì lạ riêng.*  [Câu 9: Tìm các phó từ bổ nghĩa cho động từ, tính từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-9-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. Từ đó, tôi không dám cười nữa.*  *b. Tôi rất đau khổ.*  *c. Khi cười, khuôn mặt con sẽ rạng rỡ*.  *d. Con hãy quan sát đi rồi con sẽ thấy*.  **GỢI Ý:**  [Câu 1:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.  [Câu 2:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nhân vật “tôi” có một cái răng khểnh và đến trường bị các bạn trêu đùa.  [Câu 3:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Lời giải thích của người bố về chiếc răng khểnh của nhân vật “tôi” và nhiều điều bí mật ở những người xung quanh mình: *Bố thấy đẹp lắm! Nó làm nụ cười của con khác với những đứa bạn. Đáng lí con phải tự hào vì nó. Mỗi đứa trẻ có một điều kì lạ riêng... Con sẽ biết rất nhiều điều bí mật về những người xung quanh mình.*  Câu 4: Nhân vật “tôi” đã nói với cô giáo điều bí mật là cái mũi của cô hồng hơn những người khác.  [Câu 5:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Từ lời nói của người bố với con, em nêu cảm nhận về nhân vật người bố. Ví dụ: Người bố hết sức tinh tế, quan tâm đến con, giúp con có được sự tự tin và hồn nhiên (nhận thấy dạo này con không cười, giải thích cho con về điều khác biệt rất đáng tự hào của mỗi người,...).  [Câu 6:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Bài học về việc tôn trọng nét riêng về ngoại hình của người khác, không nên chế giễu hình thức của người khác, mỗi người đều có “điều kì lạ riêng” rất đáng tự hào,...  [Câu 7:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. *Tôi có một cái răng khểnh*. → Số từ “một” chỉ số lượng xác định (một cái răng khểnh.)  b. *Khi gặp cô, em sẽ nhớ là có hai người cùng giữ chung một bí mật*. → Số từ “hai” chỉ số lượng người, số từ “một” chỉ số lượng bí mật. (số lượng xác định)  [Câu 8:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *a. những →*bổ sung ý nghĩa chỉ số lượng nhiều (*những đứa có hàm răng đều)*  *b. mỗi →*bổ sung ý nghĩa chỉ số lượng ít, cá thể. (*Mỗi đứa trẻ)*  [Câu 9:](https://www.vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-9-trang-25-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Phó từ *không* bổ sung ý nghĩa phủ định.  b. Phó từ *rất* bổ sung ý nghĩa mức độ.  c. Phó từ *sẽ*bổ sung ý nghĩa thời gian.  d. Phó từ *hãy* bổ sung ý nghĩa cầu khiến, phó từ sẽ bổ sung ý nghĩa thời gian. | |
| **ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH** | |
| **PHIẾU 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**  ***Người ăn xin***  *Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lọm khọm đứng ngay trước mặt tôi. Đôi mắt ông lão đỏ đọc và giàn giụa nước. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại... Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào! Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp.*  *Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì.*  *Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy. Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:*  *- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.*  *Người ăn xin nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:*  *- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. - Ông lão nói bằng giọng khàn đặc.*  *Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*  (Theo Tuốc-ghê-nhép)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.  **Câu 2.** Cậu bé không có gì cho ông lão, nhưng ông lão lại nói: "Như vậy là cháu đã cho lão rồi". Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì? Theo em, cậu bé đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?  **Câu 3.** Xét về cấu tạo, câu: “Chao ôi!” trong văn bản trên thuộc kiểu câu nào? Có tác dụng gì?  **Câu 4.** Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện trên?  **GỢI Ý:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu 1** | - Phương thức biểu đạt chính : Tự sự. | | **Câu 2** | - Cậu bé đã cho ông lão tình yêu thương, sự cảm thông và tôn trọng bằng tất cả tấm lòng.  - Cậu bé nhận được từ ông ông lão lòng biết ơn, sự đồng cảm. | | **Câu 3** | - Chao ôi! -> Là câu đặc biệt.  - Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc. | | **Câu 4** | - Tình yêu thương, lòng nhân ái của con người sẽ giúp chúng ta vượt qua những đau khổ trong cuộc đời. Chính tình yêu thương sẽ làm cho xã hội này trở nên tốt đẹp hơn, nhân văn hơn. Hãy sống, hãy cho đi, hãy nhân rộng tình yêu thương để thế giới này ngập tràn sự ấm áp trong mối quan hệ giữa người với người… | | |
| **PHIẾU 4: Câu chuyện về bốn ngọn nến**  *Trong phòng tối, có bốn ngọn nến đang cháy. Xung quanh thật yên tĩnh, đến mức người ta có thể nghe thấy tiếng thì thầm của chúng.*  *Ngọn nến thứ nhất nói : Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.*  *Ngọn nến thứ hai lên tiếng : Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi.*  *Đến lượt mình, ngọn nến thứ ba nói : Tôi là hiện thân của tình yêu. Tôi mới thực sự quan trọng. Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu?*  *Đột nhiên, cánh cửa chợt mở tung, một cậu bé chạy vào phòng. Một cơn gió ùa theo làm tắt cả ba ngọn nến. "Tại sao cả ba ngọn nến lại tắt ?" - cậu bé sửng sốt nói. Rồi cậu bé òa lên khóc.*  *Lúc này, ngọn nến thứ tư mới lên tiếng: Đừng lo lắng, cậu bé. Khi tôi vẫn còn cháy thì vẫn có thể thắp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì, tôi chính là niềm hy vọng.*  *Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hy vọng****.***  (*Trích “Những bài học về cuộc sống”,* NXB Thanh Niên, 2005)  **a.** Chỉ ra 2 biện pháp tu từ trong văn bản trên?  **b.** Anh/chị hiểu thế nào về lời thầm thì của ngọn nến thứ nhất: *Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi ? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người?*  **c.** Anh chị hiểu như thế nào về lời thì thầm của ngọn nến thứ hai: *Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi ?*  **d.** Thông điệp sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra được từ văn bản trên. Vì sao?  **e.** Anh/Chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời cho câu hỏi trong phần đọc hiểu: *Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu ?*  **Trả lời:**  **a.** HS chỉ ra 2 trong các biện pháp tu từ sau: Liệt kê, điệp cấu trúc, hoặc nhân hóa…  **b.** *Ngọn nến thứ nhất cho rằng mình quan trọng bởi nó là hiện thân của hòa bình*.  – Hòa bình là một nơi không có chiến tranh và chết chóc, nơi mọi người gắn bó với nhau cùng giúp đỡ nhau phát triển vì sự phồn vinh và hạnh phúc của nhân loại.  – Hòa bình sẽ mang lại cuộc sống và hạnh phúc cho mỗi người, mỗi gia đình và xã hội. Khi con người được sống trong cảm giác yêu thương, hòa ái, an lạc, vô ưu sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ cho con người sống, học tập và lao động cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của nhân loại.  – Nếu không có hòa bình con người phải sống trong đau thương, đói nghèo, bệnh tật, chia li chết chóc…  **c.** *Ngọn nến thứ hai cho rằng mình quan trọng bởi nó là hiện thân của lòng trung thành*.  – Trung thành là phẩm chất tốt đẹp cần có ở tất cả mọi người bởi đó là lối sống trước sau như một, một lòng một dạ, giữ trọn niềm tin và tình cảm gắn bó không thay đổi trước bất kì hoàn cảnh nào trong quan hệ giữa người với người.  – Trung thành sẽ tạo dựng được niềm tin, sự tín nhiệm của mọi người và vun đắp các mối quan hệ ngày càng bền chặt, trở nên tốt đẹp hơn.  **d.** Thông điệp*về hòa bình, về lòng trung thành, về tình yêu, về niềm hy vọng*trong cuộc sống.  **e. Viết 01 đoạn văn** **(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm**  –  Tình yêu là tình cảm cao đẹp của con người; biết yêu thương quan tâm, chia sẻ … những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống.  *–  Nếu thiếu đi tình yêu cuộc sống sẽ:*  *+*trở nên nhàm tẻ và không đáng sống  + con người sẽ trở nên lạnh lùng và vô cảm với nhau  + sẽ không thấu hiểu và cảm nhận được niềm hạnh phúc khi *cho* và *nhận*  + thay vì yêu thương quan tâm sẻ chia sẽ là chiến tranh chết chóc, hận thù…  *– Vì vậy con người cần yêu thương để:*  + xoa dịu và chữa lành những vết thương  + cảm hóa những con người lầm đường lạc lối  + xóa bỏ hận thù, chiến thắng cái ác và bóng tối  + cảm nhận được hạnh phúc khi mang đến hạnh phúc cho người khác . | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 8 (22+23+24)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Số từ, chức năng của số từ, Phó từ, chức năng của phó từ)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: QUÊ HƯƠNG**

**(Tế Hanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn tập vềsố từ, chức năng của số từ, phó từ

- Ôn tập củng cố về tác giả, tác phẩm văn bản: Quê hương

**2. Năng lực:**

- Năng lực nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của số từ, phó từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Luyện tập một số kĩ năng đọc hiểu VB thơ, nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cam, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**3. Phẩm chất**:

- Yêu tiếng việt, thích và sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

- Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  | 1. **Hệ thống kiến thức**   1. Số từ  1. Định nghĩa:  Số từ là từ loại chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.  Chức năng chủ yếu của số từ làm thành tố phụ cho một cụm từ có danh từ làm trung tâm.  Ví dụ: Một, hai, ba, bốn…  2. Phân loại:  Để biểu thị ý nghĩa số lượng trong tiếng Việt có thể có nhiều phương thức.  + Còn sự đối lập dưới dạng “những, các …”  Ví dụ: Những (các) đồng chí này: Biểu thị số nhiều.  Đồng chí này: Biểu thị số ít  + Cũng có thể dùng các từ *mọi, mỗi* trong những ngữ cảnh cụ thể.  + Để biểu thị ý nghĩa số nhiều còn có thế dùng phương thức lặp từ:  Ví dụ : Người người, ngày ngày  Ở đây chúng ta nói đến số từ với ý nghĩa số lượng nhưng là số lượng cụ thể. Với quan niệm trên có thể chia số từ trong tiếng Việt ra các loại sau:  – *Số từ chính xác*: Một, ba, năm  Số từ chính xác có những đặc điểm sau đây:  + Làm yếu tố phụ đứng trước danh từ.  Ví dụ: Ba con gà, hai anh sinh viên  + Nói chung số từ chính xác không trực tiếp làm vị ngữ trừ trường hợp nói về tuổi tác (Cụ Nam năm nay đã 80 rồi). Số từ chính xác muốn làm vị ngữ nhất thiết phải có từ “là”.  Ví dụ: Bắc Nam là một; Hai với hai là bốn.  + Những từ: cặp, đôi, tá, chục.. tuy chỉ số lượng cụ thể nhưng lại không thuộc loại số từ vì chúng có hoạt động ngữ pháp giống như danh từ, cụ thể là chúng có thể đứng ở vị trí trung tâm của một cụm danh từ.  Ví dụ: Tất cả những *đôi* giày này đều bằng da thật.  Cả hai *chục*trứng gà mà tôi mới mua ấy…  *– Số từ thứ tự*  + Số từ thứ tự cũng thường làm thành tố phụ trong danh ngữ nhưng khác với số từ chính xác là khi làm thành tố phụ trong cụm danh từ thì số thứ tự đứng sau danh từ trung tâm.  + Ý nghĩa thứ tự có thể biểu hiện bằng 2 cách:  Dùng số từ chính xác đặt sau danh từ trung tâm. Phòng năm, gác ba.  Dùng tổ hợp “thứ + số từ”: Phòng thứ năm, gác thứ ba.  Ghi chú: Số từ thứ tự có thể dùng yếu tố Hán Việt, trong khi đó số từ chính xác không có khả năng này.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ví dụ: | Số từ chính xác | Số từ thứ tự | |  | ba ngày | Lớp đệ tam | |  | một người | Người thứ nhất | |  | hai người | Người thứ nhì |   + Số từ thứ tự có thể trực tiếp làm vị ngữ.  Ví dụ: Tôi thứ nhất nó thứ nhì. Hoặc: Tôi nhất nó nhì.  *– Số từ ước lượng (không chính xác)*.  Số từ ước lượng là loại số từ chỉ một số lượng sự vật ước chừng chứ không chính xác. Những số từ ước lượng thường thấy: Vài, vài ba, dăm bảy, dăm ba, đôi ba, mươi mười lăm, mười hai .  + Đặc điểm của số từ ước lượng là không thể làm định tố sau của danh từ của số từ chính xác và số từ thứ tự.  So sánh: Có thể nói: Tháng hai, phòng năm,..  Không thể nói: Tháng vài, phòng dăm..  + Do ý thức không chính xác mà số từ ước lượng không thể độc lập trả lời câu hỏi *mấy, bao nhiêu*như số từ chính xác hay số từ thứ tự.  Trường hợp này nếu muốn dùng số từ ước lượng thì phải có danh từ đứng sau.  Ví dụ: Hôm qua anh mua mấy quyển sách ?  + Khi số từ ước lượng làm định tố trước danh từ trung tâm thì hầu như số từ ước lượng không có thành tố phụ chỉ toàn bộ.  + Số từ ước lượng không có khả năng làm vị ngữ trong câu.  3. Chức năng ngữ pháp chủ yếu của số từ  – Có khả năng kết hợp với danh từ với tư cách là phần phụ trước chỉ số lượng.  – Có khả năng thực hiện các chức năng:  + Làm chủ ngữ:  Một là học tập, hai là rèn luyện thân thể.  + Làm vị ngữ:  Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một.  + Làm bổ ngữ: Mất một đền mười Ông đồng ăn một bà cốt ăn hai.  + Làm định ngữ: Giường một, mâm sáu. |
|  | **1. Phó từ:** Phó từ là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.  *Ví dụ về phó từ:*  – Mẹ em đi làm đã về (quan hệ thời gian).  – Công viên hòa bình rất to (phó từ chỉ mức độ).  – Ông nội em vẫn đang đọc báo (sự tiếp diễn tương tự).  – Hôm nay mẹ em không đi làm (sự phủ định).  – Em đi vào lớp với vẻ hốt hoảng (khả năng).  – Xin hãy im lặng để tôi nghe cô giáo giảng bài.  **2. Phân loại phó từ:**  **Thứ nhất,** Phó từ đứng trước động từ, tính từ. Có tác dụng làm rõ nghĩa liên quan đến đặc điểm, hành động, trạng thái,…được nêu ở động – tính từ như thời gian, sự tiếp diễn, mức độ, phủ định, sự cầu khiến.  **Phó từ quan hệ thời gian như: Đã, sắp, từng,…**  **Phó từ  chỉ mức độ như: Rất, khá…**  *Ví dụ: Cô ấy rất thích chiếc ô tô đằng kia.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng là từ “rất” được đặt ở vị trí trước động từ thích để nhấn mạnh mức độ của hành động thích của một cô gái đối với một chiếc ô tô.  **Phó từ  chỉ sự tiếp diễn như: Vẫn, cũng…**  *Ví dụ: Trời vẫn đang mưa rất to.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “vẫn” dùng để thể hiện một trạng thái liên tục của thời tiết là trời mưa và chưa có dấu hiệu dừng lại.  **Phó từ  chỉ sự phủ định như: Không, chẳng, chưa…**  *Ví dụ: Tôi không đi mua đồ chơi vào trời mưa.*Trong câu này phó từ được sử dụng ở dây là từ “Không” thể hiện hành động phủ định của người sử dụng rằng họ sẽ không đi mua đồ chơi khi trời mưa.  **Phó từ cầu khiến như: Hãy, thôi, đừng, chớ…**  *Ví dụ: Xin anh hãy giúp em vượt qua kì thi này.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “Hãy” thể hiện sự hành động yêu cầu nhờ giúp đỡ của người nói với một người anh trong mối quan hệ của người nói hướng đến mục đích có thể vượt qua được kỳ thi sắp tới của người nói.  **Thứ hai,** Phó từ đứng sau động từ, tính từ. Thông thường nhiệm vụ phó từ sẽ bổ sung nghĩa như mức độ, khả năng, kết quả và hướng. Nếu như ở loại thứ nhất các từ chỉ phó từ thường đứng ở vị trí trước động từ và tính từ thì ở dụng này phó từ lại đứng sau để bổ trợ cho động từ và tính từ, để làm rõ hơn ta sẽ đi vào phân tích một số ví dụ sau đây  **Đối với Phó từ bổ nghĩa về mức độ như: Rất, lắm, quá.**  *Ví dụ:* *Chiếc xe ô tô đó chạy rất nhanh khi trên đường cao tốc.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng trong câu là từ “rất” để hỗ trợ cho động từ chạy của một chiếc ô tô có mức độ vận tốc rất nhanh khi di chuyển.  **Đối với phó từ về khả năng như: Có thể, có lẽ, được.**  *Ví dụ:* *Nếu tôi đi đúng giờ có lẽ tôi đã không bị phạt.* Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “có lẽ” việc sử dụng cụm từ này sẽ giúp hỗ trợ thể hiện khả năng phán đoán của người nói rằng mình sẽ không bị phạt nếu đi làm đúng giờ.  **Đối với phó từ về kết quả như: Ra, đi, mất.**  *Ví dụ:Nếu tôi bộc hàng kỹ càng thì đã không bị mất hàng.*Trong câu này thì phó từ được sử dụng ở đây là từ “mất” nhiệm vụ của nó là để hỗ trợ nhấn mạnh cho kết quả mất hàng từ hành động không bộc hàng kỹ càng của người nói.  **3. Ý nghĩa của phó từ:**  Phó từ đi kèm với động từ và tính từ bổ sung ý nghĩa cho các từ loại này về các mặt:  – Bổ sung ý nghĩa về mặt thời gian: Đang, sẽ, sắp, đương…  *Ví dụ: Cụ ấy đang kể câu chuyện về người anh hùng Tnú. => “Đang” là phó từ chỉ ý nghĩa câu chuyện xảy ra ở hiện tại.*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt tiếp diễn, tương tự: vẫn, cũng…  *Ví dụ: Ngoài vẽ tranh, tôi cũng viết truyện => “Cũng” là phó từ chỉ sự tiếp diễn hai nghề của nhân vật “tôi”*  – Bổ sung ý nghĩa về mức độ cho câu nói và văn viết của người sử dụng : rất, lắm, quá,…  *Ví dụ: Bộ váy này rất đẹp => “rất” là phó từ chỉ mức độ đẹp trên mức bình thường của bộ váy*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt phủ định cho câu nói và văn viết của người sử dụng: chẳng, chưa, không…  *Ví dụ: Đứng trước hàng ngàn khán giả khiến tôi căng thẳng không nói nên lời. => “Không” thể hiện sự phủ định.*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt cầu khiến trong câu nói và văn viết của người sử dụng: đừng, thôi, chớ…  *Ví dụ: Đừng làm gì có lỗi với bạn ấy => “Đừng” là phó từ chỉ sự cầu khiến không nên làm điều có lỗi.*  – Bổ sung ý nghĩa về mặt khả năng về câu nói và văn viết của người sử dụng: có thể, có lẽ, không thể…  *Ví dụ: Trong những năm tháng chiến đấu gian khổ, chúng ta có thể làm được những điều kì diệu.*  – Bổ sung ý nghĩa về kết quả cho câu nói và văn viết của người sử dụng : mất, được…  *Ví dụ: Con chuột nhân lúc mèo ta không để ý, chạy mất khỏi hang.*  – Bổ sung ý nghĩa về tần số trong câu nói và văn viết của người sử dụng: thường,luôn…  *Ví dụ: Chúng tôi thường*[*thuyết trình*](https://luatduonggia.vn/phan-tich-ki-nang-thuyet-trinh/)*về chủ đề về tài sản thừa kế trong các buổi học luật dân sự.*  – Bổ sung ý nghĩa về tình thái cho câu nói và trong văn viết của người sử dụng: đột nhiên, bỗng nhiên…  *Ví dụ: Ngôi sao băng đột nhiên lướt qua bầu trời.* |
|  | **II. Ôn tập văn bản: Quê hương**  **1. Tác giả Tế Hanh (1921-2009)**  - Sinh ra và lớn lên ở một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi.  - Là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào “Thơ mới”.  - Thơ ông thấm đượm tình yêu quê hương và niềm khao khát thống nhất Tổ quốc.  - Quê hương là nguồn cảm hứng lớn trong suốt cuộc đời thơ Tế Hanh.  - Thơ Tế Hanh dễ đi vào lòng người bởi cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha; lời thơ giản dị, giàu hình ảnh; giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng.  - Tác phẩm chính: *Hoa niên* (1945), *Gửi Miền Bắc* (1955), *Tiếng sóng* (1960*), Hai nửa yêu thương* (1963), *Khúc ca mới* (1966)...  **2. Bài thơ “Quê hương”**  **a. Xuất xứ - Hoàn cảnh sáng tác**   * “*Quê hương*” được rút trong tập “*Nghẹn ngào*”, sau này in ở tập *Hoa niên* (1945) * Bài thơ sáng tác năm 1939, là bài thơ mở đầu cho nguồn cảm hứng viết về quê hương của nhà thơ Tế Hanh.   **b. Hình thức của văn bản**   * Thể thơ: thơ tám chữ (8 tiếng) * Phương thức biểu đạt: biểu đạt (kết hợp với miêu tả, tự sự) * Đề tài: Quê hương * Bố cục: Bài thơ có thể chia làm 4 đoạn.   + 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê  + 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá  + 8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về bến  + 4 câu còn lại: Tấm lòng của nhà thơ khi xa quê  **c. Giá trị nội dung**  - Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống lao động, sinh hoạt của một làng chài miền Trung đẹp đẽ, nên thơ, vừa chân thực, vừa lãng mạn.  - Qua đó, nhà thơ bày tỏ tấm lòng của mình với quê hương: yêu thương, gắn bó, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài; nỗi nhớ nhung da diết khi phải xa cách quê hương.  - Bài thơ đem đến thông điệp về tình yêu quê hương- cội nguồn yêu thương trong lòng mỗi người.  **d. Giá trị nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ sáng tạo với những liên tưởng, so sánh độc đáo.  - Ngôn ngữ trong sáng, bay bổng, đầy cảm xúc.  - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. |
| 1. LUYỆN TẬP | |
| **BÀI TẬP VỀ SỐ TỪ VÀ PHÓ TỪ** | |
| **BÀI TẬP ĐỌC HIỂU:**  **PHIẾU SỐ 1: Đọc đoạn thơ sau và trả lời từ câu 1 đến câu 5**  *“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*  *Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*  *Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,*  *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*  (Ngữ văn 7*,* Tập 1, NXB Giáo dục*)*  **Câu 1**. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ là gì?  **Câu 2.** Trong khoảng thời gian xa cách, lòng tác giả nhớ tới những điều gì nơi quê nhà?  **Câu 3**. Trong tác phẩm có đoạn thơ trên, nhiều lần tác giả viết về hình ảnh “chiếc thuyền”, em hãy ghi lại những câu thơ đó?  **Câu 4**. Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên, trong đoạn văn có sử dụng một câu cầu khiến (gạch chân dưới câu cầu khiến đó).  **GỢI Ý:**   |  |  | | --- | --- | | **1** | - Đoạn thơ trích trong văn bản: *“ Quê hương”*, tác giả: Tế Hanh  - Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm | | **2** | Trong khoảng thời gian xa cách lòng tác giả nhớ tới quê nhà với những hình ảnh gần gũi, quen thuộc: màu nước (xanh), cá (bạc), chiếc buồm (vôi), con thuyền, mùi nồng mặn. | | **3** | Câu thơ miêu tả về hình ảnh “chiếc thuyền” trong văn bản” Quê hương”:  *- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*  *Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*  *- Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.* | | **4** | Học sinh viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:  - **Hình thức:**  +Trình bày đúng hình thức một đoạn văn, đảm bảo số câu (5-7 câu).  +Trong đó sử dụng câu cầu khiến, gạch chân (ghi chú)  **- Nội dung:**  + Mở đoạn: Giới thiệu khái quát bài thơ, tác giả, dẫn dắt đến khổ thơ: Tình cảm của nhà thơ đối với quê hương.  + Thân đoạn nêu được các nội dung sau:  . Lời thơ giản dị, tự nhiên; liệt kê một loạt hình ảnh tiêu biểu của quê hương*( nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*…) nhằm cụ thể hóa những đối tượng trong nỗi nhớ; điệp từ *“ nhớ”*- > diễn tả được tình cảm chân thành, tha thiết của người con xa quê khi nhớ về quê hương.  . Nỗi nhớ của nhà thơ kết đọng ở mùi vị “ nồng mặn”-> cho thấy tình cảm yêu thương, gắn bó thủy chung với quê hương dù phải trong xa cách.  + Kết đoạn: Khái quát lại tâm trạng của tác giả và liên hệ bản thân. |   **PHIẾU SỐ 2: Trong bài thơ “Quê hương”, nhà thơ Tế Hanh có viết:**  *“Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*  *Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*  *“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*  *Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*  *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*  *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”*  **Câu 1**: Em hãy tóm tắt nội dung đoạn thơ trên bằng một câu văn.  **Câu 2**: Xác định đề tài và chủ đề của bài thơ “Quê hương”  **Câu 3**: Trong bài thơ, hình ảnh cánh buồm được nhắc đến mấy lần? Chép lại các câu thơ chứa hình ảnh đó?  **Câu 4**: Câu thơ “*Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe,*” là lời của ai? Câu thơ gợi cho em suy nghĩ gì?  **Câu 5**: Câu thơ: “*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?  **Câu 6**: Bài thơ mang đến cho ta những cảm nhận sâu sắc về hình ảnh con thuyền. Bằng đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu, em hãy làm rõ ý trên. Trong đoạn có sử dụng một câu nghi vấn. (Gạch chân và chỉ rõ).  GỢI Ý:  **Câu 1:** Đoạn văn trong văn bản “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh miêu tả cảnh thuyền đánh cá trở về bến.  **Câu 2**:  - Đề tài: Quê hương  - Chủ đề: Tình yêu và nỗi nhớ dành cho quê hương.  **Câu 3**:  -Hình ảnh cánh buồm được nhắc đến 2 lần trong bài thơ.  - Câu thơ:  *+ Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã / Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*  *+ “Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng / Rướn thân tráng bao la thâu góp gió”*  *+ “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”*  **Câu 4**:  -Câu thơ là lời của người dân chài.  - Suy nghĩ: Niềm vui đón thuyền cá thắng lợi trở về, đó cũng là sự mong muốn của người dân về những người trực tiếp chèo thuyền ra khơi họ được an toàn.  **Câu 5**:  -Dùng phép nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác  - Tác dụng: Cảm nhận con thuyền như một cơ thế sống, như một phần sự sống lao động ở làng chài gắn bó mật thiết với con người nơi đây.  **Câu 6**:   |  |  | | --- | --- | | Chủ đề | Hình ảnh con thuyền -> là biểu tượng của người dân làng chài. |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Con thuyền khi ra khơi | Con thuyền khi trở về | Con thuyền trên bãi cát | | *“Chiếc thuyền nhẹ hăng...”*  *“Cánh buồm giương to...”* | *“biển lặng cá đầy ghe”* | *“im bến mỏi trở về nằm”*  *“Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* | | -Nghệ thuật: So sánh:  + Chiếc thuyền – con tuấn mã mạnh mẽ, dũng cảm.  + Cánh buồm – mảnh hồn làng (gần gũi, có linh hồn) | Con thuyền mang cho người dân cuộc sống ấm no, đầy đủ. Những chiếc ghe đầy những con cá tươi ngon, là lời cảm tạ chân thành trời đất giúp cho sóng yên biển lặng để người dân chài trở về an toàn. | Nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:  *Im, mỏi, nằm, nghe* | | Khí thế dũng mãnh, sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng cũng là vẻ đẹp của con người. Con thuyền trở nên có hồn... | Có hồn. Con thuyền nghỉ ngơi sau chuỗi ngày làm việc vất vả | | Tình cảm của tác giả: Gắn bó sâu nặng, tình yêu thương đằm thắm, tha thiết. | | |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  […]  *Quê hương là cầu tre nhỏ Mẹ về nón lá nghiêng che Là hương hoa đồng cỏ nội Bay trong giấc ngủ đêm hè*  *Quê hương là vòng tay ấm Con nằm ngủ giữa mưa đêm Quê hương là đêm trăng tỏ Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*  *Quê hương là vàng hoa bí Là hồng tím giậu mồng tơi Là đỏ đôi bờ dâm bụt Màu hoa sen trắng tinh khôi*  *Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương có ai không nhớ...*  (Trích *Quê hương* - Đỗ Trung Quân)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ. **Câu 2.** Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.  **Câu 3.** Nhận xét về tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương.  **Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) bày tỏ tình cảm của em với quê hương đất nước.  **GỢI Ý:**  **Câu 1**: PTBĐ chính: Biểu cảm.  **Câu 2**:  \* HS có thể chỉ ra một trong các biện pháp tu từ sau:  - Phép so sánh: Quê hương – là cầu tre nhỏ, là hương hoa đồng nội, là vòng tay ấm, là đêm trăng tỏ, là vàng hoa bí, là hồng tím giậu mồng tơi, là màu trắng tinh khôi hoa sen; quê hương chỉ một như là chỉ một mẹ thôi.  - Phép liệt kê: Quê hương là cầu tre nhỏ, hương hoa đồng nội, vòng tay ấm, đêm trăng tỏ,…  - Phép điệp cấu trúc câu: *Quê hương là…; là…*  \*Tác dụng:  - Phép so sánh/ liệt kê:  + Nhấn mạnh vẻ đẹp của quê hương gắn với những hình ảnh gần gũi, bình dị trong tâm hồn mỗi người.  + Cho thấy tình yêu, sự gắn bó với quê hương của nhà thơ;  + Nhắn nhủ với người đọc cần biết trân trọng, yêu quý và gắn bó với quê hương.  + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.   * Hoặc phép điệp cấu trúc câu:   + Nhấn mạnh vẻ đẹp của quê hương gắn với những hình ảnh gần gũi, bình dị trong tâm hồn mỗi người.  + Cho thấy tình yêu, sự gắn bó với quê hương của nhà thơ;  + Nhắn nhủ với người đọc cần biết trân trọn, yêu quý và gắn bó với quê hương.  + Tạo giọng điệu uyển chuyển, tha thiết; tăng liên kết giữa các câu thơ, các khổ thơ.  **Câu 3.** Tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương: Yêu mến, tự hào, gắn bó với vẻ đẹp của quê hương.  **Câu 4**: Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:  \*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp. \*Về nội dung: Tình cảm với quê hương, đất nước:  - Quê hương, đất nước hiện thân trong những thứ bình dị, thân thương nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa cao cả.  - Tình cảm với quê hương, đất nước: Yêu quê hương, gắn bó với quê hương; đóng góp sức lực tài năng để góp phần xây dựng quê hương đất nước. | | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  Bài 1: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) trình bày cảm nhận của em về một người thân trong gia đình, trong đó có sử dụng ít nhất 3 phó từ. Gạch chân dưới các phó từ đó.  Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận cảu em về một người thân trong gia đình:   * Người thân đó là ai? (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,…) * Đặc điểm nổi bật của người thân. * Cảm nhận, suy nghĩ của em về người thân.   **Đoạn văn mẫu:** Mẹ là người quan tâm **đến** tôi nhất và **cũng** là người mà tôi yêu thương và mang ơn nhất trên đời này. Tôi **vẫn** thường nghĩ rằng mẹ tôi không đẹp. Không đẹp vì mẹ chẳng có cái nước da trắng, khuôn mặt tròn phúc hậu hay đôi mắt long lanh như mẹ người ta... mà mẹ **chỉ** có khuôn mặt gầy gò, rám nắng, vầng trán cao, những nếp nhăn của tuổi 40, của bao âu lo trong đời in hằn trên khóe mắt. Nhưng bố tôi bảo mẹ đẹp hơn những phụ nữ khác ở vẻ đẹp trí tuệ. Đúng vậy, mẹ tôi thông minh, nhanh nhẹn, tháo vát **lắm**. Trên cương vị của một người lãnh đạo, ai **cũng** nghĩ mẹ là người lạnh lùng, nghiêm khắc. Có **những** lúc tôi **cũng** nghĩ **vậy** nhưng khi ngồi bên mẹ, bàn tay mẹ âu yếm vuốt tóc tôi, **mọi** ý nghĩ đó tan biến hết. Dường như một dòng yêu thương mãnh liệt qua bàn tay mẹ truyền vào sâu trái tim tôi, qua ánh mắt yêu thương, nụ cười trìu mến, qua **tất cả** **những** gì của mẹ. Tôi **chỉ** muốn nói với mẹ rằng: "*Con yêu mẹ. Cảm ơn mẹ vì* ***đã*** *cho con* ***được*** *làm con của mẹ!*'. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 9 (25+26+27)**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT  
TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỂ MỘT VẤN ĐỂ ĐỜI SỐNG  
(ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

**2. Năng lực:**

- Xây dựng được dàn ý về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Viết được bài văn bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Bài văn có bố cục rõ ràng, chặt chẽ, văn phong trong sáng.

**3. Phẩm chất:** - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  | 1. **Hệ thống kiến thức**   **1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  **2. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  **\* Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:   * Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. * Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn * Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.   **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.. |
|  | 1. **LUYỆN TẬP**   **Lập dàn ý rồi viết thành bài văn hoàn chỉnh cho đề sau:**  **Đề bài:** Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”(Ai-tơ-mai-tốp) |
| **Dàn ý**  **1. Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.  **2. Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:  \*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:  **N**hân vật thầy Đuy-sen hiện lên hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác, vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.  **\*Ngoại hình:** Hình ảnh thầy Đuy-sen trong kí ức của An-tư-nai: đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…  \***Ngôn ngữ:**   * Thầy Đuy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học:   **+** *“Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? … Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?”*  **+ *“****Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.”*   * Động viên, khích lệ An-tư-nai:   *“Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em*  *ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.*  => Lời nói của thầy Đuy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương**.**  **\*Hành động:**   * Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. * Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá; * Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. * Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. * Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. * Kiên trì day chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc; * Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.   => Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.  **\*Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:**   * Đám học trò đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò. * Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối , bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài. * Nhân vật “tôi” mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”   **\*Mối quan hệ với các nhân vật khác:**   * Với bọn nhà giàu: thầy phớt lờ lời nói, hành động và thái độ coi thường, chế giễu của chúng. * Với học trò: Thầy coi học trò như người thân trong gia đình. * Với An-tư-nai: Thầy Đuy-sen hiểu và để tâm cả những hành động nhỏ bé của An-tư-nai (trút lại ki-giắc ở trường); An-tư-nai vô cùng yêu quý và kính trọng thầy Đuy-sen, mong muốn thầy là anh trai của mình.   \*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:  - Nhân vật thầy giáo Đuy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).  - Kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ.  **\***Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật:  - ThầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.  - Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.  **3. Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.  **Bài viết tham khảo:**  Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình ảnh thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.         Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi tìm hiểu về thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”. Thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác một cách chân thực, khách quan, vừa thể hiện được tình cảm của cô bé An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.  Nhà văn Ai-tơ-ma-tốp đã xây dựng nhân vật thầy Đuy-sen chủ yếu qua các chi tiết về ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và mối quan hệ với các nhân vật khác. Khi đến vùng núi quê hương của cô bé An-tư-nai, thầy Đuy-sen còn trẻ lắm. Học vấn của thầy lúc đó tuy không cao, nhưng trái tim thầy dạt dào tình nhân ái và sôi sục nhiệt tình cách mạng. Một mình thầy lao động hàng tháng trời, phạt cỏ, trát lại vách, sửa cánh cửa, quét dọn cái sân..., biến cái chuồng ngựa của phú nông hoang phế đã lâu ngày thành một cái trường khiêm tốn nằm bên hẻm núi, cạnh con đường vào cái làng nhỏ nghèo nàn lạc hậu. Thầy tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. Tất cả những việc làm đó nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất cho lớp học của các em trong hoàn cảnh nghèo khó của địa phương.         Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bê bết đất”. Thầy Đuy-sen “mỉm cười, niềm nở” quệt mồ hôi trên mặt, rồi ôn tồn hỏi: *“Đi đâu về thế, các em gái”.* Trước các “vị khách” nhỏ tuổi, thầy hiền hậu nói: “*Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi..*.?”. Đuy-sen đúng là một người thầy vĩ đại, cử chỉ của thầy rất hồn nhiên. Thầy hiền hậu nói lên những lời ấm áp lay động tâm hồn tuổi thơ. Mới gặp các em nhỏ xa lạ lần đầu mà thầy đã nhìn thấy, đã thấu rõ cái khao khát muốn được học hành của các em: “Các em chả sẽ học tập ở đây là gì?” Thầy “khoe” với các em về chuyện đắp lò sưởi trong mùa đông..., thầy báo tin vui trường học đã làm xong “có thể bắt đầu học được rồi”. Thầy mời chào hay khích lệ? Thầy nói với các em nhỏ người dân tộc miền núi chưa từng biết mái trường là gì bằng tất cả tình thương mênh mông: “*Thế nào, các em có thích học không? Các em sẽ đi học chứ*?”. Thầy Đuy-sen quả là có tài, giàu kinh nghiệm sư phạm. Chỉ sau một vài phút gặp gỡ, vài câu nói nhẹ nhàng, thầy đã chiếm lĩnh tâm hồn tuổi thơ. Thầy đã khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi niềm khao khát được đi học. Với An-tư-nai, thầy nhìn thấu tâm can em, cảm thông cảnh ngộ mồ côi của em, thầy an ủi và khen em một cách chân tình: “*An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không*?”. Câu nói ấy cùng với nụ cười hiền hậu của Đuy-sen đã khiến cho cô gái dân tộc thiểu số bé nhỏ, bất hạnh “thấy lòng ấm hẳn lại”. Những buổi đến trường, thầy Đuy-sen gắn bó với những đám trẻ bằng thứ tình cảm nhân hậu, yêu thương. Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá. Bị bọn nhà giàu chế giễu, coi thường, thầy không để ý, thầy còn kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. Thầy vô cùng lo lắng và chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. Lũ trẻ hiểu hết những cử chỉ và hành động yêu thương của người thầy đáng kính nên vì yêu quý thầy, chúng đã tự nguyện đến trường mặc cho đường xa, phải leo đèo, lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết. Tấm lòng nhân hậu và những ý nghĩ tốt lành của thầy đã cảm hoá được lũ trẻ, thổi bùng lên khát khao học tập của chúng. Thật đẹp đẽ biết bao hình ảnh thầy trò cùng nhau chia sẻ chiếc lò sưởi giữa cảnh trời buốt giá. Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình. Với riêng An-tư-nai, thầy động viên, khích lệ: “*Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.* Thầy Đuy-sen luôn sống mãi trong kí ức của An-tư-nai với hình ảnh đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…  Thầy Đuy-sen còn hiện lên qua lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:“*Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.* Cô bé An-tư-nai mong muốn thầy Đuy-sen là anh trai của mình: *“Lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Đuy-sen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi. Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột tôi!”.*  Như vậy, bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc qua qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai); kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ, văn bản truyện “Người thầy đầu tiên” đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật thầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em nhỏ vùng quê nghèo ngọn lửa của khát khao tri thức. Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.  Ai-tơ-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên được tác giả nói đến với tất cả sự ca ngợi, với niềm thương mến bao la. Người thầy trong truyện ngắn là người thầy của tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời. Ngọn lửa tình thương như toả sáng trang văn Ai-ma-tốp, mãi mãi làm ấm áp lòng người. Những trang viết của nhà văn Ai-tơ-ma-tốp cùng hình ảnh thầy Đuy-sen sẽ có sức sống lâu bền, neo đậu lâu dài trong lòng mỗi chúng ta. | |
| **Đề bài 2:** Trình bày ý kiến của em về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học)  Gợi ý: Vấn đề gợi ra từ nhân vật Mên, Mon (Bầy chim chìa vôi)”, An, Cò ( Đi lấy mật), nhân vật “tôi”, người cha ( Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ), tình yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống, tình yêu thương loài vật,...  **Bài tham khảo:**  Sau khi đọc xong tác phẩm “Bầy chim chia vôi” của Nguyễn Quang Thiều, qua tình yêu thương loài vật của hai nhân vật Mên và Mon, em đã suy nghĩ rất nhiều về tình yêu thương các loài vật hoang dã quý hiếm trong cuộc sống ngày nay.  Hai anh em Mên và Mon trong tác phẩm đều có tình yêu thương loài vật sâu sắc, nhất là sự quan tâm, lo lắng cho chú chim non chia vôi. Vào ngày mưa lớn, Mon lo cho những chú chim sẽ bị chết úng vì chúng không thể bay được vào bờ. Hai anh em đã rủ nhau đi giải cứu những chú chim đó. Chứng kiến cảnh một chú chim non cố gắng hết sức bay lên bầu trời thực hiện chuyến bay đầu tiên trong đời khiến cho hai anh em cảm động nghẹn ngào. Từ tình yêu thương loài chim của hai anh em trong tác phẩm đã gợi nên trong mỗi người đọc nhiều suy nghĩ về những loài vật hoang dã quý hiếm cũng cần chúng ta dành tình yêu thương.  Hiện nay trên thế giới còn tồn tại rất nhiều những loài động vật hoang dã, quý hiếm, nhưng sự sống của chúng đang bị đe dọa ở mức báo động và có nguy cơ bị tuyệt chủng. Thật không khó để tìm thấy những thông tin về các vụ việc săn bắn, giết hại động vật hoang dã trên khắp cả nước. Tình trạng săn bắn và buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật đã đẩy nhiều loài vật dến bờ vực tuyệt chủng. Nhiều cánh đồng quê hiện nay, các đối tượng săn bắn đã rải hàng trăm con có giả làm bằng xốp để thu hút chim đến để bẫy. Đó quả là những hành vi đáng báo động, gây thiệt hại và dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng rất nghiêm trọng.  Vậy nguyên nhân các loài vật quý hiếm đang dần bị tuyệt chủng xuất phát từ đâu? Trước hết là bắt đầu từ sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế - xã hội, cùng với tốc độ đô thị hóa ở các quốc gia đã thu hẹp dần môi trường sống tự nhiên của các loài sinh vật. Bên cạnh đó, nguyên nhân lớn hơn vẫn là do ý thức, lòng tham của con người. Do nhu cầu săn bắn, giết thịt hoặc nuôi nhốt các loài vật để làm thú cưng của họ. Những con vật càng quý hiếm thì người ta càng ra sức săn bắn và tận diệt. Ngoài ra còn do bị buôn bán và tiêu thụ bất hợp pháp vì nhiều mục đích khác nhau như là làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ trang sức… phục vụ cho con người.  Đứng trước mối nguy cơ đó, chúng ta cần phải đề ra biện pháp như thế nào? Đối với những hành vi săn bắn, giết án động vật quý hiếm trái phép thì cần phải lên án mạnh mẽ và đưa ra mức phạt và kỉ luật thật nặng. Tổ chức nhiều chương trình hợp tác quốc tế giữa các nước về chăm sóc, chữa trị, bảo vệ, cứu hộ động vật hoang dã hiệu quả. Tích cực tham gia công tác tình nguyện cứu hộ động vật, tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ động vật hoang dã đến cộng đồng. Hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã cần phải vận hành có hiệu quả hơn. Có như vậy, chúng ta mới cứu sống được những giống loài động vật quý hiếm đó.  Mỗi loài động vật hay thực vật đều có giá trị riêng, giúp cân bằng hệ sinh thái và bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Thiên nhiên đang kêu cứu, vì vậy, chúng ta cần chung tay, nỗ lực để cùng bảo tồn động vật hoang dã. | |
|  | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 10 (tiết 28+29+30): ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**(GV cho HS luyện đề)**

**ĐỀ BÀI 1**

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

**GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ**

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.  
Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.  
Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

**Câu 2**. Chủ đề của văn bản trên là:

A. Giá trị cuộc sống

B. Lòng biết ơn

C. Đức tính trung thực

D. Lòng hiếu thảo

**Câu 3.** Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

A. Người học trò

B. Người kể chuyện

C. Hòn đá

D. Người thầy

**Câu 4**. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

**Câu 5**. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

**Câu 6**. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá

B. Người học trò

C. Người thầy

D. Chủ tiệm đồ cổ

**Câu 7**. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng* là thành phần mở rộng câu bởi?

A. Trạng ngữ

B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ

D.Cụm tính từ

**Câu 8**. Tác dụng của điệp từ *bán*, *mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

**Câu 9**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp.  HS có thể lựa chọn những thông điệp sau:  - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết đinh được cuộc sống của bạn.  - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận. | 2,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
| **a. Hình thức:** Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát. | 0,5 |
| **b. Nội dung:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  **\* Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí.  HS có thể trình bày những ý kiến sau:  - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân.  + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp  Dẫn chứng: (….)  + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì.  Dẫn chứng (…)  - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh.  + Dẫn chứng:  Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân:  Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh:  - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,…  + Dẫn chứng:  - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế.  + Dẫn chứng:  => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân.  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  - Liên hệ bản thân. | 0,5  2,5  0,5 |

ĐỀ 2: **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Ông đồ**  
Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực Tàu, giấy đỏ  
Bên phố đông người qua  
  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài:  
“Hoa tay thảo những nét  
Như phượng múa, rồng bay”  
  
Nhưng mỗi năm mỗi vắng  
Người thuê viết nay đâu?  
Giấy đỏ buồn không thắm  
Mực đọng trong nghiên sầu...  
  
Ông đồ vẫn ngồi đấy  
Qua đường không ai hay  
Lá vàng rơi trên giấy  
Ngoài trời mưa bụi bay  
  
Năm nay đào lại nở  
Không thấy ông đồ xưa  
Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?  
  
(Vũ Đình Liên, trong Thi nhân Việt Nam. Nguyễn Đức Phiên xb, Hà Nội, 1943).

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1:**Bài thơ “Ông đồ” viết theo thể thơ gì?

A. Thơ lục bát

B. Thơ bốn chữ

C. Thơ năm chữ

D. Thơ tự do

**Câu 2:** Trong bài thơ, hình ảnh ông đồ già thường xuất hiện trên phố vào thời điểm nào?

A. Khi hoa mai nở, báo hiệu mùa xuân đã đến.

B. Khi kì nghỉ hè đã đến và học sinh nghỉ học.

C. Khi phố phường tấp nập, đông đúc.

D. Khi mùa xuân về, hoa đào nở rộ.

**Câu 3:** Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**Câu 4:** Hai câu thơ "Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu" trong bài thơ sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Hoán dụ.

B. Ẩn dụ.

C. Nhân hóa.

D. So sánh.

**Câu 5:**Hình ảnh nào lặp lại trong khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ "ông Đồ"?

A. Lá vàng.

B. Hoa đào.

C. Mực tàu.

D. Giấy đỏ.

**Câu 6:** Nghĩa của từ "ông Đồ" trong bài thơ ông "ông Đồ" của Vũ Đình Liên là:

A. Người dạy học nói chung.

B. Người dạy học chữ nho xưa.

C. Người chuyên viết câu đối bằng chữ nho.

D. Người viết chữ nho đẹp, chuẩn mực.

**Câu 7:**  Hai câu thơ nào dưới đây thể hiện tình cảnh đáng thương của ông đồ?

A. Ông đồ vẫn ngồi đấy – Qua đường không ai hay.

B. Năm nay đào lại nở - không thấy ông đồ xưa.

C. Bao nhiêu người thuê viết – tấm tắc ngợi khen tài.

D. Nhưng mỗi năm mỗi vắng – người thuê viết nay đâu.

**Câu 8:** Hai câu thơ: ***Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay*** nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** [Nhà thơ đã thể hiện những nỗi niềm, tâm tư gì qua khổ thơ cuối?](https://baivan.net/content/nha-tho-da-hien-nhung-noi-niem-tam-tu-gi-qua-kho-tho-cuoi.html)

**Câu 10:**Từ nội dung bài thơ "Ông đồ", em rút ra được những bài học gì trong cuộc sống? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | - Qua khổ thơ cuối bài, nhà thơ đã thể hiện những nổi niềm, tâm tư riêng. Khổ thơ cuối như một sự khắc khoải và dai dẳng. Nhịp tuần hoàn của thời gian vẫn tiếp nối, mỗi mùa xuân lại đến lại đi, để rồi năm nay, ta không còn thấy bóng dáng ông Đồ. Câu thơ cất lên như một nỗi niềm xót xa khôn nguôi. | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.  - Bài thơ " Ông đồ" đã gợi cho em bài học sâu sắc về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống ngày nay. Trong bài thơ, hiện lên là hình ảnh ông đồ ở hai thời kì khác nhau, giữa quá khứ và hiện tại. Nếu như trước đây, ông được quý trọng, những nét chữ của ông được "tấm tắc ngợi khen tài" bao nhiêu thì ngày nay, ông lại bị người đời quay lưng, bị quên lãng. Ông đồ chính là hình ảnh về một nếp văn hóa mang bản sắc của dân tộc, đó là tục xin chữ ngày Tết. Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn nên được duy trì, phát huy. Để khi nhìn vào đó, ta thấy cả quá khứ một thời hiện về với những kí ức đẹp nhất. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn*  Mở đoạn nêu được vấn đề, Thân đoạn triển khai được vấn đề, Kết đoạn khái quát được vấn đề. | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:* | | 2.5 |
| * Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng và cảm xúc chung về bài thơ đó. * Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ. * Khái quát được cảm xúc của bài thơ. | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |

ĐỀ 3: Đọc bài thơ *Thơ tặng dòng sông* của Nguyễn Trọng Hoàn và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

*Gió đã thổi giêng hai*

*Triền sông ngô xanh mướt*

*Nghe dạt dào lá hát*

*Chiều mỡ màng xanh trong*

*Mây bạc giữa tầng không*

*In dòng sông lấp loáng*

*Chiều dập dênh sóng nắng*

*Ngực phù sa bồi hồi*

*Bao thương nhớ đầy vơi*

*Sóng gối đầu lên bãi*

*Đất đồng tươi trẻ lại*

*Mùa gọi mùa sây bông*

*Thơ viết tặng dòng sông*

*Vọng mái chèo man mác...*

(Nguyễn Trọng Hoàn, *Nguyễn Trọng Hoàn để lại*..., NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2021, tr. 401)

**1. Chọn phương án đúng**

**Câu 1 :**Xác định thể thơ và những yếu tố giúp em nhận diện thể thơ của văn bản *Thơ tặng dòng sông.*

A. Thể bốn chữ, năm chữ, số tiếng trong các dòng thơ

B. Thể bốn chữ, năm chữ, nhịp và vần của các dòng thơ

C. Thể bốn chữ, từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ

D. Thể năm chữ, số tiếng trong mỗi dòng thơ

**Trả lời:**

Yêu cầu nhận diện thể thơ thông qua đặc điểm hình thức quan trọng nhất: số tiếng trong mỗi dòng thơ. Phương án đúng: D.

**Câu 2 :**Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong dòng thơ: *Nghe dạt dào lá hát*?

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hoá

D. So sánh

**Trả lời:**

Để trả lời câu hỏi này, HS cần chú ý mối quan hệ giữa từ “lá” (từ chỉ bộ phận của cây cối) và từ “hát” (từ chỉ hoạt động của con người). Từ đó HS xác định được biện pháp tu từ được sử dụng là biện pháp tu từ nhân hoá. Phương án đúng: C.

**2. Trả lời các câu hỏi**

[**Câu 1:Nhan đề *Thơ tặng dòng sông* gợi cho em cảm nhận gì về tình cảm của nhà thơ với dòng sông quê?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-50-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Nhà thơ làm thơ để tặng dòng sông quê hương như tặng một con người (người bạn, người thân yêu). So sánh “tặng” với từ đồng nghĩa, gần nghĩa như “cho” có thể thấy sắc thái ý nghĩa của từ “tặng” thể hiện sự yêu thương, trân trọng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của nhà thơ dành cho dòng sông quê hương: coi dòng sông như một người thân thiết, rất đỗi trân quý, thiêng liêng.

[**Câu 2: Tìm những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của dòng sông quê. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp đó.**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-50-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của dòng sông liên quan đến vẻ đẹp của thiên nhiên bên dòng sông (bãi ngô, đồng lúa ven sông); vẻ đẹp của chính những gì thuộc về dòng sông (phù sa, sóng, bờ sông...); sự hoà quyện của dòng sông vào không gian và thời gian (nắng, chiều... ).

Từ những hình ảnh đó, có thể cảm nhận được vẻ đẹp đầy sức sống của thiên nhiên bên dòng sông (*Triền sông ngô xanh mướt/ Nghe dạt dào lá hát*), vẻ đẹp tươi sáng của nước và mây trời như hoà vào nhau (*Mây bạc giữa tầng không/ In dòng sông lấp loáng*) và vẻ đẹp đặc trưng của sóng nước "dập dềnh”, phù sa "bồi hồi" - như sự sống luôn dạt dào, sôi nổi cựa mình bên dòng sông.

[**Câu 3: Theo em, từ “bồi hồi” trong dòng thơ *Ngực phù sa bồi hồi* gợi liên tưởng đến tình cảm, nỗi niềm của ai? Vì sao em có thể liên tưởng như vậy?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-50-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Trong dòng thơ, từ “bồi hồi” được dùng để biểu hiện cảm xúc của “ngực phù sa” - phù sa bên sông. Nhưng hình ảnh đó cũng có thể gợi liên tưởng đến con người: tình cảm “bồi hồi” của con người dành cho dòng sông, cho quê hương, là nỗi niềm “bồi hồi” của chính nhà thơ, hoà vào nhịp sống, nhịp thở của dòng sông quê hương.

Câu 4: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 10 câu) nêu cảm xúc của em về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em yêu thích.

**Trả lời:**

**\* Đoạn văn mẫu tham khảo:**

Bài thơ “Gặp lá cơm nếp” của Thanh Thảo đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thèm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn các anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà vời vợi nỗi nhớ thương. Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**BUỔI 11 (Tiết 31+32+33)**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ (Thanh Hải)**

**GÒ ME (**Hoàng Tố Nguyên**)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, Biện pháp tu từ)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập, củng cố về tác giả (tên tuổi, quê quán, sự nghiệp sáng tác) và tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục, mạch cảm xúc).

- Cảm nhận được về nội dung, nghệ thuật của văn bản:

+ Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân của đất nước.

+ Tình yêu thiên nhiên, tình yêu đất nước, yêu cuộc sống và khát vọng được cống hiến của tác giả.

- Khắc sâu kiến thức về: Ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, Biện pháp tu từ

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc hiểu, phân tích văn bản, viết đoạn.

- Rèn kĩ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

***3. Phẩm chất:***

- Có ý thức ôn tập, hệ thống kiến thức.

- Hs biết suy nghĩ trước tình yêu thiên nhiên, đất nước và khát vọng dâng hiến của nhà thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ?Văn bản “Mùa xuân nho nhỏ và Gò me” có điểm gì chung về thể loại?  ?Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của thơ trữ tình là gì?   * Là sự bộc lộ cảm xúc hoặc suy nghĩ cá nhân   ?Vậy Thơ trữ tình có đặc điểm gì? | ***A. Hệ thống lại kiến thức***  **I. Thơ trữ tình**  **1. Đặc điểm của thơ trữ tình.**   |  |  | | --- | --- | | **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | | **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** | - Tình cảm chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.  - Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình. | | **2. Hình ảnh trong thơ** | - Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ. | | **3. Nhịp thơ** | - Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân cha trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ. | | **4. Ngữ cảnh** | - Ngữ cảnh là chai cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là chai cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là chai cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |   ***2.* Yêu cầu và phương pháp đọc hiểu tác phẩm thơ** - Cần biết rõ tên bài thơ, tên tác giả, thời gian và hoàn cảnh sáng tác, đó là cơ sở ban đầu để tiếp cận tác phẩm.  - Đọc và quan sát bước đầu để nắm chắc bài thơ. Qua việc đọc, phải xác định được chủ đề, chủ thể trữ tình (chủ thể trữ tình thường xuất hiện ở hai dạng: cái tôi trữ tình và chủ thể trữ tình ẩn), đối tượng trữ tình, hình tượng trữ tình và giọng điệu chủ đạo của bài thơ.  - Cảm nhận nội dung, ý nghĩa bài thơ qua câu chữ, hình ảnh, nhịp điệu, kết cấu, các biện pháp tu từ,…  - Lí giải, đánh giá toàn bộ bài thơ cả về hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Đặc biệt là phải chỉ ra những đóng góp của tác giả (thể hiện qua tác phẩm) cho thơ và cho cuộc sống con người. |
| ***ÔN TẬP VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ (THANH HẢI)*** | |
| GV đưa ra các câu hỏi, hs trả lời.  ?Nêu những hiểu biết về tác giả Thanh Hải (dưới dạng từ khóa ngắn gọn).  ?Nhắc lại kiến thức cơ bản về hoàn cảnh sáng tác, nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | *I****. Tác giả:***Thanh Hải (1930 – 1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế.  - Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối năm kháng chiến chống Pháp. Là cây bút có công xây dựng nền văn học giải phóng miền Nam từ những ngày đầu.Thanh Hải từng là một người lính trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với tư cách là một nhà văn.  - Thơ TH chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành.  - Các tác phẩm chính: Các tập thơ “những đồng chí trung kiên” (1962), Huế mùa xuân (hai tập 1970 và 1975), Dấu võng Trường Sơn (1977)  - Năm 1965, được tặng giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu.  - Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.  ***II. Tác phẩm***:  **1. Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: (tháng 11- 1980, chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách **2.. Mạch cảm xúc**  Bài thơ bắt đầu bằng những xúc cảm trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất trời. Từ đó, mở rộng ra thành hình ảnh mùa xuân của đất nước hôm nay và cả đất nước bốn ngàn năm. Từ đó mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được góp “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. Mạch thơ phát triển tự nhiên để rồi khép lại cũng tự nhiên, đằm thắm trong một điệu dân ca xứ Huế.  **3. Nội dung**  Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.  **4. Nghệ thuật*:***  + Bài thơ theo thể 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc. nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.  + Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị đi từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).  + Cấu tứ của bài chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.  + Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: vui, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, hơi trang nghiêm mà thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết. |
| **HS ôn tập văn bản Gò me**  ?Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm?  ?Nội dung và nghệ thuật của văn bản? | **III. Ôn tập Văn bản: Gò me**   1. **Tác giả:** Hoàng Tố Nguyên quê tỉnh  tỉnh Tiền Giang 2. **Tác phẩm**   **- Thể loại:** Gò Me thuộc thể thơ tự do  **-Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  - Trong các tập thơ của Hoàng Tố Nguyên, tập thơ Gò Me của ông gồm 13 bài thơ được xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn.  - Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả.  - Trong tập thơ này, bài thơ Gò Me viết về quê hương của ông là đặc sắc nhất  **- Phương thức biểu đạt :** Văn bản Gò Me có phương thức biểu đạt là biểu cảm  **3. Giá trị nội dung:**  Bài thơ **Gò Me**thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương miền Nam thân thương và anh dũng của tác giả. Hình ảnh quê hương Gò Me xuất hiện như làn gió mát trong khung cảnh oi bức. Người đọc miền Bắc lần đầu biết đến một nhà thơ Nam Bộ, với người, với tình, với cảnh và giọng thơ Nam Bộ thứ thiệt hồn hậu, chất phác.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Bài thơ Gò Me có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi.  - Lời thơ như ngân lên thành lời ca. |
| GV yêu cầu HS chỉ ra sự khác biệt của từ “áo nâu” trong ví dụ sau đây. Dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “áo nâu” trong từng ví dụ đó?  (1)**Áo nâu** liền với áo xanh  Nông thôn cùng với thị thành đứng lên  (2) Tôi mua biếu bà một chiếc **áo nâu.**  Trong ví dụ (1), áo nâu để chỉ những người nông dân nói chung, là trang phục gắn liền với người nông dân, trở thành biểu tượng của người nông dân. Với ví dụ (2), áo nâu chỉ một loại áo.  ?Ngữ cảnh là gì? Nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh? | **III. Thực hành Tiếng Việt**  **Ngữ cảnh,** nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh,  +Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ, mà ở đó người nói (người viết) sản sinh lời nói thích ứng. Còn người nghe (người đọc) căn cứ vào đó để lĩnh hội đúng và đầy đủ lời nói.  +Bối cảnh trong văn bản. gồm những đơn vị ngôn ngữ (tử, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh).  + Bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập theo yêu cầu:** | **B. LUYỆN TẬP.**  **PHẦN ĐỌC HIỂU** |
| **VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 1:** Cho câu thơ sau:  *Mọc giữa dòng sông xanh*  **Câu 1:** Hãy chép chính xác những dòng thơ còn lại để hoàn thiện khổ thơ? Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **Câu 2:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của khổ thơ em vừa chép?  **Câu 3:**  Chỉ ra thành phần biệt lập được sử dụng trong khổ thơ vừa chép?  **Câu 4:**  Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ?  **Câu 5:** Viết đoạn văn(7-10 câu) trình bày cảm nhận về bức tranh thiên nhiên được thể hiện trong đoạn thơ. |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 2:** Hình ảnh đất nước là cảm hứng bất tận trong thơ ca. Viết về đất nước nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã có những câu thơ giàu cảm xúc, gợi suy ngẫm sâu xa:  *“Em ơi Đất Nước là máu xương của mình Phải biết gắn bó san sẻ*  *Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*  *Làm nên đất nước muôn đời"*  (Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm)  Trong một bài thơ em vừa học của chương trình học kì 2 có những khổ thơ cũng gợi những cảm xúc về mùa xuân đất nước. Em hãy:  **Câu 1**. Chép thuộc những câu thơ trong những khổ thơ có nội dung nêu trên. Nêu hoàn cảnh sáng tác.  **Câu 2**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của hình ảnh vừa có nghĩa thực vừa có nghĩa ẩn dụ giàu sức gợi trong những khổ thơ em vừa chép thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả về hình ảnh của sức xuân đất nước  **Câu 3**. Em hãy viết một đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch (khoảng 12 câu) phân tích cảm xúc của nhà thơ được gợi ra từ những khổ thơ vừa chép. |   **VĂN BẢN: GÒ ME**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 3: Đọc lại bài thơ Gò Me trong SGK (tr. 93 - 95) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Tìm những hình ảnh miêu tả ánh sáng, âm thanh và không gian miền quê Gò Me trong khổ thơ đầu.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Chỉ ra các tiếng cùng vần với nhau trong đoạn thơ sau:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [...] Tôi nằm trên võng mẹ đưa  Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng  Tiếng ai vút đầu bông lúa chín  Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.  [Câu 3: Hai dòng thơ Những chị, những em má núng đồng tiền /Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên gợi cho em cảm nhận gì về những người phụ nữ Gò Me?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ: Hò... ơ... Trai Biên Hoà luỵ gái Gò Me/ Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  Tiếng ai vút đầu bông lúa chín  Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.  [Câu 6: Giải thích nghĩa của từ tắm trong dòng thơ: Ao làng trăng tắm, máy bơi. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ tắm trong ngữ cảnh này với từ tắm trong câu: "Mẹ đang tắm cho bé.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 4: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Giặc Mĩ mày đến đây*  *Thì ta tiêu diệt ngay!*  *Trời xanh ta nổi lửa*  *Bể xanh ta giết mày !*  *Ôi Tổ quốc! ta yêu như máu thịt*  *Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*  *Ôi Tổ quốc! Nếu cần ta sẽ chết*  *Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…*  ( Trích, *Sao chiến thắng,* Chế Lan Viên)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của hai khổ thơ trên?  **Câu 2**: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong 4 câu thơ sau:  *Ôi Tổ quốc! ta yêu như máu thịt*  *Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*  *Ôi Tổ quốc! Nếu cần ta sẽ chết*  *Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…*  **Câu 3**: Đoạn trích trên đã thể hiện cảm xúc, thái độ gì của tác giả? |  |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 5:** Đọc đoạn thơ sau trong bài thơ *Nhớ mưa quê hương* của Lê Anh Xuân và trả lời các câu hỏi:  *Quê nội ơi*  *Mấy năm trời xa cách*  *Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi*  *Nghe tiếng trời gầm xa lắc...*  *Cớ sao lòng thấy nhớ thương.*  *Ôi cơn mưa quê hương*  *Đã ru hát hồn ta thuở bé,*  *Đã thấm nặng lòng ta những tình yêu chớm hé:*  *Nghe tiếng mưa rơi trên tàu chuối bẹ dừa,*  *Thấy mặt trời lên khi tạnh những cơn mưa*  *Ta yêu quá như lần đầu mới biết*  *Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết*  *Như tre, dừa, như làng xóm quê hương*  *Như những con người - biết mấy yêu thương.*  (Lê Anh Xuân, *Nhớ mưa quê hương*, in trong Thơ Việt Nam 1945 - 1975,  NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1976, tr. 379)  [Câu 1: Những dòng thơ mở đầu:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*[Quê nội ơi / Mấy năm trời xa cách / Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi / Nghe tiếng trời gầm xa lắc.../ Cớ sao lòng thấy nhớ thương](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*[đã giúp em hình dung như thế nào về không gian, thời gian, tâm trạng của nhà thơ khi nghe tiếng mưa?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Trình bày cảm nhận của em về những dòng thơ:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*[Ôi cơn mưa quê hương / Đã ru hát hồn ta thuở bé, / Đã thấm nặng lòng ta những tình yêu chớm hé](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)*  [Câu 3: Đoạn thơ đã khơi gợi trong em tình cảm với quê hương, đất nước như thế nào?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Chỉ ra các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  *Ta yêu quá như lần đầu mới biết*  *Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết*  *Như tre, dừa, như làng xóm quê hương*  *Như những con người - biết mấy yêu thương.*  [Câu 5: Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng rất nhiều từ ngữ chỉ mức độ cao của đặc điểm, trạng thái nhằm nhấn mạnh tình cảm sâu nặng, da diết với quê hương. Em hãy liệt kê những từ ngữ đó.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-38-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp) |   **PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**   |  | | --- | | **PHIẾU SỐ 6:** Chỉ ra hiệu quả của một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh con thuyền lúc ra khơi trong bài thơ “Quê hương” và bài Mùa xuân nho nhỏ? |   **GỢI Ý BÀI TẬP**   |  | | --- | | **PHIẾU 1:**  **Câu 1:** Đoạn thơ được trích trong bài “ Mùa xuân nho nhỏ” của tác giả Thanh Hải  Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ra đời tháng 11/ 1980 trong hoàn cảnh đặc biệt:  - Đất nước vừa trải qua cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, nên kinh tế còn trì trệ, kém phát triển.  - Thanh Hải lúc đó đang nằm trên giường bệnh, sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời.  **Câu 2:** – Thể thơ: 5 chữ  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **Câu 3:** Từ “ơi” trong câu thơ “ Ơi con chim chiền chiện” thuộc thành phần biệt lập dùng để gọi đáp.  **Câu 4:**  – Biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua câu thơ “ Từng giọt long lanh rơi; Tôi đưa tay tôi hứng”  - Tác dụng: Thể hiện cảm xúc say sưa ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân. Đồng thời tác giả còn muốn hòa nhập vào thiên nhiên, đất trời. Từ đó cho thấy được tình yêu thiên nhiên của tác giả.  - Nghệ thuật đảo ngữ qua hai câu thơ “ Mọc giữa dòng sông xanh; Một bông hoa tím biếc”  Tác dụng: Tác giả đặt từ “ mọc” lên đầu câu cho thấy được sức sống mãnh liệt, sự vươn lên trỗi dậy của bông hoa. Từ đó, cho ta thấy được sức sống mãnh liệt của mùa xuân thiên nhiên.  - Nghệ thuật nhân hóa lời gọi “ơi” và lời hỏi “ chi”  Tác dụng : Câu thơ đã trở thành lời trò truyện trực tiếp với thiên nhiên, bộc lộ sự ngạc nhiên, xúc động trước vẻ đẹp của mùa xuân.  **Câu 5**: Cần trình bày một cách tự nhiên, chân thành những cảm nhận của bản thân về đoạn thơ được trích.   * Vẻ đẹp trong sáng, đầy sức sống của xứ Huế mùa xuân. Bức tranh được nhà thơ vẽ với màu sắc hài hoà, điểm vào đó là âm thanh cao vút, vui tươi, rộn ràng... * Động từ *mọc* đảo lên đầu câu nhấn mạnh sự sống của bông hoa.   + Tình cảm của nhà thơ.  + Tình yêu mùa xuân thể hiện qua bức tranh xuân, qua câu hỏi con chim chiền chiên.  + Hành động "hứng" giọt long lanh rơi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Sự níu giữ, yêu tha thiết mùa xuân, cuộc đời, dồn vào hành động ấy. |  |  | | --- | | **PHIẾU 2:**  **Câu 1:** Những khổ thơ gợi cảm xúc về mùa xuân đất nước:  *Mùa xuân người cầm súng*  *…*  *Cứ đi lên phía trước.*  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" được Thanh Hải sáng tác vào tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh. Bài thơ là những dòng chữ cuối cùng mà ông để lại. Nó như một sự tổng kết về cuộc đời của ông và gửi gắm về lẽ sống cao cả, cao đẹp.  **Câu 2:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của hình ảnh vừa có nghĩa thực vừa có nghĩa ẩn dụ giàu sức gợi trong những khổ thơ em vừa chép thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả về hình ảnh của sức xuân đất nước  - Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước qua hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng"  + Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước ta lúc bấy giờ là chiến đấu ở tiền tuyến và lao động xây dựng hậu phương vững chắc.  + Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh "lộc giắt đầy trên lưng" gợi liên tưởng đến vòng lá ngụy trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc theo chân các anh ra trận để bảo vệ tổ quốc.  **+** Hình ảnh người ra đồng đi liền với hình ảnh lộc trải dài nương mạ gợi liên tưởng đến những cánh đồng xanh màu mỡ, xanh tươi do những bàn tay khéo léo của những người ở hậu phương gieo trồng.  **- Hình ảnh "mùa xuân", "lộc"**  + Gợi quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vươn những chồi non, lộc non  + Gợi thành quả trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.  **- Hình ảnh "Đất nước như vì sao"**  + Gợi liên tưởng đến nguồn sáng lấp lánh tồn tại vĩnh hằng trong không gian và thời gian.  + Gợi ý nghĩa về dân tộc VN trong suốt chiều dài lịch sử, từ trong đêm tối nô lệ đã phá tan xiềng xích, thoát khỏi PK, Thực dân để tỏa sáng.  + Gợi niềm tin của tác giả về một tương lai tươi sáng, rộng mở với khí thế đi lên mạnh mẽ không gì cản nổi.  **Câu 3**. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:  **-** Từ cảm hứng say sưa yêu mến mùa xuân thiên nhiên đất trời, **nhà thơ hướng lòng mình về với mùa xuân của đất nước, của dân tộc:**  *"Mùa xuân người cầm súng*  *......*  *Tất cả như xôn xao"*  **Không gian của bài thơ mở rộng hơn và mang tính biểu tượng sâu đậm:**  + Hình ảnh mùa xuân đất nước hiện lên qua hình ảnh người cầm súng và người ra đồng. Đây là hai hình ảnh tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và sán xuất, bảo vệ và xây dựng đất nước của nhân dân ta khi đó.  + Kết nối giữa tiền tuyến với hậu phương là hình ảnh mùa xuân và lộc biếc. Nghệ thuật điệp từ, điệp cấu trúc câu trong khổ thơ làm cho nhịp thơ nhanh, mạnh thể hiện sức sống mãnh liệt của mùa xuân như đang lan tỏa trong từng nhiệm vụ của người chiến sĩ, người nông dân. Hình ảnh lộc xanh trên vành lá ngụy trang như theo chân người lính ra mặt trận đem theo sức mạnh vào từng trận đánh. Lộc xuân còn trải dài xanh mướt dưới bàn tay lao động của người nông dân.  **=> Những câu thơ trên đã cho ta thấy giá trị của những công việc và của những con người thầm lặng, bằng đôi tay và sức lực của mình họ đã đem mùa xuân về cho đất nước, cho dân tộc ta.**  - Trong dòng chảy của mùa xuân dân tộc, **nhà thơ đã cảm nhận được nhịp điệu của sự sống đang lan tỏa trong từng công việc:**  *Tất cả như hối hả / Tất cả như xôn xao.*  + Điệp từ, điệp cấu trúc câu kết hợp với hai từ láy hối hả, xôn xao khiến cho câu thơ có âm điệu mạnh mẽ, khắc họa được không khí lao động, chiến đấu hăng say, náo nức, khẩn trương của cả dân tộc.  -Cảm xúc lắng vào suy tư khi tác giả nghĩ về chiều dài lịch sử của dân tộc:  *Đất nước bốn ngàn năm*  *.....*  *Cứ đi lên phía trước.*  + Nghệ thuật nhân hóa kết hợp với các từ "vất vả" và "gian lao" đã khái quát lại chiều dài lịch sử của dân tộc. Đó là một lịch sử đau thương, vất vả, gian lao nhưng cũng thật anh dũng, kiên cường với biết bao mùa xuân đại thắng.  + Câu thơ như một thoáng chiêm nghiệm khi tác giả nhìn về quá khứ của dân tộc để rồi sau đó chứa bao niềm tin yêu, tự hào khi ông ví "Đất nước như vì sao/Cứ đi lên phía trước". Nhà thơ so sánh tầm vóc, vị thế của đất nước với nguồn sáng lấp lánh của vì sao để bày tỏ niềm tự hào, niềm tin vào một tương lai tươi sáng, về sức sống trường tồn, vĩnh cửu của dân tộc, không kẻ thù nào có thể ngăn cản nổi.  =>Đặt bài thơ vào những năm 80 khi nước ta còn đang phải đương đầu với bao khó khăn, nền kinh tế còn rất thấp kém thì ta càng trân trọng lòng yêu đời, yêu cuộc sống và niềm tin của nhà thơ Thanh Hải vào quê hương, đất nước. |  |  | | --- | | **PHIẾU 3:**  [Câu 1: Tìm những hình ảnh miêu tả ánh sáng, âm thanh và không gian miền quê Gò Me trong khổ thơ đầu.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Chỉ ra các tiếng cùng vần với nhau trong đoạn thơ sau:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *[...] Tôi nằm trên võng mẹ đưa*  *Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng*  *Tiếng ai vút đầu bông lúa chín*  *Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.*  [Câu 3: Hai dòng thơ *Những chị, những em má núng đồng tiền /Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên*gợi cho em cảm nhận gì về những người phụ nữ Gò Me?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ: *Hò... ơ... Trai Biên Hoà luỵ gái Gò Me/ Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...?*](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  *Tiếng ai vút đầu bông lúa chín*  *Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.*  [Câu 6: Giải thích nghĩa của từ tắm trong dòng thơ: *Ao làng trăng tắm, máy bơi*. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ tắm trong ngữ cảnh này với từ tắm trong câu: "*Mẹ đang tắm cho bé.*](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-36-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) |  |  | | --- | | **PHIẾU 4:**  Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  Câu 2: Biện pháp tu từ: Điệp ngữ “ Ôi tổ quốc”: Nhấn mạnh, khẳng định cảm xúc yêu mến, tự hào.  - Biện pháp so sánh: Như máu thịt, như mẹ cha, như vợ, như chồng…  Tác dụng: Đất nước hiện lên cụ thể, sinh động. Đất nước như một phần sự sống của bản thân, như một thành viên trong gia đình và “ta” quyết tâm dù hi sinh cũng phải bảo vệ, giữ gìn.  Câu 3: Cảm xúc, thái độ: yêu mến, tự hào, quyết tâm tiêu diệt kẻ thù để bảo vệ Tổ quốc. |  |  | | --- | | **PHIẾU 5:** Những dòng thơ mở đầu *Quê nội ơi / Mấy năm trời xa cách / Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi / Nghe tiếng trời gầm xa lắc... / Cớ sao lòng thấy nhớ thương* đã giúp chúng ta hình dung về không gian, thời gian và tâm trạng của nhà thơ: vào một đêm mưa, nằm nghe tiếng mưa rơi, nhà thơ nhớ thương da diết quê nội thân yêu của mình.  [**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Những dòng thơ *Ôi cơn mưa quê hương / Đã ru hát hồn ta thuở bé, / Đã thấm nặng lòng ta* những tình yêu chớm hé đã diễn tả rất sâu sắc, cảm động tình yêu mãnh liệt, tha thiết của nhà thơ với cơn mưa quê hương nói riêng và với quê hương nói chung. Chính những cơn mưa đó đã nuôi dưỡng, ấp iu tâm hồn nhà thơ, đã gắn bó với những vui buồn, những kỉ niệm yêu thương của thuở ấu thơ và những năm tháng tuổi trẻ.  [**Câu 3:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Đoạn thơ đã khơi gợi nên trong ta tình yêu với quê hương, đất nước – tình yêu đó được biểu hiện qua sự gắn bó sâu sắc với những điều bình dị, mộc mạc của quê hương.  [**Câu 4:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-37-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Trong đoạn thơ *Ta yêu quá như lần đầu mới biết / Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết / Như tre, dừa, như làng xóm quê hương / Như những con người - biết mấy yêu thương*, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ. Với việc sử dụng những biện pháp tu từ đó, tác giả đã làm nổi bật, tô đậm tình yêu của mình đối với cơn mưa quê hương, với những sự vật và con người hết sức gần gũi của quê hương.  [**Câu 5**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-38-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp): Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng rất nhiều từ ngữ chỉ mức độ cao của đặc điểm, trạng thái nhằm nhấn mạnh tình cảm sâu nặng, da diết với quê hương. Đó là những từ ngữ: mấy năm trời, xa lắc, thấm nặng lòng ta, yêu quá, biết mấy yêu thương,... |  |  | | --- | | **PHIẾU 6:**  **Quê hương:**  – Hình ảnh so sánh “Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường gian => Tác dụng: tái hiện vẻ đẹp của con thuyền lúc ra khơi như một sinh thể sống động, tràn đầy sức mạnh, đồng thời gợi lên vẻ đẹp của con người lao động – hiên ngang, hào hùng  – Hình ảnh so sánh kết hợp nhân hóa “Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/ Rướn thân trắng bao la thâu góp gió” => Tác dụng:  + Giúp hình dung rõ hơn cái chất riêng của làng chài và những con người nơi đây.  + Gợi được vẻ đẹp của người dân làng chài với tình yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn, tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương.  **Mùa xuân nho nhỏ:**  - Biện pháp tu từ ***ẩn dụ***: *mùa xuân nho nhỏ*, *một cành hoa*, *một nốt trầm*, ...  🡪 Tác dụng: Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Đât nước* ***như*** *vì sao/ Cứ đi lên phía trước.*  🡪 Tác dụng: *Vì sao* gợi lên nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ. Việc so sánh *đất nước* với *vì sao* gợi lên hình ảnh rạng ngời của lá cờ Tổ quốc và niềm tự hào của tác giả về đất nước, về tương lai tươi sáng của dân tộc.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Dù là*** *tuổi hai mươi/****Dù là*** *khi tóc bạc.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh sự quyết tâm, khát khao được cống hiến của tác giả.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Nước non ngàn dặm*** *mình/****Nước non ngàn dặm*** *tình.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh, làm nổi bật niềm tin yêu, tự hào của tác giả với đất nước, với quê hương. | | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  **Viết đoạn văn ngắn có sử dụng biện pháp tu từ đã học?**  **Đoạn văn mẫu:**  Càng xa bến cảng, cảnh dòng sông càng thanh bình và êm đềm. Mặt sông uốn lượn như một tấm vải lụa trải dài đến xa tít chân trời, vắng bóng tầu thuyền nên sông cũng ít sóng đi, chỉ nghe soàn soạt vài tiếng sóng vỗ bờ. Những cùm lục bình đâu rồi nhỉ? Có lẽ chúng thấy mình quá nhỏ bé trước cảnh sông nước bao la nên đã trốn đi. Mặt trời đã chiếu những tia nắng gay gắt, mặt sông lấp lánh như được dát muôn vàn ánh pha lê. Ô kìa, những chiếc thuyền đánh cá chở hàng buôn bán lặng lẽ đậu giữa dòng sông như đang ngẫm nghĩ điều gì đó. Bến cảng đã thưa dần, thấp thoáng đây đó những ngôi nhà cao tầng trong làn sương mờ ảo ảo. Bên kia, nhà cũng ít lại, những vườn trái cây xanh um chạy dài ven bờ sông. Đứng trước sông nước mênh mông, em thấy lòng mình nhẹ nhàng lâng lâng. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 12 (Tiết 34+35+36)**

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI VÀ SỰ VIỆC**

**TRÌNH BÀY ĐƯỢC Ý KIẾN CỦA MÌNH VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN VÌ CỘNG ĐỒNG**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc; trình bày được *cảm* xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc.

- Ôn tập kiến thức bài văn trình bày được ý kiến của mình về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đổng sao cho hấp dẫn, lan toả được tới người nghe, đổng thời biết tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe với tinh thần cầu thị.

**2. Năng lực:** Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về  1.Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc  ?Thế nào là bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc?  ? **Yêu cầu đối với kiểu bài?**  **?Dàn ý của bài văn?**  **2.Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng cần trình bày những gì?** | 1. **Hệ thống kiến thức**  **I. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc** **1. Bài văn biểu cảm**về con người, sự việc là kiểu văn bản có mục đích trình bày cảm xúc của người viết về một đối tượng (có thể là con người, sự việc ...)  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  **-**Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.  - Bố cục bài viết gồm ba phần:  **a.Mở bài:**giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.  **b.Thân bài:**Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc.  **c.Kết bài:**khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.  II. **Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng**  + Giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về bản chất và vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.  + Chỉ ra được những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu: đóng góp tiền của, tham gia hoạt động cứu trợ, … Đối tượng được giúp đỡ có thể là người gặp nạn vì thiên tai hay dịch bệnh, người già không nơi nương tựa, người khuyết tật, trẻ mồ côi, …  + Nhấn mạnh một số ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện: giúp cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn có cuộc sống tốt đẹp hơn; lan toả nghĩa cử cao đẹp tới cộng đồng, góp phần làm cho xã hội ngày càng trở nên nhân văn thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta; …  - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt, những câu quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua, như:  + Câu giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.  + Những từ ngữ thể hiện suy nghĩ của em trước những hành động, việc làm cụ thể của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng, …  + Những câu nhấn mạnh ý nghĩa nhân văn của các hoạt động thiện nguyện.  - Chuẩn bị tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài hát, … liên quan đến các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng (nếu có). |
| **GV yêu cầu HS lập dàn ý bài tập 1**  **Đề bài 1:** Viết đoạn văn (khoảng 7 - 10 câu) trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về một sự việc diễn ra trong cộng đồng khiến em không hài lòng.  ?Nêu yêu cầu bài tập 1?  ?Em dự định viết đoạn (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn) ntn?  **Đề bài 2:** Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.  ?Trước khi viết em cần thực hiện yêu cầu gì?  ?Có mấy bước thực hiện. Đó là những bước nào?  ?Để có ý tưởng cho bài viết, em cần làm gì?  **?Lập dàn ý cho đề bài trên?** **Đề bài 3: Suy nghĩ về hoạt động từ thiện trong cuộc sống** ?Đọc yêu cầu bài tập 2.  ?Lập dàn ý cho đề bài 2. | 1. **LUYỆN TẬP**   Bài tập 1:  - Yêu cầu: Bài tập yêu cầu em viết một đoạn văn khoảng 7 - 10 câu.  + Về hình thức, lưu ý trình bày theo đúng quy cách: mở đầu bằng chữ viết hoa, lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm câu.  + Về nội dung: nêu được cảm xúc, suy nghĩ của em về một sự việc xảy ra trong cộng đồng khiến em không hài lòng để qua đó khơi gợi sự đồng cảm của người đọc.  **\* Dàn ý:**  - Mở đoạn: Giới thiệu đối tượng biểu cảm: sự việc diễn ra trong cộng đồng khiến em không hài lòng (Sự việc đó là gì? Xảy ra ở đâu? Vào thời gian nào?...).  - Thân đoạn: Trình bày cụ thể cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc đó (buồn, xót xa, đau lòng, bức xúc,...): sự việc đó là mặt trái của xã hội, không phù hợp với thuần phong mĩ tục của dân tộc, làm băng hoại đạo đức xã hội, cản trở sự phát triển của đất nước,...  - Kết đoạn: Khái quát lại cảm nghĩ chung về những ảnh hưởng tiêu cực mà sự việc đó gây ra, đồng thời liên hệ để rút ra bài học cho bản thân (tự rèn luyện bản thân, xây dựng cho mình một lối sống lành mạnh, có ý thức sống và cống hiến cho đất nước, cho xã hội,...).  Lưu ý: Khi viết đoạn văn biểu cảm về sự việc, ngôn ngữ bài viết phải sinh động, giàu cảm xúc; tập vận dụng các biện pháp tu từ giàu sắc thái biểu cảm như so sánh, điệp ngữ,... để tăng sự hấp dẫn cho đoạn văn.  **Đoạn văn mẫu tham khảo:**  Cuộc sống luôn có muôn hình vạn trạng. Chính con người làm nên những màu sắc khác nhau cho cuộc sống thêm tươi đẹp. Tuy nhiên, ngày nay, hiện tượng vô cảm đang ngày càng xuất hiện nhiều và đẩy khoảng cách của con người với con người ra xa. Vô cảm là thái độ thờ ơ, lãnh đạm, không quan tâm đến ai, không quan tâm đến nỗi đau khổ, bất hạnh của người khác mà chỉ biết đến bản thân mình. Đây là một “căn bệnh”, tính cách xấu mà chúng ta cần phải thay đổi, tẩy chay để cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn. Xã hội ngày càng phát triển, con người bận rộn với cuộc sống, với những dự định riêng của mình nên đôi lúc vô hình chung tạo nên khoảng cách giữa người với người, chúng ta và mọi người ít có thời gian quan tâm đến người khác hơn Vô cảm là một hiện tượng xấu đang ngày càng xuất hiện nhiều ở trong cộng đồng. Chúng ta hãy cùng nhau chung tay xây dựng một cuộc sống tràn ngập yêu thương và đẩy lùi căn bệnh vô cảm.  **Bài tập 2**  **Bước 1: Xác định đề tài**  Trước tiên, em hãy trả lời câu hỏi: “yêu cầu của đề bài là gì?”  Với đề bài nêu trên, em có thể chọn một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc, chẳng hạn như:  - Ngày khai giảng  - Lễ đón giao thừa quê em  - Mỗi lầm lỗi của bản thân  - Một kỉ niệm đáng nhớ với người thân yêu  - Lần bản thân đạt được một thành tích đáng nhớ  …  Thu thập tư liệu  Tư liệu liên quan đến sự việc có thể được thu thập từ những nguồn như: quan sát thực tế của em về sự việc, nghe người khác kể về sự việc. Em có thể đọc thêm tư liệu về sự việc trong các sách, báo, trang mạng uy tín. Khi đọc tư liệu, ghi lại thông tin gợi cho em cảm xúc, ấn tượng sâu sắc về sự việc.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Để có ý tưởng cho bài viết, em cần:  - Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về sự việc em muốn viết và phác thảo một vài chi tiết lí giải vì sao mình có tình cảm, cảm xúc đó. Khi viết, em hãy hình dung lại sự việc.  - Xác định một số yếu tố miêu tả, tự sự để làm rõ các tình cảm, cảm xúc bằng cách đặt câu hỏi: Những kỉ niệm nào khiến em ấn tượng sâu sắc? Khung cảnh diễn ra sự việc có gì đặc biệt? Chú ý các yếu tố gợi ra những cảm nhận về các giác quan.  **Lập dàn ý**  Từ những ý đã tìm, dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.  **- Mở bài:**giới thiệu sự việc và biểu lộ cảm xúc sâu sắc của người viết về sự việc.  **- Thân bài:**+ lần lượt thể hiện những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thực của người viết thông qua việc miêu tả, kể lại các ấn tượng  + biểu lộ cảm xúc, lí giải vì sao có cảm xúc đó  **- Kết bài:**khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.  **Bước 3: Viết bài**  - Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Đối với thân bài, em cần đảm bảo kết hợp các yếu tố miêu tả và tự sự để việc bộc lộ cảm xúc được tự nhiên, giúp người đọc hiểu vì sao em có cảm xúc đó.  - Để cảm xúc được bộc lộ một cách chân thật, sâu sắc em có thể sử dụng các từ ngữ miêu tả các trạng thái cảm xúc như hạnh phúc, bâng khuâng, gắn bó, biết ơn,…; các từ ngữ cảm xúc trực tiếp như ôi chao, trời ơi, xiếc bao,…; sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, liên tưởng để giúp cho bài văn thêm gợi cảm, dễ dàng truyền tải được cảm xúc.  - Để đảm bảo các yếu tố miêu tả, tự sự gắn với mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc không bị lạc sang văn miêu tả hay kể chuyện, khi viết, em hãy tự trả lời các câu hỏi: Yếu tố miêu tả, tự sự này nhằm thể hiện cảm xúc nào? Cảm xúc muốn bày tỏ đã được thể hiện trọn vẹn qua các yếu tố miêu tả, tự sự hay chưa?  **Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**  **Bài tập 3**  **1. Mở bài:**  Giới thiệu, dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận.  Ví dụ mở bài: Dân tộc ta, một dân tộc với bề dày lịch sử. Trải qua biết bao gian khổ để giành lại được độc lập tự do. Những truyền thống văn hóa, đạo đức vẫn luôn được bảo tồn và phát huy một cách tốt đẹp cho tới ngày nay. Sự đùm bọc, yêu thương đồng bào cũng thế. Bằng việc giúp đỡ, chia sẻ một phần của mình với những người có hoàn cảnh khó khăn. Những việc từ thiện vẫn luôn được diễn ra trong cuộc sống.  **2. Thân bài:**  + Hiện nay có nhiều người làm từ thiện đem lại cuộc sống tốt hơn cho những người nghèo khổ.  + Từ thiện là một hành động đẹp cần ca ngợi và lan tỏa đến mọi nơi, mọi người.  + Tuy nhiên, bên cạnh đó có những người lợi dụng hoạt động từ thiện nhằm đánh bóng tên tuổi của bản thân.  + Bài học: Cần phải chung tay giúp đỡ người nghèo. Kêu gọi những lòng hảo tâm từ mọi nơi,...  + Triết lý tình thương luôn mang lại cho đời sống con người những gì tốt đẹp nhất.  **3. Kết bài:**  Khẳng định, nhấn mạnh lại vấn đề nghị luận.  Ví dụ kết bài: Cho đi có nghĩa là sẽ được nhận lại nhiều hơn. Mỗi người trong chúng ta cần có tấm lòng thương người giúp đỡ người chung dân tộc. Bạn có thể quyên góp những vật phẩm tuy nhỏ không cần phải là số tiền lớn chỉ cần xuất phát từ tấm lòng là đủ. Có cho đi chắc chắn sẽ nhận lại hãy cho đi giúp đỡ để đời có thêm nhiều ý nghĩa. |
| **GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý trên**  **Bài viết mẫu đề 2:**  Những ngày tết, khắp mọi nơi trên đất nước Việt Nam xinh tươi như được khoác lên mình một chiếc áo mới. Tết đến đem theo những hy vọng về một năm mới may mắn, tốt đẹp hơn.  Mùa xuân đến, Tết đã gõ của mọi nhà, niềm vui nhân đôi, hạnh phúc bội phần. Trẻ em háo hức mong chờ Tết đến. Người lớn lại bận rộn chuẩn bị cho Tết. Thời tiết ngày xuân trở nên ấm áp hơn, những cành đào đang chớm nở. Những lá cờ Tổ quốc được treo cao trên mái ngói đỏ tươi, bay phấp phới giữa bầu trời tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi. Ngoài đường người đi mua sắm tấp nập. Tiếng cười nói, bán mua cho một cái tết đủ đầy vang lên đầy ắp những đường ngõ. Mấy đứa trẻ con nô đùa quanh những hàng bán pháo bông. Em cảm thấy không khí ngày tết thật tuyệt vời biết bao.  Chiều ba mươi Tết, cả nhà quây quần bên bữa cơm tất niên. Vào khoảnh khắc giao thừa, mọi người đều hân hoan trong niềm vui, hạnh phúc cho một khởi đầu “An khang thịnh phượng” hay “Vạn sự như ý”. Những ngày tết thật hạnh phúc khi cả gia đình được quây quần bên nha. Sáng mùng một, em theo bố mẹ sang chúc Tết ông bà nội ngoại. Em được ông bà mừng tuổi cho những phong bao lì xì đỏ thắm với lời chúc học giỏi. Ngày Tết là dịp để mọi người trong gia đình được gần gũi nhau hơn.  Không khí ấm áp của ngày tết cổ truyền khiến em cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Em tin chắc rằng sau này dù đất nước có phát triển đến đâu thì người dân Việt Nam vẫn sẽ giữ gìn được những nét đẹp của dịp Tết cổ truyền dân tộc. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 5. MẦU SẮC TRĂM MIỀN**

**Buổi 13 (Tiết 34+35+36) ÔN TẬP VĂN BẢN**

**THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút.

- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp yêu mến vẻ đẹp của quê hương đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ?Theo em văn bản: Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt và chuyện cơm hến có điểm chung gì về thể loại?  ?Ở lớp 6 em đã tìm hiểu văn bản nào cũng viết theo thể loại này?  - Cô Tô (Nguyễn Tuân)  GV cho HS thảo luận nhóm  *+ Nhóm 1: Trình bày hiểu biết về thể kí và tùy bút?*  *+ Nhóm 2: Trình bày hiểu biết của em về tản văn?* | 1. **Hệ thống kiến thức**   **I. Thể loại tùy bút, tản văn**  **1. Tùy bút:** là một thể thuộc loại hình kí, gần với bút kí, kí sự mà đôi khi trong tiếng Việt vẫn thường gọi là tạp văn. Thể loại này ghi chép những gì mà người khác quan sát và suy ngẫm về cuộc sống và con người xung quanh.  \* Kí: là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật; Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;  **\*Đặc điểm của thể loại tùy bút**  ***- Đề tài*:** phong phú, đó có thể là tất cả các phương diện trong đời sống xã hội, từ văn hóa, lịch sử đến cái vấn đề nóng, vấn đề mang tính thế sự, đời tư… Các đề tài luôn được tác giả hướng tới đưa chất liệu vào trong tùy bút thể hiện cái tôi suy ngẫm, suy tư của nhân vật trữ tình.  ***-Kết cấu:*** tùy bút lại chú trọng làm nổi bật hình ảnh con người trong một khoảnh khắc, đôi khi chỉ là một lát cắt trong chuỗi hành trình cuộc sống của con người. Bên cạnh đó, đan xen những suy tư, bình phẩm hay ca ngợi con người, làm nổi bật con người (chủ nghĩa anh hùng lớn lao).   * ***Lời văn, giọng điệu:*** mang lối văn uyển chuyển, linh động, đầy phát minh sáng tạo của tác giả. Lời văn có sự tích hợp thuần thục giữa chất thơ và trần thuật, tạo cảm xúc mềm mại trong cách kể chuyện.   **\*Nghệ thuật trong tùy bút:** mang phong cách nghệ thuật hết sức tự do, phóng khoáng và giàu chất trữ tình. Chính vì vậy, tùy bút thể hiện rõ cái tôi của người nghệ sĩ hết sức sinh động và rõ nét, là lối chơi độc tấu của cái tôi trữ tình.  **2. Tản văn**  - Là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá vé đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình. Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự. trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu...  - Ngôn từ:gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự |
| **ÔN TẬP ĐỌC HIỂU** | |
| **Gv giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:**  Phiếu 1: **Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt**  1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  2. Nội dung và nghệ thuật.  Phiếu 2: **Chuyện cơm hến**  1. Tóm tắt ý chính về tác giả, tác phẩm.  2. Nội dung và nghệ thuật. | **II.Văn bản: Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt**  **1. Tác giả:**  - Vũ Bằng (1913-1984), sinh ra tại Hà Nội  - Ông là nhà văn và nhà báo đã sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí  - Sau năm 1954, ông vào Sài Gòn vừa viết văn, vừa làm báo vừa hoạt động cách mạng  - Năm 2007, Vũ Bằng được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:**tùy bút.  **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  - Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống ở vùng kiểm soát của Mĩ – Ngụy, xa cách quê hương đất Bắc. Nhà văn đã gửi gắm vào trong trang sách nỗi niềm thương nhớ da diết quê hương, gia đình và lòng mong mỏi đất nước hòa bình, thống nhất  - Bài văn được trích từ thiên tùy bút “Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt” trong tập tùy bút “Thương nhớ mười hai”  **- Phương thức biểu đạt:**miêu tả, kết hợp biểu cảm  **3. Nội dung:**  Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tùy bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả  **4. Nghệ thuật:**  - Trình bày nội dung văn bản theo dòng cảm xúc lôi cuốn, say mê  - Lựa chọn từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh  - Có nhiều so sánh, liên tưởng độc đáo, giàu chất thơ  **III. Văn bản: Chuyện cơm hến**  1. Tác giả:  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế.  - Những sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội.  **2. Tác phẩm**  **-Thể loại:**tùy bút  **- Xuất xứ:** trích trong *“Huế - Di tích và con người”*của Hoàng Phủ Ngọc Tường, xuất bản năm 2001.  **- Phương thức biểu đạt:**tự sự  3. **Giá trị nội dung:**  Bài văn giới thiệu về món cơm Hến đặc sản của Huế cùng tình cảm mà tác giả dành cho món ăn quê hương mình.  **4. Giá trị nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ đậm chất vùng miền  - Thuyết minh chi tiết, không chỉ để giới thiệu về một món ăn mà như đang bày tỏ lòng mình, kể cho người đọc nghe về món cơm hến đậm đà bản sắc dân tộc. |
| 1. **LUYỆN TẬP: BÀI TẬP ĐỌC HIỂU** | |
| **PHIẾU SỐ 1: Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**  *(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*  *(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*  (Ngữ văn 7, tập một)  a) Phần trích trên thuộc văn bản nào đã học? Tác giả là ai?  b) Phần trích được viết theo phương thức biểu đạt chính nào? Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?  c) Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích (chỉ rõ các từ, ngữ)? Cách sử dụng biện pháp tu từ đó có tác dụng gì?  d) Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản chứa đoạn văn trên.  e. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội trong đoạn văn?  g. Trong câu văn: "Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong [...]" trong đoạn văn, từ "phong" có nghĩa là gì?  **PHIẾU SÔ 2: Đọc hai đoạn văn dưới đây trong văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* và trả lời các câu hỏi:**  Đoạn 1: *Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.*  Đoạn 2: *Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở trước bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm “hoá vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật*.  [Câu 1: Hai đoạn văn miêu tả không gian nào?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Bước đi của thời gian biểu hiện như thế nào qua cách miêu tả không gian?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Nét đẹp của đời sống gia đình được tác giả cảm nhận ra sao?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 4: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* là bài đầu tiên trong tập tuỳ bút *Thương nhớ Mười Hai* của Vũ Bằng. Từ hai đoạn văn trên, em hiểu gì về nỗi niềm của tác giả gắn với tháng Giêng? Dựa vào phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm (SGK, tr. 109), hãy giải thích nhan đề của tập tuỳ bút.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 5 : Hai đoạn văn gợi cho em những liên tưởng gì về gia đình mình?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 6: Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh trong hai đoạn văn trên và nêu tác dụng.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **PHIẾU SỐ 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi ...”.*  (Trích: “***Một thứ quà của lúa non: Cốm”*** - Thạch Lam)  a. Xác định thể loại của văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”?*  b. Nêu nội dung của đoạn văn trên?  c. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.”?* Nêucảm nhận của em bằng đoạn văn ngắn?  **PHIẾU SỐ 4: Đọc văn bản *Chuyện cơm hến* (từ *Xin tiếp tục chuyện cơm hến* đến *bán cho những người làm cơm hến*) trong SGK (tr. 113) và trả lời các câu hỏi:**  [Câu 1: Nội dung của đoạn văn là gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-43-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 2: Việc người dân gọi tên cái cồn nổi là *Cồn Hến* cho thấy cách cấu tạo địa danh của cư dân bản địa. Em biết những địa danh nào cũng được cấu tạo theo cách như vậy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-43-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)  [Câu 3: Trong các lễ hội, người ta thường tổ chức cúng tế và các trò chơi. Lễ cúng hến được miêu tả trong văn bản có gì khác biệt?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-44-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Theo em, thông tin về lễ cúng hến có vai trò như thế nào trong văn bản *Chuyện cơm hến?*](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-44-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  **PHIẾU SỐ 5:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đằng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nây1. Mưa Nam hay mưa Chướng2, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp3. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà tất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch4 nầy làm sao đâu, vì khi nước ròng5 rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất nầy làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoảng khoát6, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.  Người ấp7 Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng8, khỏi9 chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài nầy thì thích không chịu được.  Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng toả ra từ mẻ un?, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi10 kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai11, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.  [...] Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  (Nguyễn Ngọc Tư, *Ngủ ở Mũi*, in trong Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư,  NXB Trẻ và Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 159 - 161)  [Câu 1: Những nét sinh hoạt nào của cư dân vùng đất Mũi Cà Mau được nói tới trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Những ngôi nhà vùng đất Mũi có gì đặc biệt? Tại sao tác giả lại nói bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Ở trong một căn nhà đơn sơ, vì sao con người lại có cảm giác về sự thái bình, no ấm?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Theo em, vì sao người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà? Sở thích này thể hiện điều gì ở con người đất Mũi?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 5: Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối của cư dân đất Mũi gợi cho em những suy nghĩ gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 6: Nêu những cụm từ thể hiện tính chất khẩu ngữ của đoạn trích.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 7: Chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng.  b. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  **GỢI Ý BÀI TẬP:**  **PHIẾU 1:**  a.- Phần trích thuộc văn bản “Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt”  - Tác giả Vũ Bằng  b.- Phần trích được viết theo phương thức biểu cảm  - Câu thể hiện rõ nhất tình cảm của tác giả: Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.  c.- Biện pháp tu từ được sử dụng nổi bật: điệp ngữ; các từ, ngữ: mùa xuân, có, mùa xuân của Hà Nội, Bắc Việt  - Tác dụng: điệp ngữ vừa để nhấn mạnh ý, vừa tạo cho câu văn, đoạn văn giàu âm  điệu, giọng văn trở nên tha thiết, gợi cảm, thể hiện rõ tình cảm yêu mến mùa xuân  Hà Nội của tác giả.  d. *- Nghệ thuật:*  + Mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê.  + Từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh.  + Hình ảnh so sánh, liên tưởng phong phú, giàu chất thơ.  *- Nội dung:*  + Vẻ đẹp của mùa xuân miền Bắc và Hà Nội.  + Nỗi nhớ thương da diết của tác giả với cảnh sắc quê hương.  + Sự gắn bó máu thịt với quê hương, xứ sở - tình yêu đất nước.  e. "Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến".  g. từ “phong” còn có nghĩa: Bọc kín.  **Phiếu 2:** [Câu 1.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Hai đoạn văn đều miêu tả không gian gia đình trong ngày xuân.  [Câu 2.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Em hãy quan sát: đoạn thứ nhất là không gian của buổi đầu năm, vẫn còn đượm không khí của ngày Tết cổ truyền với nhang trầm, đèn nến, bàn thờ; đoạn thứ hai là không gian sinh hoạt đời thường khi không khí Tết đã nhạt dần và nhường chỗ cho sự êm đềm thường nhật. Chỉ cần miêu tả sự chuyển đổi của không gian gia đình (đặc biệt là bàn thờ), nhà văn đã cho thấy bước đi của thời gian từ thời điểm Tết đến cho đến sau Tết.  [Câu 3.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) Tháng Giêng là dịp cả nhà đoàn tụ, thuận hoà. Đoạn văn thứ nhất miêu tả nét đẹp ngày Tết cổ truyền của gia đình Việt. Nhang khói, bàn thờ thể hiện lòng hiếu nghĩa, sự hướng thiện, tu thân của con người, cũng là sự nhắc nhở, gợi nhớ về ông bà, tổ tiên, dòng họ. Trong không khí đó của gia đình, tác giả cảm nhận sự ấm áp của tình thân và lòng vui phơi phới như *hoa mới nở, bướm ra ràng* mở hội liên hoan. Đoạn văn thứ hai miêu tả vẻ đẹp đời thường với những món ăn giản dị nhưng cũng không kém phần cầu kì trong chế biến. Người Hà Nội có cách ăn uống vừa tinh tế vừa phong lưu. Cảnh sinh hoạt thường ngày đó khiến cho tác giả có cảm giác êm đềm, thư thái, dễ chịu (*mát như quạt vào lòng*).  [Câu 4.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) Trong bài tuỳ bút đầu tiên này của tập *Thương nhớ Mười Hai*, tác giả đã hồi nhớ không gian mùa xuân, nếp sinh hoạt gia đình. Gắn với tháng Giêng là nỗi niềm của tác giả về cảnh sắc đầu xuân đẹp đẽ, tươi mới, hứa hẹn sự sinh sôi của vạn vật và những nét sinh hoạt gia đình đầm ấm buổi đầu năm. Đây là nỗi nhớ gắn với tháng thứ nhất trong hồi tưởng của người con xa quê. Từng tháng trong năm sẽ lần lượt được nói đến, gắn với đó là cảnh sắc miền Bắc qua các tháng và các phong tục cộng đồng hoặc gia phong. Vì thế, tập tuỳ bút có tên là *Thương nhớ Mười Hai*.  [Câu 5.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp) Sau khi đọc hai đoạn văn trên, em hãy hồi tưởng không gian gia đình mình vào thời điểm tháng Giêng, Tết và sau Tết. Hãy miêu tả không gian đó, lắng nghe lòng mình khi sống lại không khí Tết cũng như khi những ngày Tết đã qua.  [Câu 6.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-42-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp) Hai đoạn văn dùng biện pháp tu từ so sánh có sử dụng từ so sánh *như*. Tác dụng của biện pháp tu từ này là giúp người viết diễn tả những cảm giác vô hình bằng những hình ảnh cụ thể, dễ hình dung, dễ cảm nhận. Mặt khác, dùng biện pháp tu từ so sánh, câu văn giàu hình ảnh hơn, gợi cảm hơn.  **PHIẾU 3: a.**+ Xác định đúng thể loại của văn bản *“Một thứ quà của lúa non: Cốm*”: Tùy bút.  **b.** + Nội dung của đoạn văn: Bày tỏ cảm nghĩ của tác giả về những giá trị chứa trong hạt cốm bình dị, khiêm nhường.  **c.** Viết đoạn văn hoàn chỉnh (có câu mở đoạn, các câu phát triến và câu kết đoạn); không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu; lời văn trong sáng.  Học sinh có nhiều cách viết nhưng phải lí giải được:  + Cốm là thức quà thần tiên, kết tinh bởi hương trời, sữa lúa và bàn tay khéo léo của con người.  + Mang trong mình hương vị của đồng quê nội cỏ, cốm không chỉ là thức  quà mà cốm còn thích hợp với việc lễ nghi, góp phần tạo nên hạnh phúc lâu bền của lứa đôi.  + Tác giả đã phát hiện và cảm nhận sâu sắc về cốm với tất cả tấm lòng trân trọng cốm. Trân trọng cốm cũng là trân trọng văn hóa truyền thống của dân tộc.  **PHIẾU SỐ 4**:  **Câu 1:**Đoạn văn cung cấp thông tin về vị trí địa lí của Cồn Hến, nơi có hến sông ngon nổi tiếng, và thông tin về lễ cúng hến của cư dân. Tản văn có đặc điểm là có thể sử dụng những thông tin xác thực mang tính chất nghiên cứu. Những thông tin trong đoạn văn cho người đọc hiểu rõ về địa danh và phong tục văn hoá liên quan đến nguyên liệu làm cơm hến. Em có thể đối chiếu với ảnh tư liệu về Cồn Hến được in trong SGK (tr. 112).  [**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-43-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi-1.jsp)Cái tên *Cồn Hến* liên quan đến hiện tượng nơi đây có nhiều hến được khai thác. Cách đặt tên dân dã này có thể thấy ở nhiều địa phương (ví dụ: Gò Quao ở Kiên Giang là nơi có nhiều cây quao; Ô Môn ở Cần Thơ là nơi có nhiều cây môn nước,...). Em hãy kể những địa danh ở quê em hoặc những nơi em biết được cấu tạo theo cách này. Em sẽ nhận ra những điều thú vị từ những cách cấu tạo địa danh như thế.  **Câu 3:**Trong văn bản *Chuyện cơm hến*, tác giả miêu tả lễ cúng hến với không khí nhộn nhịp. Tuy nhiên, trong lễ hội, vẫn thấy có hoạt động lao động, đó là luộc hến, đãi hến và bán hến. Đây là hoạt động tái hiện quy trình làm ra sản phẩm của cư dân cào hến. Điều này khác với những lễ hội mà hoạt động chính là tế lễ và tổ chức các trò chơi (cũng có khi có hoạt động lao động nhưng thường chỉ là mô phỏng, không phải làm thật).  [**Câu 4:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-44-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Nói về món cơm hến của Huế, người viết đã cung cấp thông tin về lễ cúng hến. Điều này cho thấy khai thác hến đã trở thành một nghề truyền thống, tạo nên một nét bản sắc của văn hoá Huế. Như vậy, món cơm hến có liên quan đến phong tục cổ truyền ở Huế, màu sắc văn hoá của các món ăn này được tô đậm. Mặt khác, việc đưa các thông tin văn hoá vào văn bản đã gắn kết một món ăn với hồn cốt, nếp sống lâu đời của cả cộng đồng.  **PHIẾU 5:**  [**Câu 1:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Đoạn trích nói về lối sinh hoạt của người dân đất Mũi như cách dựng nhà cửa, cách bài trí nhà cửa, thói quen ăn uống, sở thích ngủ đằng trước nhà,...  [**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Em thử so sánh ngôi nhà của mình với ngôi nhà của người dân đất Mũi để thấy những nét khác biệt của nhà nơi đất Mũi: không bao giờ khép cửa, không có vách che đằng trước, chỉ treo cái rèm sơ sài chắn mưa, đặc biệt nhiều gió. Ngôi nhà thể hiện con người đất Mũi: sống hào sảng, rộng rãi, cởi mở, thật thà, hoà cùng thiên nhiên,... Có lẽ chính từ những điều này mà tác giả nhận thấy *bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy.*  [**Câu 3:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Ở trong một căn nhà đơn sơ, không có đồ đạc gì đáng giá nhưng con người vẫn thấy *thái bình, no ấm* là vì cuộc sống nơi đây thuận hoà, không có gì phải lo sợ, đề phòng. Con người hoà mình với biển trời, như thể của cải của con người chính là biển trời.  [**Câu 4:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Thông thường, chỗ ngủ là nơi kín đáo, là phòng riêng hoặc góc khuất được che chắn, tránh gió. Tuy nhiên, trong đoạn trích này, người xứ biển lại thích ngủ đằng trước nhà, trên sàn gỗ đước, bốn bề là gió, là biển. Những âm thanh của biển ru người ta vào giấc ngủ. Điều này thể hiện thể chất khoẻ mạnh, quen với sóng gió của người dân vùng biển. Điều kiện sinh tồn tôi luyện họ, cho họ sự thích ứng và sức mạnh, tạo cho họ những sở thích đặc biệt. Mặt khác, sở thích đó cũng thể hiện sự khoáng đạt, mạnh mẽ, cởi mở trong tính cách người đất Mũi.  [**Câu 5:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Chiều tối là thời điểm mọi người quây quần bên mâm cơm hoặc tụ họp vui vẻ. Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối được miêu tả trong đoạn trích gợi cho người đọc cảm giác về sự ấm cúng, no đủ. Cảnh này chủ yếu được miêu tả qua mùi vị - những mùi vị rất đặc trưng của đất Mũi: mùi giàn lưới phơi, mùi khói hun muỗi, mùi cá thòi lòi kho, mùi mực khô nướng,... Sử dụng tối ưu khả năng cảm nhận của khứu giác, tác giả làm toát lên vẻ dân dã, thân thương, gần gũi, ấm áp của cảnh sống thường nhật ở miền đất Mũi.  [**Câu 6:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)Ngôn ngữ trong tản văn thường có tính khẩu ngữ do người viết có tâm thế chuyện trò. Trong đoạn trích này, người viết sử dụng một số cách nói theo thói quen của người Nam Bộ (ví dụ: *khỏi chiếu, lai rai, thích không chịu được, thấy nhà nó hợp với con rạch nầy làm sao đâu*,...).  **Câu 7:**Biện pháp tu từ được dùng trong các câu: câu a: biện pháp tu từ nhân hoá, điệp ngữ; câu b: biện pháp tu từ nhân hoá. Với từng câu, em hãy chỉ ra tác dụng của mỗi biện pháp tu từ. | |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**  **Đề bài:**Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em sống.  **Dàn ý:**  - Mở đoạn: Giới thiệu về quê hương và truyền thống văn hóa của quê hương em  - Thân đoạn:  + Những nét đặc biệt trong văn hóa đó giúp quê hương em trở nên đặc biệt so với các địa phương khác  + Nét sinh hoạt đó làm nên vẻ đẹp truyền thống gì ở địa phương em  + Thu hút khách du lịch, đem lại nguồn kinh tế cho quê hương  + Cần được duy trì, giữ gìn  + Niềm tự hào, làm nên nét đẹp văn hóa quê hương  - Kết đoạn: Cảm nghĩ của em về nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em sống. | |
| **Đoạn văn mẫu**: Em sinh ra ở một vùng quê thanh bình. Nơi đây có không khí trong lành. Những cánh đồng thẳng cánh có bay. Con đê đầu làng luôn xanh mướt cỏ non. Cứ chiều về, chúng em lại rủ nhau ra đê chơi thả diều, bắn bi. Ngày hôm nay, quê hương ngày càng phát triển hơn. Những con đường đất đã được đổ bê tông phẳng lì. Nhiều ngôi nhà cao tầng mọc lên san sát. Nhưng những cánh đồng vẫn còn đó. Em yêu quê hương của mình biết bao nhiêu. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 14 (Tiết 40+41+42) ÔN TẬP VĂN BẢN: HỘI LỒNG TỒNG**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Dấu câu, biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp tu từ. Từ ngữ địa phương)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức về nội dung và nghệ thuật văn bản: Hội lồng tồng

- Ôn tập: Dấu câu, biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp tu từ. Từ ngữ địa phương

**2.Năng lực:**

- Năng lực nhận biết về cách dùng dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp tu từ đó trong VB *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt.*

**3.Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV yêu cầu HS hệ thống kiến thức đã học:**  ? Nhăc lại kiến thức cơ bản về (thể loại, xuất xứ, PTBĐ, nội dung và nghệ thuật của văn bản?  GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học về (dấu gạch ngang, các biện pháp tu từ) | **A. Hệ thống kiến thức**  **I. ÔN TẬP VĂN BẢN: HỘI LỒNG TỒNG**  **1. Thể loại:** văn thuyết minh  **2. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm, mùa sinh sôi nảy nở của vạn vật, cỏ cây. Giữa tiết trời ấm áp ấy, người dân rủ nhau đi hội, hành hương về cội nguồn, vui chơi và cầu mong cho mùa màng tốt tươi, cuộc sống hạnh phúc. Mùa xuân, với những phong tục lâu đời gắn liền trong nhân dân ta rất bền chặt. Mùa xuân chính là mùa hội tụ nhiều phong tục và lễ hội nhất.  Quyển sách “**Mùa xuân và phong tục Việt Nam**” do Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo và Dương Tất Từ biên soạn sẽ đưa người đọc khám phá những khía cạnh khác nhau của phong tục và lễ hội vào mùa xuân ở nước ta. Sách do Nhà xuất bản Văn hóa thông tin Phát hành năm 2006.  **3. Phương thức biểu đạt:** thuyết minh.  **4. Giá trị nội dung:**  Bài văn thuyết minh về hội lồng tồng ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.  **5. Giá trị nghệ thuật:**  - Miêu tả chi tiết hội lồng tồng  - Kiến thức xã hội sâu sắc thể hiện qua ngôn ngữ thuyết minh của tác giả  **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  1.Công dụng của dấu gạnh ngang  -Dấu gạnh ngang được dùng trong các đầu mục liệt kê,cụm liên danh,đánh dấu phần chú thích,đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  2.Các biện pháp tu từ  a.So sánh  b.Nhân hoá  c.Điệp ngữ |
|  | **B.LUYỆN TẬP**  **1. BÀI TẬP ĐỌC HIỂU** |
| **Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**  *Trò chơi ném còn có dụng cụ chính là một chiếc còn. Đó là một túi vải màu hình vuông, mỗi cạnh khoảng 10 cm, trong đổ cát, đuôi dài hơn 1 m bằng vải ngũ sắc. Giữa đồng người ta dựng một cây mai cao vút, đóng giá như kiểu cột cờ để có thể dựng lên hạ xuống được. Trên đỉnh chót người ta uốn ngọn cây mai thành một vòng tròn, dán giấy trắng, trong có điểm hồng tàm. Thanh niên gái trai chia làm hai bên thi nhau nhằm chiếc vòng giấy ấy mà tung còn. Người nào nhanh tay bắt được còn của đối phương tung đến mới được ném. Người ném trúng tính vòng giây thì được thưởng, nếu ném thung hồng tâm thì được giải thưởng to hơn ném tin rồi. Người ta hạ cột vá lại vòng giấy và cuộc vui tiếp tục.*  Câu 1: Văn bản có chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào?  Câu 2: Trong đoạn văn người viết đã nói về trò chơi dân gian nào? Trò chơi này thường tổ chức ở đâu vào thời gian nào?  Câu 3: Văn bản miêu tả những hoạt động nào của cư dân trong phần hội? Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng nào của con người?  **GỢI Ý:**  Câu 1: thể loại: văn thuyết minh  Câu 2: Trò chơi ném còn. Thường tổ chức trong các lễ hội ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.  Câu 3: Những hoạt động nào cư dân trong phần hội miêu tả trong phần hội là: thi ném còn, thi múa sư tử, lượn lồng tồng…Những hoạt động đó biểu thị con người có phẩm chất và khả năng: sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh. | |
| 1. **BÀI TẬP TIẾNG VIỆT**   **BÀI TẬP 1:** Nêu rõ công dụng của dấu gạch ngang trong các ví dụ dưới đây:  a. Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:  - Hức, thông ngách sang nhà ta? Nghe dễ nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  b. Rồi cả nhà- trừ tôi- vui như Tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế.  c. Đi suốt chiều dài hơn hai ngàn mét ở phần ngoài của Động Phong Nha, du khách có cảm giác như lạc vào thế giới khác lạ- thế giới của tiên cảnh.  d. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi- mùa xuân của Hà Nội thân yêu.  **Gợi ý trả lời:**  a. Dấu gạch ngang dùng đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật Dế Mèn  b. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  c. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  d. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  **BÀI TẬP 2: *Tìm biện pháp tu từ trong những câu sau:***  a) Con sông thức tỉnh  Uốn mình vươn vai  Giấc ngủ còn dính  Trên mi sương dài  *( Huy cận )*  b. Những ngôi sao thức ngoài kia  Chẳng bằng mẹ đã thức gì chúng con  Đêm nay con ngủ giấc tròn  Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.  *(Trần Minh Quốc)*  *c. Trời xanh đây là của chúng ta*  *Núi rừng đây là của chúng ta*  *Những cách đồng thơm mát*  *Những ngả đường bát ngát*  *Những dòng sông đỏ nặng phù sa.*  *( Đất nước – Nguyễn Đình Thi)*  ***GỢI Ý****:*  a) Nhân hóa b) So sánh. C. Điệp ngữ  ***Bài tập 3:*** Đất nước bốn nghìn năm  Vất vả và gian lao  Đất nước như vì sao  Cứ đi lên phía trước. *(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh hải)*  ***Em hãy trình bày ấn tượng về đất nước qua việc phân tích các biện pháp tu từ được sd trong khổ thơ trên.***  ***GỢI Ý***- Trong khổ thơ, tác giả nhân hóa đất nước vất vả và gian lao. Hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, mang dáng vóc người mẹ, người chị tần tảo, cần cù.  - Khi so sánh đất nước với “Vì sao cứ đi lên phía trước”, nhà thơ đã sáng tạo nên hình ảnh đất nước rất khiêm nhường (là vì sao chứ không dùng hình ảnh mặt trời) nhưng cũng rất tráng lệ, là một vì sao nhưng ở vị trí đi lên phía trước dẫn đầu. Đó là hình ảnh của cách mạng Việt Nam, của đất nước trong lịch sử thế giới  - Hình ảnh thơ đặc sắc và hàm súc đã ca ngợi sự trường tồn, hướng về tương lai của đất nước. Đó chính là lòng tự hào dân tộc sâu sắc.  **Bài tập 4:** *Chị tre chải tóc bên ao*  *Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương*  *Bác nồi đồng hát bùng boong*  *Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà.*  (***Buổi sáng nhà em*** - Trần Đăng Khoa)  ***Em có nhận xét gì về nghệ thuật trong những câu thơ trên ?***  **GỢI Ý:** Cần xác định nghệ thuật cơ bản ở đây là ***nghệ thuật nhân hóa***: Tre *chải tóc*, mây *soi gương*, nồi đồng *hát*, chổi *lom khom*,...Tất cả cảnh vật được miêu tả qua nghệ thuật nhân hóa đều trở nên mới mẻ, sống động và có hồn thể hiện ngay trong cách gọi tên: *chị, nàng, bác, bà*; cách miêu tả cảnh làm duyên nơi đồng chiêm với cái ao thân thuộc, cảnh trong một góc bếp,...  **Bài tập 5:** [**Liệt kê những từ ngữ địa phương trong đoạn trích sau. Cho biết tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ địa phương đó.**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đằng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nây1. Mưa Nam hay mưa Chướng2, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp3. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà tất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch4 nầy làm sao đâu, vì khi nước ròng5 rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất nầy làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoảng khoát6, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.  Người ấp7 Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng8, khỏi9 chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài nầy thì thích không chịu được.  Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng toả ra từ mẻ un?, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi10 kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai11, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.  [...] Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  (Nguyễn Ngọc Tư, *Ngủ ở Mũi*, in trong Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư,  NXB Trẻ và Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 159 - 161)  Gợi ý   |  |  | | --- | --- | | **Từ nghĩa địa phương** | **Nghĩa** | | Nầy | này | | Mưa Nam, mưa Chướng | Tương ứng mùa mưa, mùa khô ở Cà Mau | | Chằm đóp | Tấm rèm kết bằng lá dừa | | Con rạch | Đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. | | Nước ròng | Vị trí thấp nhất của mực nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. | | Khoảng khoát | Rộng và thoáng | | Ấp | Làng, xóm nhỏ | | Mùng | Màn | | Khỏi | Không cần | | Mẻ un | Củi, xơ dừa, vỏ quýt, vỏ bưởi, … được đốt cho khói bốc lên để đuổi muỗi | | Cá thòi lòi | Cá leo cây, loài cá sống ở các bãi lầy cửa sông, có khả năng di chuyển trên bùn. | | Lai rai | Uống rượu từ từ từng chút một, thường kèm đồ nhắm. |   Tác dụng: Từ ngữ địa phương trong đoạn trích làm tăng sắc thái địa phương cho văn bản và tác động tới cảm quan của người đọc, khơi gợi những ấn tượng riêng về vùng đất đặc biệt này. | |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Buổi 15 (Tiết 43+44+45)

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VÊ VẤN ĐỂ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG  
TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố về viết VB tường trình. Nắm những đặc điểm cơ bản của VB tường trình. Biết làm một VB tường trình đúng qui cách.

* HS biết trình bày ý kiến (dưới hình thức thuyết trình), bảo vệ ý kiến vể vấn để văn hoá truyến thống trong xã hội hiện đại trên cơ sở hiểu biết, trải nghiệm của bản thần và kết quả của hoạt động đọc trước đó.
* HS biết lắng nghe, trao đổi, phản biện, đối thoại với những ý kiến khác biệt trên tinh thần học hỏi, xây dựng, tôn trọng.

1. **Năng lực:**

- HS có kĩ năng tạo lập VB hành chính

- Năng lực nhận biết, phân tích một số đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận; chỉ ra được mối liên hệ giữa các yếu tố nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ?Tường trình nghĩa là gì? Đã bao giờ em phải viết bản tường trình chưa? Nếu từng viêt, hãy cho biết em đã thực hiện nó như thế nào*.*  ?Thể thức một văn bản tường trình gồm mấy mục? Đó là những mục nào? Nội dung của từng mục.  ***Mục nào không thể thiếu? Phần ND tường trình cần ntn?***  \* Phần ND: Cần trình bày cụ thể khách quan, chính xác diễn biến và kết quả sự việc, mức độ trách nhiệm người chịu trách nhiệm, những đề nghị.  ?Em hãy nêu một số tình hương viết bản tường trình?  - Tường trình với cô giáo chủ nhiệm về buổi nghỉ học không có lý do...  - Tường trình với cô chủ nhiệm về việc không chuẩn bị bài ở nhà.  - Tường trình với chú công an về vụ va chạm xe máy mà em chứng kiến. | 1. **Hệ thống kiến thức** 2. **Văn bản tường trình**   Gồm 3 mục.  a) Thể thức mở đầu.  - Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).  - Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).  - Tên văn bản tường trình ghi chính giũa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *về việc…*  - Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi.*  b) Nội dung  - Nêu thông tin về người viết tường trình (họ và tên: chức danh: chức vụ: đơn vị học tập, công tác;...), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là…,* hoặc *Tôi là…*  - Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đây dù thông tin vé thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.  c) thể thức kết thúc.  - Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lí vụ việc.  - Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên. |
| ?Theo em vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại có phải là vấn đề được nhiều người quan tâm không? Em hãy lấy một vài ví dụ.  - Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, văn hóa truyền thống có nhiều cơ hội cũng như thách thức, nên văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại đang là vấn đề được nhiều người quan tâm. | **II. Nói và nghe: trình bày ý kiến vể vấn để văn hoá truyến thống trong xã hội hiện đại**  **1**. **Định nghĩa**: Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại là nêu lên những suy nghĩ, đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể về vấn đề ấy để làm sáng tỏ cho ý kiến của người viết.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề, cần:  - Xác định vấn đề định trình bày ý kiến.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói: Xác định hệ thống lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người.  - Thực hành trình bày ý kiến trước lớp.  - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, video, thiết bị hỗ trợ nếu cần |
|  | 1. **Luyện tập** |
| ***Bài tập 1: Hãy phát hiện lỗi của bản tường trình dưới đây rồi sửa lại cho chính xác:***  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do- Hạnh phúc  **Bản tường trình**  **(Về việc hỏng thiết bị điện ở phòng học lớp 8A)**  Kính gửi: Ban phụ huynh lớp 8A .  Con là Nguyễn Duy Anh, lớp trưởng lớp 8A, xin phép được tường trình một việc như sau:  Ngày 10-4-2013, chúng con đến lớp như mọi ngày. Vì trời nóng, chúng con đã bật công tắc đèn và quạt để ngồi học dễ chịu hơn. Mới được chừng 15 phút, chúng con ngửi thấy mùi khét và có tiếng nổ lách tách. Chúng con sợ quá chạy ra ngoài. Sau đó bạn Nam đã nghĩ ra nên hạ cầu dao xuống. Nhưng sau đó, khi chúng con bật công tắc trở lại thì không thấy quạt chạy nữa. Chúng con xin cam đoan là chúng con không nghịch phá gì cả. Bây giờ chúng con nóng lắm. Mong các cô, bác sửa điện cho lớp con.  Người làm tường trình  Nguyễn Duy Anh  \***Bản tường trình đã mắc một số lỗi sau**  - Thiếu địa điểm, ngày tháng. Tên văn bản không viết chữ in hoa.  - Không gửi đúng người có thẩm quyền.  - Câu văn rườm rà, thừa.  - Xưng hô trong văn bản chưa chính xác.  \* **Có thể sửa lại như sau:**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ViỆT NAM**  **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**  Hà Nội, ngày 10-4-2013  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  (Về việc hỏng thiết bị điện ở phòng học lớp 8A)  Kính gửi: Ban giám hiệu Trường THCS Đông Ngạc.  Tên em là Nguyễn Duy Anh, lớp trưởng lớp 8A, xin phép được trình bày với cô một việc như sau:  Sáng ngày 10-4-2013, học sinh lớp 8A vào lớp học như bình thường. Vì trời nóng nên chúng em bật tất cả các quạt điện trong phòng học cho mát. Mới dược khoảng 15 phút,chúng em phát hiện có mùi khét và có tiếng nổ lách tách. Chúng em đã tắt quạt ngay. Nhưng sau đó, các quạt không chạy được nữa. Vậy em làm bản tường trình này để nhà trường biết và cho sửa chữa quạt điện ở lớp 8A.  Người làm tường trình  Nguyễn Duy Anh  Bài tập 2: Giả sử em là người đứng ra tổ chức một cuộc chơi thả diều cho nhóm bạn trong lớp vào một buổi chiều có giờ học phụ đạo ở trường. Nhóm của em bỏ học mà không xin phép thầy cô. Em hãy viết bản tường trình về việc này để trình bày với giáo viên chủ nhiệm và thầy cô dạy phụ đạo.  **Gợi ý**  Bài tập yêu cầu viết bản tường trình về việc em tổ chức chơi thả diều cho một nhóm bạn, vi phạm quy định của nhà trường. Trong bài tập này, em cần xác định sự việc để ghi tên văn bản tường trình, trình bày sự việc đầy đủ, rõ ràng. Cần tuân thủ quy định về thể thức của văn bản tường trình.  Em có thể tham khảo mẫu bản tường trình dưới đây:  CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ...„ngày... tháng... năm...  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  **Về việc tự ý tổ chức cuộc chơi thả diều**  Kính gửi: .......................... .  Em là ..., học sinh lớp ..., trường ..., xin phép tường trình một việc như sau:  ………………………………………………………………………………………  Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được thầy cô và nhà trường tha lỗi. Em xin hứa sẽ không bao giờ tái phạm.  Người viết tường trình  (Kí tên) | |
| **lập dàn ý đề bài sau:**  Trình bày ý kiến về việc mọi người thực hiện văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại | **Bài số 3:**  **I. Mở bài**  - Đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là vấn đề quan trọng. Và ý thức của thanh thiếu niên Việt Nam trong vấn đề này là điều rất đáng quan tâm suy nghĩ.  **II. Thân bài**  - Ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam được biểu hiện ở nhiều phương diện: cách sống, lối sống, quan niệm, suy nghĩ, hoạt động, nói năng, ăn mặc, ứng xử….  - Qua những biểu hiện trên, có thể thấy rõ ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam là như thế nào?  - Xem xét nguyên nhân của vấn đề này phải nhìn ở cả 2 mặt: khách quan và chủ quan. Khách quan là sự tác động của môi trường sống, của bối cảnh thời đại. Chủ quan là bản thân sự vận động trong tư duy của đối tượng: các thanh niên, thiếu niên đã quan tâm, suy nghĩ ở mức độ nào về vấn đề này.  - Với một ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc như vậy, thanh thiếu niên Việt Nam đang tác động như thế nào đến bộ mặt văn hoá dân tộc, đang để lại một kết quả ra sao cho tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sôi động.  - Xã hội, gia đình, bản thân mỗi thanh niên, thiếu niên nên làm gì để góp phần khẳng định bản sắc văn hoá Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.  **III. Kết bài**  - Bản sắc văn hoá là cái riêng của mỗi dân tộc. Giữ gìn cái riêng đó là trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có phần quan trọng của thế hệ trẻ. |
| Bài số 3: Nghị luận về giữ gìn bản sắc văn hóa | Bài số 4  I. Mở bài  Đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là vấn đề quan trọng. Và ý thức của thanh thiếu niên Việt Nam trong vấn đề này là điều rất đáng quan tâm suy nghĩ.  II. Thân bài  - Ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam được biểu hiện ở nhiều phương diện: cách sống, lối sống, quan niệm, suy nghĩ, hoạt động, nói năng, ăn mặc, ứng xử….  - Qua những biểu hiện trên, có thể thấy rõ ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam là như thế nào?  - Xem xét nguyên nhân của vấn đề này phải nhìn ở cả 2 mặt: khách quan và chủ quan. Khách quan là sự tác động của môi trường sống, của bối cảnh thời đại. Chủ quan là bản thân sự vận động trong tư duy của đối tượng: các thanh niên, thiếu niên đã quan tâm, suy nghĩ ở mức độ nào về vấn đề này.  - Với một ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc như vậy, thanh thiếu niên Việt Nam đang tác động như thế nào đến bộ mặt văn hoá dân tộc, đang để lại một kết quả ra sao cho tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sôi động.  - Xã hội, gia đình, bản thân mỗi thanh niên, thiếu niên nên làm gì để góp phần khẳng định bản sắc văn hoá Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.  III. Kết bài  Bản sắc văn hoá là cái riêng của mỗi dân tộc. Giữ gìn cái riêng đó là trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có phần quan trọng của thế hệ trẻ. |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 16 (tiét 46+47+48) ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**(Gv cho hs luyện đề)**

ĐỀ SỐ 1:

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

*(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*

(Trích “Mùa xuân của tôi” – Vũ Bằng)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 2.** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Bắc.

B. Miền Trung.

C. Miền Nam.

D. Tây Nguyên.

**Câu 3.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.

B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

**Câu 4.** Trong câu văn: *“Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong”* từ *“phong”* có nghĩa là gì?

A. Bọc kín.

B. Oai phong.

C. Cơn gió.

D. Đẹp đẽ.

**Câu 5.** Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

A. Sau rằm tháng giêng.

B. Vào ngày mùng một đầu năm.

C. Trong khoảng vài ba ngày Tết.

D. Trước rằm tháng giêng.

**Câu 6.** Câu nào **không** nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.

B. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

C. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

D. Cỏ tháng giêng nức một mùi hương man mác.

**Câu 7.** Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

A. Điệp ngữ.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. So sánh.

**Câu 8.** Dấu gạch ngang trong câu: “*Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...”* dùng để làm gì?

A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

B. Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

C. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.

D. Nối các từ nằm trong một liên danh.

**Câu 9.** Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

**Câu 10.** Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết *"Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân".* Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Truyền thuyết ”Bánh chưng, bánh giầy”. | 0,5 |
|  | **10** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  Lí giải phù hợp. | 0,5  1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*  HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu vé dối tượng đó.  • Nêu được những đậc điểm nổi bật khiến người, sự việc dó dể lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em,  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**ĐỀ 2: ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ, lại rộng nữa.

Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: “Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao?”. Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

“Cháu hát hay quá!” – Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi. Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ, mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ  như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

“Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn hai mươi năm nay” – một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: Đôi tai của tâm hồn.

(Theo Hoàng Phương – Sống đẹp)

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1:**Văn bản trên được viết theo thể loại gì?

A. Truyện

B. Kí

C. Tuỳ bút

D. Tản văn

**Câu 2.** Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên?

A. Vì cô bé không có bạn chơi cùng.

B. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

C. Vì cô không có quần áo đẹp.

D. Vì cô bé luôn mặc bộ quần áo rộng cũ và bẩn.

**Câu 3.** **Dấu gạch ngang sau có tác dụng gì?**

“Cụ già đó qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay.” - Một người trong công viên nói với cô.

a. Chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.

b. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu

c. Các ý trong một đoạn liệt kê.

d. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

**Câu 4.** Cụ già đã làm gì cho cô bé?

A. Cụ nói: "Cháu hát hay quá! Cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”.

B. Cụ khuyên cô bé cố gắng tập luyện để hát tốt hơn.

C. Cụ trở thành người người thân của cô bé, dạy cô bé hát.

D. Cụ khuyên cô bé rồi một ngày nào con sẽ trở thành ca sĩ.

**Câu 5.** Tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện là gì?

A. Cô bé không hề biết cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô bé hát.

B. Cụ già tốt bụng.

C. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng.

D. Một người nói với cô “Cụ già đó qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay”.

**Câu 6.**Cuối cùng, trong công viên, cô bé đã làm gì?

A. Suy nghĩ và khóc một mình.

B. Gặp gỡ và trò chuyện với một cụ già.

C. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả.

D. Một mình ngồi khóc xong rồi tiếp tục chơi.

**Câu 7. Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện?**

a. Là một người kiên nhẫn.

b. Là một con người hiền hậu.

c. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác.

d. Là một người biết lắng nghe.

**Câu 8. Nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau khiến cô bé trở thành một ca sĩ?**

a. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

b. Vì có lời khen, động viên của ông cụ tóc bạc trắng.

c. Vì cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

d. Vì cô bé rất thích hát.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** Nêu ý nghĩa của tình huống bất ngờ trong văn bản trên?

**Câu 10:**Bài học mà em tâm đắc nhất khi đọc xong văn bản? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về người thân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | - Tình huống bất ngờ trong câu chuyện trên là: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc.  -Ý nghĩa của tình huống: Ông cụ đã nghe giọng hát của cô gái không phải bằng đôi tai thông thường mà bằng tâm hồn và trái tim của mình – tâm hồn và trái tim giàu tình yêu thương | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.  + Trước khó khăn, thử thách con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.  + Tình yêu thương sẽ làm nên những điều kì diệu đối với con người.  + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công .......  -    …… | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của bài văn*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Đảm bảo đúng yêu cầu một bài văn biểu cảm: biểu cảm về người thân. | | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:* | | 2.5 |
| **a. Mở bài**:  - Giới thiệu chung về người em yêu quý  - Giới thiệu khái quát những tình cảm mà em dành cho người thân đó: yêu quý, kính trọng, ngưỡng mộ, cảm phục,...  **b. Thân bài**:  - Biểu cảm những nét ấn tượng về ngoại hình của người đó: mái tóc, dáng vẻ,...  - Biểu cảm về tính cách của người thân: nêu những tình cảm, cảm xúc đối với những đặc điểm tính cách của người thân.  - Nhắc kỉ niệm sâu sắc giữa bản thân với người đó thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về kỉ niệm đó.  **c. Kết bài**: Khẳng định tình cảm của mình với người | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |

**ĐỀ 3: Đọc văn bản *Suối* của Giả Bình Ao và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

*Trước cửa nhà tôi ở quê có một cây hoè già. Trong một đêm mưa bão bị sét đánh gẫy. Nhà gửi thư lên bảo: nó chết thảm lắm, gãy ngang lưng, lại bị xé thành bốn mảnh, đành phải cưa, chẳng làm được gì, bổ làm củi đun. Tôi đọc thư mà thương cảm, nghĩ bụng: gió bão đêm ấy là độc ác, là tàn bạo, hay mất phương hướng đã đem theo sấm chớp như vậy? Cây hoè già đáng thương yếu ớt không chống đỡ nổi sự tấn công ở bên ngoài hay sao [...]?*

*Sau đó, tôi về quê, không thể không gặp lại cây hoè. Từ lúc tôi biết nhớ, cây*

*hoè già đã đứng ở trước cửa, hình như nó không lớn, cứ to như vậy, cao như vậy. Bọn trẻ chúng tôi ngày đêm yêu mến cây hoè, cứ quanh quần ở đấy đánh đu, đá cầu [...], vui muốn chết, cùng vui đùa với chúng tôi là bầy chim. Mỗi khi trời tối, những chấm đen đầy trời, chợt sà xuống hết chẳng còn thấy con nào. Chúng tôi vui sướng vô cùng, cứ tưởng cây hoè là nhà của chim, chim sợ bóng đêm, bay về nhà cho an toàn và để được ấm cúng? Hoặc cây hoè là một hòn đá nam châm đứng giữa đất trời, hút tất cả những sinh linh trong không gian, chỉ để lại bầu trời rộng mông mênh đen ngòm? Mùa đông, mọi vật đều trơ trụi, cây hoè cũng rụng không còn chiếc lá; để đền đáp lại, chim chóc bay về đậu kín cành cây, ngọn cây. Ngay tức khắc, mỗi con chim là một chiếc lá, mỗi chiếc lá là một nốt nhạc ngân vang. Trong đêm đông tĩnh mịch, cây hoè già là một bài ca vút lên [...].*

*Hôm nay tôi đã về, đứa con lang thang xa cây hoè già hơn mười năm đã trở* *về. Vừa đặt chân lên đầu làng, đã nôn nóng nhìn cây hoè, quả nhiên không thấy đâu. Bước vào cổng, người trong nhà ai cũng ngạc nhiên, song mặt ai cũng ỉu xìu, gượng gạo. [...] Bây giờ, tuổi thơ của tôi đã qua đi, lấy cây hoè già để ôn lại nỗi nhớ, để an ủi, cũng không bao giờ có nữa, giữ lại cho tôi chỉ là một gốc cây đau lòng nhức mắt này ư? [...] Gốc cây to bằng cái nia, tròn như cối xay, sáng lờ mờ dưới ánh trăng. Thương thay nó chưa bị đánh gốc, trong lớp vỏ chung quanh gốc cây, những cành non nhỏ xíu mọc võng lên, cành cao cũng đầy một thước, cành nhỏ cũng nửa tấc. Tôi nhớ đêm hè năm xưa, bóng hoè che kín sân, chúng tôi cầm tay nhau vây quanh cây hoè, tự dưng không cầm được nước mắt. Thế giới sao tàn nhẫn, chẳng chịu tha cho cây hoè già? Tại nó mọc cao quá, mục tiêu hướng lên trời? Hay tại nó mọc to quá, đã ngăn cản sự lộng hành của bão gió?*

*Cậu con trai từ trong nhà lệch kệch bước ra, rồi gục người trên chân tôi, nhìn*

*mắt tôi, bảo:*

*- Bố ơi, cây mất rồi!*

*- Ừ, mất rồi!*

*- Bố cũng nhớ cây hoè già ư?*

*Tôi chợt cảm thấy đáng thương cho thằng bé. Tôi thương cây hoè, nó đã cho tôi hạnh phúc, cho tôi niềm vui. Con trai tôi càng buồn, sau khi chào đời, nó luôn ở quê nhà, bò dưới gốc hoè mà lớn, nhưng hạnh phúc và niềm vui của nó không được hưởng trọn vẹn, đã tiêu tan trong chốc lát. Tôi không còn lòng dạ nào nhìn con, giục nó đi ngủ, song nó bảo con thích đêm nào cũng ngồi ở đây và đã thành thói quen.*

*- Bố ơi - đứa con tôi bảo - hình như con vẫn nghe thấy lá cây đang reo, như*

*tiếng nước bố ạl*

*Ôi con tôi, sao con lại nói được như vậy? Như tiếng nước, tôi đã từng nghe nói thế. Nhưng hiện giờ, nước đang ở đâu? [...]*

*- Bố ơi, nước vẫn còn mà - con tôi lại thốt lên ngạc nhiên. - Bố xem, chiếc gốc*

*cây này chẳng phải là một dòng suối?*

*Tôi quay người, nhìn xuống gốc cây, bỗng dưng khiến tôi kinh ngạc: Ô, đúng là một dòng suối! Chất gỗ trăng trắng kia, rõ ràng là bóng nước dưới trăng, những vòng đời xoắn xuýt kia chẳng phải là những gợn sóng lăn tăn của nước suối toả ra? Thằng con trai tôi, đứa trẻ bé bỏng đáng yêu biết mấy, lại phát hiện ra dòng suối. Tôi phải cảm ơn con. Thế giới phải cảm ơn con, nó quả thật vĩ đại như Cô-lôm-bô (Colombo) phát hiện ra lục địa mới!*

*- Suối! Dòng suối của mạng sống! - Tôi xúc động, ôm châm đứa con trai và nghĩ, trong thế giới bao la này lại có nhiều chuyện lạ đến thế, thì ra, mỗi cây xanh đều là một dòng sông dựng đứng. Sấm chớp có thể phạt gẫy thân sống, song không huỷ được nguồn nước của nó, nó vẫn ngày đêm tuôn trào, vĩnh viễn không khô cạn. Từng chiếc rễ cây vươn ra dọc ngang dưới đất đều là từng nguồn, từng nguồn nước! Tôi không ghìm được mình nữa. Dưới ánh trăng, tôi chăm chú nhìn cành non mọc ra từ lớp vỏ gốc cây, trông chúng hớn hở làm sao, từng chiếc lá nhỏ xíu xoè ra, xanh non mượt mà, thăm thẳm. [...)*

*- Bố ơi, cành non này có mọc to được không?*

*- Được chứ - Tôi trả lời một cách chắc chắn.*

*- Chim sẽ đến chứ bố?*

*- Đến chứ*

*- Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?*

*Thằng bé hỏi câu ấy đột ngột, khiến tôi phát hoảng. Trả lời sao đây?*

(Giả Bình Ao, *Suối*, in trong Tản văn và truyện ngắn Giả Bình Ao, Vũ Công Hoan địch, NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr. 206 —- 210)

**1. Chọn phương án đúng**

**Câu 1:**Theo em, văn bản *Suối* thuộc thể loại gì?

A. Truyện đồng thoại

B. Du kí

C. Tản văn

D. Truyện ngụ ngôn

**Trả lời:**

Yêu cầu nhận diện thể loại. Có thể thấy văn bản *Suối*tuy có những yếu tố của truyện (sự việc, nhân vật) nhưng chủ yếu vẫn tập trung bộc lộ cảm xúc của người viết và những suy ngẫm về đời sống thông qua một sự việc chính. Do đó có thể xác định thể loại của *Suố*i là tản văn. Phương án đúng: C.

**Câu 2:**Trong Suối, những cảm xúc dâng trào của nhà văn được khơi nguồn từ điều gì?

A. Cuộc đời của nhân vật “tôi” đứa con lang thang xa quê hương

B. Cuộc đời của đứa con trai bé bỏng ở quê nhà, lớn lên dưới gốc cây hoè già

C. Cây hoè già trước cửa ngôi nhà ở quê - nơi bọn trẻ quanh quẩn đánh đu, đá cầu

D. Cây hoè già trước cửa ngôi nhà ở quê bị sét đánh gẫy trong đêm mưa bão

**Trả lời:**

Trong văn bản có nhân vật “tôi” và những chi tiết liên quan đến cuộc đời của nhân vật, tuy nhiên, sự việc chính khơi nguồn cho cảm xúc của nhân vật và thông qua đó thể hiện những suy ngẫm về đời sống của người viết chính là: cây hoè già trước cửa ngôi nhà ở quê đã bị sét đánh gãy trong đêm mưa bão. Có thể nhận ra chi tiết này ngay trong phần mở đầu văn bản. Toàn bộ cảm xúc của nhà văn được khơi nguồn từ đó. Phương án đúng: D.

**2. Trả lời các câu hỏi**

[**Câu 1: Nhan đề của văn bản là Suối. Nhan đề này có mối quan hệ như thế nào với hình tượng cây hoè già bị sét đánh gẫy và cảm xúc của tác giả?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-53-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

Để trả lời được câu hỏi này, cần chú ý mối quan hệ giữa nhan đề và đoạn đối thoại giữa người cha và đứa con trai:

*- Bố ơi - đứa con tôi bảo - hình như con vẫn nghe thấy lá cây đang reo, như tiếng nước bố ạ!*

*Ôi con tôi, sao con lại nói được như vậy? Như tiếng nước, tôi đã từng nghe nói thế. Nhưng hiện giờ, nước đang ở đâu? |[...]*

*- Bố ơi, nước vẫn còn mà - con tôi lại thốt lên ngạc nhiên. - Bố xem, chiếc gốc cây này chẳng phải là một dòng suối?*

*Tôi quay người, nhìn xuống gốc cây, bỗng dưng khiến tôi kinh ngạc: Ô, đúng là một dòng suối!*

Cây hoè già đã bị sét đánh gãy nhưng hình ảnh gốc cây như sáng lên dưới trăng và tiếng nước tuôn trào đã khiến người cha cảm nhận rằng có sự sống như dòng suối vẫn đang tiếp diễn*: “Ồ, đúng là một dòng suối! Chất gỗ trăng trắng kia, rõ ràng là bóng nước dưới trăng, những vòng đời xoắn xuýt kia chẳng phải là những gợn sóng lăn tăn của nước suối toả ra?”*

[**Câu 2: Cuộc đối thoại của người cha và con trai ở phần cuối văn bản gợi cho em suy nghĩ gì về cây hoè và cuộc hồi sinh của sự sống sau những biến cố, tai hoạ khốc liệt?**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-53-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

- Qua đoạn đối thoại, có thể thấy: Đứa con trai đã phát hiện ra điều đó và những câu nói của cậu bé làm người cha kinh ngạc, xúc động.

- Ý nghĩa mà văn bản thể hiện: Cái chết của cây hoè già và những mất mát của đời sống là có thực nhưng nó không có nghĩa là hoàn toàn chấm hết và dường như sự sống, niềm hi vọng và niềm tin luôn tổn tại.

[**Câu 3: Theo em, khi nghe con trai hỏi: “Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?” người cha sẽ trả lời ra sao? Hãy viết lại câu trả lời của người cha theo sự tưởng tượng, suy luận của em.**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-53-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)

**Trả lời:**

- Sự việc mở đầu của Suối: *Trước cửa nhà tôi ở quê có một cây hoè già. Trong một đêm mưa bão bị sét đánh gảy. Nhà gửi thư lên bảo: nó chết thảm lắm, gãy ngang lưng, lại bị xé thành bốn mảnh, đành phải cưa, chẳng làm được gì, bổ làm củi đun*.

- Mối liên hệ giữa câu hỏi của cậu bé với đoạn đối thoại trước đó của hai cha con về sự hổi sinh của cây hoè: *Dưới ánh trăng, tôi chăm chú nhìn cành non mọc ra từ lớp vỏ gốc cây, trông chúng hớn hở làm sao, từng chiếc lá nhỏ xíu xoè ra, xanh non mượt mà, thăm thẳm. [...]*

*- Bố ơi, cành non này có mọc to được không?*

*- Được chứ! - Tôi trả lời một cách chắc chắn.*

*- Chim sẽ đến chứ bố?*

*- Đến chứ!*

*- Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?*

**Câu 4: Lập dàn ý cho đề văn sau:** Trong bối cảnh phải đối mặt với những hiểm hoạ như thiên tai, dịch bệnh,... chúng ta thường được nghe, được chứng kiến những câu chuyện cảm động. Viết bài văn trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về một trong những câu chuyện như thế.

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu, dẫn dắt về câu chuyện cảm động trong mùa dịch: *Đó là câu chuyện gì? Diễn ra ở đâu? Trong thời gian nào? Những người liên quan là ai?*

Tinh thần đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của người Việt Nam, trải qua bao thế hệ, lịch sử. Tinh thần ấy cho đến nay vẫn luôn được kế thừa và phát huy trong xã hội. Và, trong trận đại dịch COVID-19 vừa qua, tinh thần ấy lại được thắp sáng, trở thành phong trào vô cùng rộng lớn, mạnh mẽ.

**2. Thân bài**

*- Em tận mắt chứng kiến, được nghe kể lại hay được biết qua báo đài và các phương tiện truyền thông?*

*- Vì sao câu chuyện đó lại khiến em cảm động, muốn chia sẻ?*

*- Từ câu chuyện đó, em rút ra được điều gì?*

Cụ thể:

- Dịch bệnh COVID-19 đã càn quét, gây ảnh hưởng về Sức Khỏe, kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới. Là một nước nằm trong vùng ảnh hưởng của dịch bệnh, Việt Nam đã có những cách xử lý tuyệt vời, làm thế giới thán phục. Có thể nói, chính nhờ sức mạnh của tinh thần đoàn kết đã giúp đất nước ta bước đầu chiến thắng trên mặt trận chống virus SARS-CoV2.

+ Ngay từ lúc dịch bệnh bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang lo lắng, chính phủ nước ta đã có động thái quyết tâm, thể hiện trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ công dân, tạo điều kiện đón họ trở về từ vùng dịch. Phương ngôn của Thủ tướng chính phủ lúc đó chính là “Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong cuộc chiến chống dịch bệnh COVID-19”.

+ Các hoạt động thiện nguyện, “lá lành đùm lá rách”, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

+ Cây ATM phát gạo miễn phí. Các thành phố lớn, quy tụ đông đảo những người lao động nhập cư tổng đại dịch bị thất nghiệp đã được các bạn trẻ, mạnh thường quân quan tâm, hỗ trợ. Trong thời gian cách lý, nhiều nhóm thiện nguyện đã tổ chức địa điểm phát đồ ăn, nước uống. Hay ở Sài Gòn, những tiệm kinh doanh ăn uống tự nguyện đóng cửa, tập trung phục vụ nấu cơm chay ngày 2 bữa, phát cho dân nghèo…

+ Sự hi sinh của các bác sĩ tuyến đầu chống dịch COVID-19.

+ Học sinh, sinh viên các trường đại học phát khẩu trang, nước rửa tay cho người dân.

+ Phong trào giải cứu dưa hấu, giải cứu tôm hùm,... khắp các tỉnh thành.

- Qua những hành động tốt đẹp, ý nghĩa đó giúp ta thêm yêu, tự hào về dân tộc hơn. Là người con của Việt Nam, chúng ta cần nhắc nhở bản thân phải giữ gìn và nhân rộng tinh thần ấy.

**3. Kết bài**

- Cảm nghĩ của em về câu chuyện: xúc động, tự hào, …